

# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa-soạn : 233, đường Phạm Ngũ-Lão Sài-gòn — Đ.T. 25.861

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



**NĂM THỨ V \* số 89 \* 1-10-62**

1.— Đem chuông đi đánh ở xứ người . . . Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Năng lượng nguyên tử . . . . . Hoàng xuân Hãn	10 — 16
3.— Ropu mu sê, bê mu gang . . . . . Touneh Han Đin	17 — 24
4.— Viễn trình (thơ) . . . . . My-Sơn	
Độc hành ca . . . . . Huỳnh Minh Tấn	25
5.— Sau giấc mơ hoa (thơ) . . . . . Huyền Quân	26
6.— Nhân vật xuân thu . . . . . Thiệu-Sơn	27 — 30
7.— Chuyện tâm linh... . . . . Vương hồng Sèn	31 — 35
8.— Giao duyên (thơ) . . . . . Nguyễn Tam	36
9.— Thư cho em (thơ) . . . . . Thanh-Nhung	37
10.— Cuộc bầu cử Quốc hội Nhật . . . . . Nông bằng Giang	38 — 41
11.— Văn-dề học Sinh-ngữ . . . . . Nguyễn văn Côn	42 — 50
12.— Chị sáu « Đằm » (truyện ngắn) . . . . . Mỹ Khanh	51 — 57
13.— Lập trường của nhà văn . . . . . Thiệu Sơn	58 — 61
14.— Danh nhân thế-giới : Charlie Chaplin . . . . . Té-Xuyên	62 — 69

15.— Cặp vợ chồng « Yêu Râu Xanh » . . . . . Vũ - Sinh	70 — 75
16.— Sóng lè cầu sương (thơ) . . . . . Chim Hoàng	76
17.— Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . . Nguyễn-Vỹ	77 — 81
18.— Hoa thơ : Thu về thăm Huế . . . . . Lệ Thủy	
Trần Kinh, Quỳ Ưu	82
19.— Phổ-Thông vòng quanh thế-giới . . . . . Xuân-Anh	83 — 87
20.— Thơ « Hoang-vu » dịch . . . . . Đặng-Công-Thắng	88 — 89
21.— Phê bình sách : Vaste recueil de légendes merveilleuses . . . . . Nguyễn - Vỹ	90 — 93
22.— Minh ơi ! em muốn biết thêm về Yoga . Diệu-Huyền	94 — 103
23.— Hãy yêu đi (thơ) . . . . . Hoàng Thắng	104
24.— Chuyện lạ kim cổ . . . . . Điền Sơn	105 — 109
25.— Thơ lên ruột . . . . . Diệu-Huyền	110
26.— Sách báo mới . . . . . Phổ-Thông	111 — 113
27.— Lợi ngược (truyện dài) . . . . . Nguyễn Vỹ	114 — 119
28.— Thư bạn đọc . . . . . Phổ-Thông	120 — 122
29.— Đáp bạn bốn phương . . . . . Diệu-Huyền	123 — 130

\* Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).  
\* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.  
● Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.  
● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.  
Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

**Ở** A rồi một nhóm ca-sĩ chuyên-nghiep gồm vài chục nam-nữ ca-sĩ thường trình-diễn trên các sân-khấu Saigon, sang HongKong và Nhật-Bản để biểu-đương ca-vũ-nhạc Việt-nam, với tư-cách chính-thức là phái-đoàn văn-hóa Việt-Nam.

Trước khi lên đường, đoàn này có tổ-chức một buổi tiệc long-trọng tại một nhà hàng ngoại-quốc lớn nhất ở Thủ-đô. Người ta có mời dự tiệc rất đông các nhân-vật Ngoại-

**X á - l u ậ n**

giao đoàn, của các nước bạn Đông-phương và Tây-phương và các vị Bộ-trưởng phụ-trách về Văn-hóa, và xã-hội, của Chính-phủ Cộng-hòa.

Theo lời của một nhạc-sĩ, trưởng phái-đoàn, thì cuộc tiếp-tân có mục-dịch giới-thiệu với các đại-diện quốc-tế các ca-sĩ có tài-nghệ cao-kỳ nhất ở Việt-nam, được chọn lựa đem tài-nghệ ấy ra phô-diễn ở Tokyo, để đáp lại sự viếng thăm của các đoàn nghệ-sĩ Nhật đã qua xứ ta mấy lần trước, và thắt-chặt tình hữu-nghị văn-hóa với nước bạn.

**Đem Chuông**

**Đi Đánh**

**ở xứ người**

Kề ra, đoàn nghệ-sĩ gồm khá nhiều những kẻ mà chính họ vẫn mệnh-danh mấy lâu nay là « danh-ca », « nữ danh-ca », « nhạc sư », « quái-kiệt », v.v... Họ đã hòa-tấu rất khéo-léo công cuộc đem chuông đi đánh ở xứ người. Các giới bàng-quan cũng như toàn-thể đồng-bào trong nước và ở Hải-ngoại đều chờ đợi kết-quả và mong-mỏi làm sao tiếng chuông do họ gióng lên sẽ được lừng vang trên mặt bể Thái-bình-dương.

Đành rằng có nhiều người rất nghi-ngờ tài-nghệ của các nhân-viên trong phái đoàn, — về sắc đẹp, giọng ca, điệu hát, kỹ-thuật v.v... đều còn quá thô-sơ, so-sánh với ngoại-quốc, — nhưng hầu hết các nhà thức-giả đều tin-tưởng phần nào nơi thiện-chí của các nghệ-sĩ sẽ cố gắng khai-thác khả-năng đến cực-độ, và nhờ đó sẽ có thể gây được ít nhất đôi chút cảm-tình của khán-giả ngoại-quốc chẳng ?



« Phái-đoàn trao-đổi Văn-hóa » ra đi đã một tháng. Kết-quả thật là không ngờ. Một thất-bại thê-thảm, làm tiêu tan tất cả bao nhiêu hy-vọng.

Buổi trình-diễn đầu tiên ở HongKong, có lẽ do những kẻ tổ-chức không sắp đặt đầy-đủ phương-tiện, và tài-nghệ của một số nghệ-sĩ, không hấp-dẫn nổi số khán-giả đã thừa-thót mặc dầu họ đến đầy với nhiều cảm-tình thân-thiện.

Cuộc thất bại ở Nhật-bản lại càng chua-chát hơn nhiều. Một vài nam-nữ ca-sĩ đã phải bỏ phái-đoàn về nước trước khi mãn kỳ-hạn du-hành. Thất bại đến đổi hình như một số « nghệ-sĩ » không có tiền trả tiền phòng đã bị xiết đồ hành-lý, và một số khác phải bị bắt buộc trình-diễn với bọn gái thoát-y vũ, để một vài tờ báo ngoại-quốc nêu ra, làm mất cả thề-diện của giới nghệ-sĩ Việt-nam.

Mang chuông đi đánh ở xứ người, là một dụng-ý tốt đẹp, rất đáng khen. Nhưng mang một cái chuông gỗ, sơn son thếp vàng cho loè-loẹt mà chuông đánh không thành tiếng chuông, thì là một điều đáng hận.



Tạp-chí *Phò-Thông* có một số đông bạn đọc Ngoại-quốc và kiều-bào ở Nhật, cũng như ở Hồng-Kong. Nhân cơ-hội này, chúng tôi tự thấy có bổn-phận điều chỉnh một vài quan-điểm đề sáng-tỏ một phần dư-luận của các bạn ở Hải-ngoại đối với Ca-nhạc Việt-Nam từ mấy lúc sau đây.

Ca-nhạc thuần-túy Việt-nam, mang tính-chất dân-tộc Việt-nam, biểu-dương được tinh-thần Việt-nam, và góp phần trọng-đại trong gia-tài văn-hóa của giống-nòi, không phải là loại ca-nhạc ngoại-lai mà một số người ào-ạt chạy theo man-hứng thường gọi là Ca-vũ-nhạc của « Đợt-sóng-mới ».

Nhiều điệu ca-nhạc mới của ngoại-quốc, được cốp nhặt và sửa đổi lại, hoặc bắt chước theo đấy mà gượng ép vào giọng hát của người Việt, không phải là ca nhạc chân chính Việt-Nam. Chỉ một thiểu số ưa chuộng, và chỉ được thịnh hành trong một phạm vi có giới hạn nào đó thôi ở các hộp đêm hoặc các « Phòng trà ». Đại-đa-số người Việt-Nam đã chán ghét loại nhạc ấy từ lâu, sau khi họ nhận thấy nó không còn bản lĩnh Việt-Nam nữa.

Cô ca-nữ nọ sang Mỹ học giọng *mezzo-soprano* về trình-diễn đôi bài trên sân khấu Saigon vừa rồi, và đã thu nhận một thất bại chua-chát, chỉ là một thí-dụ điển hình. Cho nên, nếu có một số các bài hát, các bản nhạc, mà họ gọi là « tân nhạc » Việt-Nam do một số ca-nữ và ca-sĩ trình diễn trước một công chúng thính giả quốc-tế, bị công chúng ấy chê bai và phê-bình rẻ-rúng, xin các bạn tin rằng chính loại ca nhạc lai căn ấy cũng không được đại chúng Việt-Nam thưởng thức.



Chúng tôi không hiểu tại sao chánh-quyền Việt-nam lại cò-xúy một vài cuộc phô-trương kém-cỏi mà mệnh-danh là « văn-hóa » trước những công-chúng quốc-tế? Đối với Quốc-tế, Văn-hóa Việt nam đang ở một trình-độ sút kém như thế ư?

Vài ba tháng trước đây, một ca-sĩ sang trình-bày một vài bản nhạc và bài ca Việt-nam trên một sân-khấu Paris, cũng đã bị thất

bại. Tạp-chí *Phò-Thông* không đề-cập đến, vì đó là một thất-bại cá-nhân, do một sáng-kiến riêng, không có liên can đến danh-dự chung của nghệ-thuật ca-nhạc Việt-nam.

Nếu bất cứ đoàn ca-sĩ nào đi ngoại-quốc trình diễn với tư-cách riêng, có mục-đích hoàn-toàn thương mại, thì ai nói đến làm chi. Còn nếu mang theo danh-nghĩa một « Phái-đoàn Văn-Hóa », dưới sự bảo-trợ, hay không, của Chính-phủ, thì cần phải một phái đoàn xứng đáng với vinh-dự đặc-biệt ấy. (1) Chứ đâu phải với vài bài ca vũ nhạc Rumba và Twist bắt chước của Mỹ, đem lên sân khấu ngoại-quốc mà dám xưng là « *Phái-đoàn Văn-hóa Việt-Nam* »? Sao lạm-dụng danh-nghĩa **Văn-Hóa** như thế?

Theo ngu-ý của chúng tôi, chính quyền nên thận-trọng, phải hết sức dè-dặt, khi muốn bảo trợ một « phái-đoàn Văn-hóa », — Văn-học, hay nghệ-thuật, — đại-diện Văn-hóa Việt-nam đi góp mặt góp lời với người thiên-hạ.

Một vài « Đại-diện » « Văn-nghệ » đi dự Hội-nghị này nọ tại các Thủ-đô ngoại-quốc, đã đem về một hãnh-diện nào chưa cho xứ sở?

Nếu chính-phủ muốn đem chuông đi đánh ở xứ người đề tiếng chuông của Miền Nam Tự-do được vang-rền bốn bề, thì hãy gửi đi một chuông đồng. Xin các ngài đừng gửi một thớt gỗ.

## N. V.

(1) Đoàn ca-sĩ V.N. biểu-diễn ở Nhật, có đăng quảng cáo và treo hai tấm biểu-ngữ bằng ba thứ tiếng Anh-Nhật-Việt như sau đây :

Vietnamese Cultural Mission

(Phái-đoàn Văn-hóa Việt-nam)

và Vietnam Artists troop

Vietnam Geijutsu dan

Đoàn nghệ-thuật Việt-nam

## KỶ SAU :

★ Sinh-viên Việt-nam ở Tokyo phê bình « **Phái-đoàn Văn-hóa Việt-nam** » trình-diễn ở Nhật.

★ Một cái nhục cho Văn-hóa Việt-nam.

đăng trong PHỒ-THÔNG tạp-chí, là tờ báo văn-hóa được đa số anh chị em sinh-viên ta ở Hải-ngoại mến-chuộng, cũng như sinh-viên trong nước.

Tạp-chí Phồ-Thông xin cảm ơn nhã-ý của giáo-sư Hoàng-xuân Hãn và cảm tình của ông đối với chúng tôi.

N.V.



I.- NGUYÊN - TỬ VÀ NHÂN - TỬ

chứng-minh rằng mọi nguyên-tử gồm có hai phần: phần vỏ rất nhẹ ở xa ngoài, và phần nhân rất nặng co-rút nằm trong.

Núi sông trăng gió, hoa cỏ thú cầm, mọi vật trong vũ-trụ đều bởi chùng một trăm phần-tử rất nhỏ hợp lại mà nên. Người ta coi những phần-tử ấy là nguyên-thủy của vạn vật, cho nên gọi nó là nguyên-tử. Mỗi thứ nguyên-tử hợp lại thành một đơn-chất, ví như vàng, bạc, dưỡng-khí, thủy-ngân. Vậy nguyên-tử là phần bé nhất còn giữ đủ các đặc-tính của một đơn-chất. Số nguyên-tử hoặc thiên-nhiên hoặc nhân-tạo chỉ có vào hàng trăm; nhưng hỗn-hợp lại, nó tạo thành hằng-hà-sa-số chất hình thành trực-tiếp mọi vật.

Mặc dầu tên nó là vậy, nguyên-tử chưa phải là nguyên-thủy của vũ-trụ. Ốc triết-lý, tài thí-nghiệm đã phát-giác và

Cả hai phần đều phức-tạp. Phần vỏ gồm một số hạt rất nhẹ (khối-lượng tối thiểu của vật-chất) mang theo một lượng âm-điện cũng tối-thiểu. Hạt ấy có tên âm-điện-tử, thường gọi tắt là điện-tử, tuy rằng tên ấy có thể làm lẫn nó với dương-điện-tử (hạt này rất yều, nên tựa hồ như chỉ có âm-điện-tử mà thôi). Ta sẽ gọi tắt nó là hạt-vỏ. Phần nhân còn phức-tạp hơn nhiều; đến ngày nay cũng chưa biết hết các-thành-phần của nó. Nhưng ta có thể nhận rằng nó gồm hai thứ hạt lớn bằng nhau và nặng gần bằng hai nghìn lần hạt vỏ; ta gọi chung các hạt ấy là hạt nhân; một thứ mang dương-điện, gọi là dương-nhân-tử; thứ kia không

NĂNG  
LƯỢNG

Nguyên  
- tử?

QC-giả của  
Phồ - Thông  
tạp-chí chắc  
đã được nghe  
danh - tiếng

★ HOÀNG-XUÂN-HÃN  
(Paris)

ông Hoàng-Xuân-Hãn từ lâu. Tốt-nghiệp trường Cao-dẳng Bách-Khoa Pháp, là một trường Đại-học có uy-tín nhất trên thế-giới, Tổng-trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Mỹ-Thuật của Chính phủ Trần-Trọng-Kim (1945), ông lại là một giáo-sư Đại-học và cũng là một nhà Văn nổi danh của Việt-nam, một học-giả uyên-thâm, đã trứ-tác những quyển sách nghiên-cứu rất có giá-trị về Lịch-sử và Văn-học Việt-nam. Hiện nay, ông là giáo-sư Đại-học ở Paris. Tuy sống ở Pháp, ông Hoàng-xuân-Hãn vẫn luôn luôn để ý đến việc xây dựng Văn-hóa nước nhà, và hằng nghĩ đến vấn-đề giáo-dục và ứng-dụng khoa-học bằng tiếng Việt. Bài sau đây, ông đã diễn-thuyết ở Paris theo lời yêu cầu của anh em sinh-viên Việt-nam ở Pháp, nay ông có « bỗ-lục và khước-trương thêm » để giữ

mang điện, cho nên ta đặt tên cho nó là *hòa-nhân-tử*. Sau này cũng nói tắt : *hạt dương, hạt hòa*.

Trái với hạt vỏ rời-rạc xa chung-quanh, các hạt nhân xúm-xít ở trong lẫn-lộn. Số dương-nhân-tử vừa bằng số hạt vỏ và mỗi một hạt ấy cũng mang một điện-lượng tối-thiểu bằng điện-lượng của hạt vỏ, nhưng điện-tính trái nhau ; thành-thử nguyên-tử tuy mang điện mà trở thành *trung-hòa*, mặc dầu có thêm hòa-nhân-tử là những hạt chỉ làm nhân thêm nặng chứ không thêm điện chút nào. Các đơn-chất khác nhau bởi số dương-nhân-tử ( hoặc là số âm-điện-tử cũng vậy ). Nhân của *Hyt-rô* (khinh-khí) chỉ có một dương-nhân-tử, nhân *Cac-bon* (than) có 6 dương-nhân-tử và 6 hòa-nhân-tử, nhân sắt có 26 dương-nhân-tử và 30 hòa-nhân-tử.

Chính số dương-nhân-tử quyết-định hóa-tính của đơn-chất. Cho nên nếu có hai đơn-chất cùng chung số dương-nhân-tử mà khác số hòa-nhân-tử, thì hóa tính in hệt nhau. Khác nhau chỉ vì nhân nặng nhẹ chênh-lệch vì số hạt nhân khác nhau. Số

hạt nhân toàn bộ thường gọi là *nguyên-tử-số*, nó là bởi số dương và hòa-nhân-tử cộng lại mà thành. Hai đơn-chất như thế gọi là *đồng-vị*, vì trong bảng xếp thứ-tự theo số dương-nhân-tử, chúng đứng ngang hàng. Tất cả các đơn-chất đều có nhiều đồng-vị, nhưng thường chỉ có một đồng-vị choán phần to. Ví dụ Hyt-rô có hai đồng-vị khác, là *Deu-te-ri* (Deuterium) và *Trit-ri* (Tritium), cả ba đều chỉ có một dương-nhân-tử, nhưng khác nhau vì Trit-ri có hai hòa-nhân-tử, Deu-te-ri có một và Hyt-rô thì không. Ba đơn-chất ấy lẫn-lộn nhau, nhưng Hyt-rô choán 9999 phần vạn.

Nói tóm lại, vạn vật gầy nên bởi rất nhiều chất hỗn-hợp. Mỗi hỗn-hợp gồm ít đơn-chất. Mỗi đơn-chất kết-cấu bởi vô-số nguyên-tử giống nhau, nhưng đặc-biệt cho chất ấy. Mỗi nguyên-tử có hai phần : nhân và vỏ. Vỏ chỉ có âm-điện-tử. Nhân có nhiều thứ hạt, trong đó quan-trọng là dương-nhân-tử và hòa-nhân-tử. Sau đây là một vài con số khiến ta thấy sự vô-cùng nhỏ của các phần-tử ấy. Âm-điện-tử chỉ nặng chừng một phần 10000... (có 27 con số không)

của gờ-ram ; bán-kính nó đo một phần 50000... (có 12 con số không) của phân. Dương-nhân-tử và hòa-nhân-tử đều nặng 1836 lần âm-điện-tử, nhưng không lớn hơn hạt vỏ ấy. Vậy nên nhân của nguyên-tử nặng nhất cũng không to quá mười lần hạt vỏ nếu đo theo đường kính. Xem vậy thì hạt nhân và hạt vỏ kích-thước ngang nhau và đều rất bé. Nhưng nhân và vỏ lại tương-đối cách nhau rất xa : khoảng cách bằng chừng mười vạn lần bán-kính của nhân. Ta có thể tưởng-tượng nguyên-tử như là nhóm mặt trời và các hành-tinh bay chung quanh, nhưng theo tỉ-lệ mà tính thì các hành-tinh còn gần mặt trời hơn là hạt vỏ gần nhân của nguyên-tử ! Xem vậy thì vật-chất mà ta tưởng là chắc nịch cũng là rỗng tuếch mà thôi.

## 2— ĐẶC TÍNH CỦA ĐIỆN-TỬ

Nhân và vỏ xa cách như vậy mà vẫn quyến-luyến giữ lấy nhau, đó là nhờ vỏ âm và nhân

dương, hai điện ấy hút nhau mà giăng kết. Thế mới biết rằng Ôn-như-hầu đã viết câu thơ thâm-thúy :

« Có âm dương có vợ chồng,

Dẫu từ Thiên Địa cũng vòng phu thê »

Nhưng trái với thường-tình, nhân tuy là chồng, lại là nội-tướng !

Thật ra, duyên nhân-vỏ là duyên gián-cách, cho nên đứt nối là thường. Nhiều nòng điện-tử lẳng-lơ, bị *dương-thế* ở ngoài hấp-dẫn mạnh, bèn bỏ « cố-nhân », mà chạy rông trên những đường dây dẫn-điện. Ta chả lạ gì rằng trên dây đồng, bạc và vàng, nòng chạy càng nhanh. Lại có nòng điện-tử, ở mặt ngoài vỏ, tuy không bỏ « lương-nhân » mình hẳn, nhưng tính hay thốc-mách, bèn làm mối-lái đề ngoắc nguyên-tử này với nguyên-tử khác đề cấu thành những gia-đình hỗn-hợp mà ta thường gọi bằng *phân-tử*. Đó là hai hiện-tượng vô-cùng quan-trọng về lý-hóa : luồng điện chạy trong vật dẫn-điện, và sự hóa-hợp của các đơn-chất.

Nói một cách đúng-dẫn thì luồng điện chạy trong dây điện chỉ là hàng đàn điện-tử tự-do chạy cùng chiều vì có điện-thế ở một phía cao hơn phía kia nó hấp-dẫn. Tùy theo bản-chất của dây, đàn điện-tử chạy nhanh hay chậm; rồi người ta bảo chất ấy dẫn-điện tốt hay xấu. Sắt dẫn-điện kém đồng. Vàng dẫn nhanh hơn hết.

Mặt ngoài hết nguyên-tử nhiều nhất có tám hạt vỏ. Nếu đủ số tám thì đơn-chất ấy không đan-đấu với đơn-chất khác nào. Nhưng nếu không đủ tám, thì vỏ của hai nguyên-tử khác loài dính lại cùng nhau vì một điện-tử ở vòng ngoài bỏ vỏ này chạy sang vỏ nọ. Nhờ sự hóa-hợp ấy mà có hàng-hàng-số *hợp-chất*, như muối, đường, nước uống, cơm ăn. Hóa-hợp nhiều khi làm bật nóng bật sáng, như than cháy hoặc thuốc súng nổ; đó là nhờ điện-tử thọc-mách. Còn như điện-tử lằng-lơ thì những khi chen-chúc chạy qua sợi dây mảnh cũng làm bật nóng bật sáng, như trong bóng đèn điện.

Ta nói bông-đũa nòng điện-tử mà chơi, chứ tác-dụng cái hư

thân mất nết của nòng lớn-lao quan-hệ đến ta biết chừng nào! Nhờ cô ả nhu-mì thất-tiết mà người ta mới có muôn đồ vật-dụng, máy điện mới chạy, phi-cơ mới bay. Cho đến bản-thân ta, không ả thì chỉ là không-không cả!

### 3.— SỨC THỨC-KẾT NHÂN-TỬ VÀ PHÓNG - XẠ

Tuy tác-phong các ả nẩy lửa như vậy, nhưng trong khi lằng-quăng ngoài vỏ, các ả có biết chẳng rằng trong ruột, các chàng nhân-tử đang âm-thầm níu chặt lấy nhau. Níu chặt rất mãnh-liệt làm cho cái nhân tuy nặng mà co-ro thành nhỏ xíu. Sức thức-kết giữa các chàng mạnh gấp triệu lần sức các chàng lôi kéo các ả.

Giữa hai hòa-nhân-tử có *sức hút chất tính Niu-ton*, cũng như giữa hai dương-nhân-tử hay là giữa hai hạt nhân khác loại. Nhưng sức hút ấy bé. Và giữa hai dương-nhân-tử đều mang dương-điện, đáng lẽ có *sức-đẩy điện-tính Cu-lông*. Thế thì bởi

đâu kết quả lại thành một sức hút vô-cùng mạnh. Đó là một bí-diêm của vũ-trụ mà các nhà lý-toán đang tìm cách khám phá chưa ra. Nhưng ta biết chắc rằng sức thức-kết giữa hạt nhân rất bền, không thể lấy năng lượng thường xuyên mà thắng nổi. Dầu ta đốt, ta nghiền, ta nhúng vào cường toan, ta đặt vào luồng điện, ta cũng chỉ có thể làm sây-xát điện-tử vòng ngoài, chứ nhân vẫn trơ-trơ, y nguyên như cũ, không đổi thành nhân đơn-chất khác. Cái mộng biến sắt ra vàng của thời xưa chưa thể thực-hiện như thế được. Những đơn-chất hiện còn trên trái đất đã nhờ sự bền-bĩ của nhân nên mới tồn-tại. Ta cứ tưởng-tượng sự kết-thúc hạt nhân lỏng-lẻo, thì có hạt bỏ bạn mà chạy tông, khiến cho nguyên tử gốc mình biến thành nguyên-tử khác, rồi nòi giống mình tiêu-diệt dần dần.

Thật ra, trong vũ-trụ đã có nhiều chất bị tiêu-diệt hoặc đang bị tiêu-diệt bằng con đường ấy. Ví-dụ chất *Po-lu-ton* thiên nhiên không còn nữa, nay nhờ nhân-tạo mà thành; chất *Ra-di* nay còn rất ít mà cứ hao mòn dần. Ấy vì những cơ thiên nhiên mà

một số hạt nhân luôn-luôn li-thoát, không cách gì cản trở được. Một nguyên-tử tự-nhiên tung ra một số hạt nhân như vậy, ta gọi sự ấy là *phóng-xạ*. Phóng xạ không những là tung ra một dương-nhân-tử hoặc một hòa-nhân-tử riêng-rẽ mà thôi; cũng có thể tung ra một cặp dương và hòa-nhân-tử kết-thúc với nhau thành nhân chất Đeu-tơ-ri (*Đeu-te-ri-tử*) hoặc hai cặp như vậy dính nhau thành nhân chất He-li (*He-li-tử*) mà thường gọi tắt là *tia Al-pha*. Những viên đạn tung ra như vậy rất chóng, cho nên có khả năng bắn phá rất mạnh. Mà đạn lại rất nhỏ, cho nên người ta đã dùng nó để bắn phá những tế-bào ung-thư. Cách chữa bệnh ung-thư bằng Ra-di, hoặc bằng *Co-bal*, dựa trên bản-tính ấy. Phóng-xạ lại còn tung ra những hạt khác tuy ở nhân mà ra, nhưng không phải là hai hạt nhân đã thấy. Có thể tung một thứ âm-điện-tử rất nhanh rất mạnh thành *tia Bê-ta*, hoặc một thứ hạt nhanh như ánh sáng, không khối-lượng mà chỉ có năng-lượng rất cao. Người ta gọi hạt cuối cùng này là *Quang-tử* hay là *tia Gam-ma*. Những tên Al-pha Bê-ta và Gam-ma chẳng

qua là ba mẫu-tự Hi-lạp đứng đầu, giống với A B C. Nhà lý-học Anh là Rutherford (Ru-thơ-fót) đã dùng ba tên ấy để phân-biệt ba tia phóng-xạ mà ông đã nhận thấy từ đơn-chất U-ran phát ra.

Đến đây, ta không khỏi thắc-mắc tự hỏi vì sao mà nhân lại phát ra hạt vỏ và quang-tử. Hạt vỏ sao mà lại có trong nhân? Nguyên-do vì hai hạt nhân, dương và hòa-nhân-tử, khác nhau không những bởi hạt dương mang dương-điện mà hạt hòa thì trung-hòa, mà còn khác nhau vì trọng-lượng chênh-lệch chút ít: hòa-nhân-tử nặng hơn dương-nhân-tử già một phần nghìn trọng nó, khiến ta có thể coi hạt hòa như là một hạt dương lại, có mang theo một hạt vỏ, vì như vậy thì trọng nó nặng hơn chút ít mà về mặt điện thì âm dương hợp lại trở nên trung-hòa. Bởi những lẽ gì huyền-bí, có khi một hòa-nhân-tử trong nhân tự-nhiên trục-xuất năng-điện-tử theo mình mà tự biến ra một dương-nhân-tử, y như ông chồng kia đuổi vợ để thành một vi-hôn-nhân! Năng-điện-tử cũng chẳng vừa, bị đuổi thì bay ra rất chóng, rất mạnh, phá-phách tứ-tung. Đó là tia Bê-ta, một nguồn khốc-hại khi ta lại gần một vật phóng-xạ. Năng-tai-hại ấy còn mang theo một cái bóng vĩa căng tai-hại hơn: đó là quang-tử hoặc tia Gam-ma.

Nguyên-do là: trong khi hạt hòa đổi lột, nó gầy đi một trọng lớn hơn điện-tử. Trừ điện-tử đi rồi, còn thừa một khối rất nhỏ vật-chất vấ-t-vơ. Nhà lý-học Einstein (En-xi-ten) đã tiên đoán rằng trong vũ-trụ CHẤT và NĂNG là một, chất biến ra năng, năng biến thành chất. Quả thật vậy, khối vật-chất vấ-t-vơ kia hoàn-toàn biến ra năng mà tung ra như là một tia ánh-sáng, không trọng-lượng, nhanh như ánh-sáng nghĩa là bay một giây 30 vạn kilomet, rất mạnh và rất nguy-hiểm nhất của các vật phóng-xạ. Có khi phải chặn nó bằng mấy thước tường chì.

Nói tóm lại, sức thúc-kết vỏ và nhân là nhẹ, còn sức thúc-kết giữa hạt nhân với nhau lại rất mạnh. Những phương-pháp thường không làm di-chuyển nhân được. Nhưng có một số nhân tự-nhiên phóng-xạ, bắn ra hoặc dương-nhân-tử, hoặc hòa-nhân-tử, hoặc âm-điện-tử hoặc quang-tử; kết-quả là chất này biến ra chất khác, biến chuyển cho đến khi thành một đơn-chất không phóng-xạ mới thôi. Chất cuối cùng của dây chuyền kia thường là một loại chì, chứ không phải một loại kim qu như người ta mong ước.

HOÀNG-XUÂN-HẪN

« RƠPU MU SÊ,

« BÊ MU GLANG... »

*(đất trước trâu nhờ thừng,  
đất trước dê nhờ giây...)*

★ TOUNEH HAN-ĐIN

L.T.S — Ông Touneh Han-Đin là một nhân vật có học-thức, người đồng-bào Thượng, rất thông-thạo Việt-ngữ. Nhân có cuộc di-cư lớn-lao của dân-tộc thiểu-số miền Sơn-cưóc Trung-Việt, ông Han-Đin có mỹ-ý gửi về Tạp-chi Phò-Thông một bài nói về tổ-chức các Bộ-lạc (M pôl), để đồng-bào « Kinh » — người Việt-Nam ở Đồng-bằng và các Thành-thị — hiểu qua về các đồng-bào « Thượng ».



Ông Touneh Han-Đin

Chúng tôi xin trích đăng nguyên-văn sau đây mấy trang đầu trong bài Việt-ngữ của ông Touneh Han-Đin.

N.V.

**N**Ó I đèn Bộ-lạc, người ta nghĩ ngay rằng đó là một tổ-chức của từng nhóm người sống riêng rẽ, có những chế-độ khác biệt nhau, và các Bộ-

lạc trường là những «tiểu vương» có trọn quyền làm «trời đất» trong vùng của mình. Thật là sai lầm!. Và đã mấy ai để ý chịu tìm hiểu vấn-đề này.

Thật ra các Bộ-lạc chỉ là những tổ-chức họ-hàng, gia-đình rất chặt-chẽ, có tôn-ty, trật-tự, có những cái tốt đẹp thiêng liêng của nó, mà Bộ-lạc trưởng chỉ là một người được bầu lên để điều khiển việc họ hàng và chịu trách nhiệm với các Bộ-lạc khác khi có những sự việc gì xảy ra giữa đôi bên.

## TÌM HIỂU VỀ BÔ-LẠC

### ● Bô-lạc không phải là một tổ-chức chính-trị, phong-kiến

Trước hết Bô-lạc hay Bộ-lạc là tiếng Kinh. Người Kinh dùng danh-từ này để dịch chữ «*Mpôl*» của người Thượng thuộc giòng Khmer (Kôhô, Mnông, Sédang, Bahnar...) và chữ «*Djuê*» của người Thượng gốc Mălai (Churu, Cham, Raglai, Rađê, Djaai...) hai nhánh này nhập lại thành

giòng «*Malayo-Indonésien*», theo viện Bác-cổ.

«*Mpôl*» và «*Djuê*» đồng có một nghĩa là «*giòng họ*». Vậy Bộ-lạc hay *Mpôl* hoặc *Djuê* không phải là một tổ-chức chính-trị, mà một tổ-chức trong họ hàng, lấy người trong họ chánh bầu lên làm «*Pô Mpôl*» hay «*Khua Djuê*», tức Bộ-lạc trưởng để điều-khiển trong gia đình, họ hàng.

Bô-lạc trưởng không phải cha truyền con nối, mà phải được bầu lên bởi họ hàng một cách rất công bằng, dân-chủ, nhưng phải được giữ rất kín đáo đối với các Bộ-lạc khác. Chỉ có đại-diện của các bộ-lạc tiếp xúc với nhau để giải-quyết, theo lệnh của bô-lạc trưởng, những vấn-đề xảy ra giữa đôi bên.

Rất dễ hiểu, trở lui lại thời cổ, khi con người đã sống thành từng nhóm khá đông, chưa tổ-chức được xã-hội to lớn để thành lập một quốc-gia, thì ở vùng rừng núi họ phải tổ-chức họ hàng thế nào cho có một sức mạnh để tự vệ

chống những gì có thể nguy hại cho họ. — Vì sống ở rừng núi hiểm-hóc, đường đi khó khăn, buôn xóm xa nhau, nên sự qua lại với nhau rất ít. Thỉnh thoảng có những vụ đánh xảy ra thì, trong 10 vụ, 9 vụ đã vì mỹ-nhân! (những vụ cưới hỏi, từ hôn, ... bội hôn). — Ấu đó cũng là một đề tài cho những vở tuồng hát trên sân khấu, những tiểu-thuyết đường rừng...

Bô-lạc trưởng phải là một người mạnh mẽ, mưu trí, cương quyết, sáng suốt và vô tư, được chọn bầu vào khoản 35 đến 50 tuổi để kế tiếp cho vị trước vừa mệnh. một hay quá bệnh-hoạn. Bô-lạc-trưởng có quyền hành rất lớn, hình như thiêng-liêng, nhưng cũng phải tuân theo quyết nghị của hội đồng Bô-lạc đưa ra, và khi có lỗi nặng cũng bị trừng phạt hay truất phế. Như vậy một bô lạc là một tổ chức trong họ hàng có những cái tốt đẹp thiêng liêng của nó: tôn ty, trật tự, trách nhiệm, trung thành, danh dự.

Để kéo bô-lạc trưởng chú

trọng về nhiệm-vụ của mình, cứ 3 năm một lần dân chúng tổ chức lễ tuyên-thệ để cho bô-lạc trưởng tuyên thệ trung thành với dân chúng và dân chúng cũng thế trung thành với bô lạc trưởng, người đại diện của giòng nòi.

### ● Các tổ chức Bô-lạc đã biến hình qua các thời-đại

#### ● Thời - đại Vua Chúa, Triều Nguyễn

Biết rằng tổ chức bô lạc là một tổ chức rất chặt chẽ trong họ hàng, gia-đình của người Thượng, mà Bô lạc trưởng phải là người có quyền hành và dân răm rắp tuân lệnh, nên thời các Vua chúa đã ban chức sắc cho họ, cấp cho họ những điều-kiện, phương tiện và các Bô lạc trưởng biến thành những «*tiểu-vương*». Mà cũng không thể trách được: vì lúc bấy giờ người ta quan-niệm rằng



«núm những kẻ có tóc, chớ ai núm những kẻ trọc đầu». Đúng vậy, cả một số dân tộc khá đông sống trên vùng sơn cước bao la, sự kiểm soát khó khăn mà triều đình muốn cai trị thì còn gì dễ hơn là núm ngay những Bô-lạc trưởng để ổn-định chung tât?

• Thời-đại Pháp thuộc :

Với chính sách chia để trị, Pháp đã triệt để khai thác lợi dụng tổ chức bô-lạc. Họ cấp cho Bô-lạc trưởng lính tráng, vũ khí, phương tiện tạo cho họ những quyền hành rộng lớn hơn. Pháp ve vãn, trọng đãi Bô-lạc trưởng, gia đình bô-lạc trưởng, và chỉ con cái bô-lạc trưởng hay những người trong gia đình chính của bô-lạc trưởng mới được kế tiếp chức vụ này. Tất nhiên là những người trung thành với Pháp. Từ đây chức vụ bô-lạc trưởng không được bầu lên như trước nữa, mà được bầu theo chỉ định của viên Công-sứ.

Mỗi tỉnh có 2 hoặc 3 bộ lạc, lập thành một Hội đồng Bô-lạc Trưởng (*Conseil des*

*Chefs de Tribus*) và viên công-sứ Pháp là Chủ-Tịch Về sau hội-đồng Bô-lạc trưởng không còn ý nghĩa gì đối với sự tìm hiểu của Nùm-Triều nên Pháp đã đổi lại là « *Conseil des Chefs Autochtones* ».

Mỗi khi muốn đề cử một người lên làm « *Khua Buôn* » (Lý-trưởng), « *Khua Kring* », Chánh-tổng, « *Khua Kdriëck* », Huyện hay Quận trưởng, thì hội đồng này họp để chỉ định dưới sự điều khiển của viên Công-sứ.

Thực dân Pháp khéo ve vãn, khéo đi sâu vào tâm-lý và lợi dụng sự chật phác của người Thượng nên họ đã thành công trên mọi mặt :

— Hà h-chánh : nắm vững dân Thượng, an-ninh, tình báo đầy đủ.

— Kinh tế : lập được sở thuế định toàn bộ, nhân công thừa thãi để khai phá đồn điền, đường sá, cầu cống, vận tải bằng nhân lực;

— Quân-sự : mộ lính nhập ngũ, tổ chức được nhiều Tiểu Đoàn Pháo-binh sơn-cước,

BTMSA 1919 (*Bataillons des Tirailleurs Montagnards du Sud Annam*), và vào năm 1949 tổ chức rất nhiều Đội ULN (*Unités Légères de Brousse*) đánh Việt-Minh rất hăng.

— Học-chánh : mở trường đào tạo công-chức phục vụ cho họ về đủ ngành.

Để gây uy tín thêm, cứ 3 năm 1 lần Pháp cũng tổ chức Lễ Tuyên-thệ (*Fête de Serment*) theo kiểu xưa, nhưng để tuyên thệ trung thành với Pháp, và còn phải tuyên thệ thêm rằng không để ai có thể đặt chân lên đất Cao-nguyên ngoài dân Pháp. Tất nhiên sau cuộc lễ là mấy Bô-lạc trưởng được mời ăn uống linh đình trong dinh viên Công-sứ.

• Sau thời-kỳ đảo-chánh :

Tiếp đến Nhật đảo-chánh, Việt-Minh lên, rồi Việt-Minh đi. Pháp trở về cuối 1945 — Việc đầu tiên là cho gọi các Bô-lạc trưởng đem dân chúng tới tổ chức lễ long trọng và thực dân Pháp đã tuyên bố : vì đã lấy huyết thệ trung-thành với người Thượng nên người Pháp phải «hy-sinh» của cái,

nhân-mạng để trở về với người Thượng, để giúp đỡ người Thượng ! Vào khoảng tháng 2 năm 1947, một lễ long trọng được tổ chức tại sân vận động Đà-lạt, có đủ bô-lạc trưởng các Tỉnh cao nguyên, Darlac, Pleiku Kontum, và bô-lạc trưởng Chàm các Tỉnh Ninh-Thuận, Bình-Thuận tới tham dự. Những bản kiền nghị hoặc viết tay, hoặc đánh máy sẵn (*Révendication* ! ) được đưa cho các bô-lạc trưởng ký để dâng lên viên đại diện Cao-ủy Pháp tại Cao nguyên xin đặt lãnh thổ Cao nguyên trực thuộc Pháp. Một đại diện người thượng đã đọc bản kiền nghị trên trước mặt viên đại-diện Pháp trong lúc 3 quả lựu đạn quăng vào bên khán đài nhưng không nổ ! Vì đi quá trớn, Thực dân Pháp đã gặp phải phản ứng mãnh liệt của các đảng phái quốc-gia miền xuôi, và một số quân nhân, công-chức đã lạng lẽ bỏ hàng ngũ, quê hương, đi xa mãi, và làm theo các nhóm người phản-ngịch.

Để làm dịu phần nào sự phản ứng ấy, thực dân Pháp

cấp tốc tổ chức ngay một lễ tuyên thệ vào tháng 3.1949 tại Banmêthuôt, mời « Quốc-Trưởng Bảo-Đại » lên chủ tọa và viên Đại diện Cao-Ủy Pháp tại Cao-nguyên nhân-danh các Bô-lạc trưởng trên Cao-nguyên đọc chúc từ. Một đại-diện các bô-lạc trưởng đọc kiền nghị xin đặt Vùng Cao-nguyên thuộc Hoàng-Triều, và một thời gian sau vùng Cao-nguyên này được mang một tên rất đẹp và rất kêu « Hoàng-Triều Cương-Thò » (*Domaine de la Couronne*). Nhưng bề trong quyền cai-trị, sự thao túng, khai thác nhân lực, tài nguyên vẫn còn trong tay Pháp, và sự chia rẽ Kinh Thượng còn gât gao hơn làm thiếu phương tiện tiếp tế và gây nạn chết đói tai hại năm 1952...

Thật rõ là một mảnh hoàng bào đã che đậy một hình hài ghê gớm, xương da !

### VẤN ĐỀ BÔ-LẠC NGÀY NAY !

Ngày nay trước sự di-cư ó-ạt của người Thượng bô

rừng núi, quê hương, chúng ta con người chuộng tự-do cần để phòng đề bảo vệ một cách hữu hiệu chánh sách quốc-gia chân chánh, mới mong tự bảo vệ bản thân, gia-đình, tài-sản của ta được vững chắc. Ta cần thận trọng trong công việc này. Ta nhớ rằng «việc có ích chung mà không nói lên để cùng hưởng là có tội; việc có hại mà không cáo tri để toàn thể bị vấp là phần phúc», đó là câu tục ngữ của người Thượng «*Buh anăn you, thou anăn akhan*».

Trong lớp người Thượng di cư tất có cán bộ cộng-sản len lỏi. Một bài học :

Năm 1952, tại Plei Ber-Dur, Pleiku, một phụ-nữ Thượng cà-răng căng-tai, nói tiếng Thượng chính-công, xin vào làm công tại nhà ông Huyện Mur (người Thượng) người chống Việt-minh triệt-đề. Sau một thời gian làm việc rất giỏi, được chủ nhà tin cậy, hàng xóm mến chuộng, y đã đem cán-bộ Việt-cộng vào ám sát cả hai cha con chủ gia-đình này. Khi truy ra mới biết đó

Một « Đồng-bào Kinh » đang đi chơi với hai « Đồng bào Thượng » ở Bonhgour.



là một nữ cán bộ cao-cấp của Việt cộng (Kinh) đã hy sinh hàm răng ngọc ngà, đôi tai tốt đẹp, giả làm người Thượng để thực hiện vụ ám sát này và đã cao bay xa chạy !

Một ý kiền :

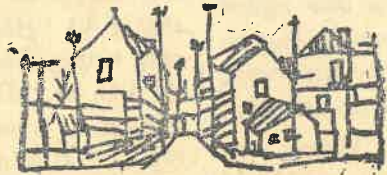
Trong lúc chúng ta cần củng cố những cái gì tốt đẹp thiêng liêng của loài người trong xã hội : tôn-ty, trật tự, trách-nhiệm, trung thành, danh dự... phong trào bảo vệ gia-đình, tiết nghĩa, đạo đức), thì việc tổ chức lại bô-lạc của người Thượng để duy trì những cái tốt ấy trong khu vực định canh, định cư tương cũng khá cần.

Người Thượng không bao giờ dám nhận cái gì không phải của mình, không chịu trách nhiệm cho những người không phải trong giòng họ của mình (lập tờ khai gia đình, thanh lọc) và cũng không dám sông gần những người họ không tin cậy hay họ nghi

ngờ.— Trái lại họ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những người trong bà con giòng họ và luôn luôn nắm vững;— đó đó người Thượng có câu « *Ropu mu sê, Bê mu glang* », đất được trâu nhờ thừng, đất được dê nhờ giây, mà thừng và giây ở đây là bà con, tượng trưng cho sự dính líu, liên hệ. Mà câu ngàn xưa của miền xuôi « nùm kẻ có tóc chó ai nùm kẻ trọc đầu » chưa hẳn lỗi thời và mất nghĩa.

Tổ chức lại bô-lạc trong các Buôm, các khu định cư, định canh không phải là ở giờ phút này mà còn củng cố sự khác biệt giữa bô-lạc này với nòi giòng họ để có thể đi tới sự tránh chia rẽ,—nhưng đó chỉ là

một sự cần thiết tạm thời với mục đích đã nói trên (tâm khảm người Thượng). Các bộ lạc sống gần nhau trong khu định canh, định cư, với sự giúp đỡ, săn sóc của Chánh phủ, cán-bộ phải hướng dẫn thế nào để gây phong trào thi đua hào hứng giữa các bộ-lạc trong mọi công tác : an-ninh, văn-hóa, xã-hội để tạo cho mình một đời sống khả quan, sung túc. Khi người Thượng đã quen sống trong một xã-hội to lớn hơn xưa nay, ý thức được những gì là trách nhiệm chung, biết sự liên-hệ, liên-đới, lúc bấy giờ vấn đề bộ-lạc không còn nghĩa và tồn tại nữa.



★ KHI NGƯỜI VỢ BIẾT ĐƯỢC

Trên bãi cát của một nơi tắm bể lịch-sự, một bà vợ nói với ông chồng đang mê mê xem sách nhưng kỳ thật để liếc các thiếu nữ xinh đẹp mặc bi-ki-ni đang qua lại trên bãi :

— Nè ông! ông tưởng tôi không biết ông đeo mắt kiến để nhìn... xq, chớ đâu phải để xem sách!

Vấn đề không khó nhưng tế-nhị và chỉ thực hiện được ngoài mọi sự nghi ngờ...

Lại nhớ một câu của các cụ già Thượng : *Iuh êa pla chă, tokăn ou blôă ngă boh jomun*, trông cho cây mọc là khó, mà làm cho trái ngọt mới là tài.

Ngày mai, trên thế-giới không còn biết riêng gì về người Thượng, mà chỉ có biết đó là một sắc dân của Quốc-Gia Việt-Nam thông nhất, hùng cường tại vùng Đông-Nam-Á, — cũng như người Gascons hay Normands là dân Pháp ở góc trời Âu.

TOUNEH HAN-ĐỊN

viễn trình

MY-SƠN (Dalat)

Xe đò cuồng nô giữa rừng,  
Hồn người chết thừa rặng-đông cuộc đời.  
Cành khô quờ-quạng giữa trời,  
Thành-đô cũng chẳng nửa lời tiễn-đưa.  
Theo xe có mặt trời trưa  
Mang tên Xuyên-Việt đường bơ vơ dài  
Tháng năm rút-rỉa hình-hài  
Viễn-trình để chối những ngày lưu-vong  
Đặng cay dành chỗ trong lòng,  
Xe đi giữa cõi mênh-mông vắng người!



độc hành ca

HUYỀN-MINH-TẤN

(Nhatrang)

Vớ câu gõ nhẹ lưng đèo  
Lưng sâu để lại bóng chiều thương đau !  
Sau lưng ngày tháng tiêu hao  
Tiếng ca tuổi trẻ lạc vào điêu linh,  
Lỡ phung phí trọn ngày xanh  
Thác ghềnh cũng chỉ thác ghềnh mà thôi.  
Mở to mắt chụp hình đời,  
Hôn tay mình đã quen mùi thịt da.  
Quay nhìn lại đoạn đường qua  
Tháng năm lăm lữ mình ta đi về.

Hoa chỉ đẹp khi hoa vừa hé nụ,  
 Trăng yêu kiều khi dương độ trắng non  
 Tình nên thơ khi ước-vọng chưa tròn  
 Đẹp là lúc yêu nhau bằng tưởng-tượng.  
 Anh rất sợ khi làm tròn ý muốn  
 Nhất là khi hai đứa tựa kề nhau  
 Tóc xanh em ướp trọn mộng ban đầu,  
 Đem trái khấp người anh bao ủy-mị!  
 Trong âu-yếm, anh buông lời nài-nỉ :  
 \* Yêu đi, em cho thân-thể khỏi mong chờ,  
 Yêu đi em khỏi phí những ngày thơ  
 Văn-minh lắm ! em ơi, đời ngắn ngủi  
 Trắng hết mộng trắng qua mười sáu tuổi  
 Yêu đi em cho thân-thể khỏi mong chờ... »  
 Anh không ngờ sau một giấc mơ hoa  
 Em đã trở thành người không nguyên-vẹn  
 Khi gặp anh em không còn bền-lên  
 Không rụt-rè ngáy-dại như khi xưa  
 Đề bao nhiêu vẻ đẹp trong câu thơ  
 Sẽ chôn chặt trong năm mồ tình-ái.  
 Tình đã chết không mong gì trở lại  
 Thôi từ đây hờ-hững mãi đi em!  
 Anh dù buồn nhưng khỏi phải buồn thêm,  
 Đau-khổ ít còn hơn là ân-hận.  
 Anh muốn giữ mặt hồ luôn phẳng lặng,  
 Mãi trong xanh nước không gợn ba-đào  
 Tình hai ta êm đẹp lại th nh-cao  
 Không giả-dối như tình bao kẻ khác  
 Trai yêu gái khi chưa nhìn trước mặt  
 Yêu nhau rồi lại ước cuộc giao-hoan  
 Khi xa nhau xem như khách qua đàng,  
 Không rung-cảm ại buông lời mai-mĩa !



PHÙNG-SỬU-PHỦ

★ THIẾU-SƠN

KỶ báo trước tôi đã nói tới cuộc giao tranh giữa quân Tề và liên quân 4 nước Tấn, Lỗ, Vệ, Tào. Quân Tề bị bao vây. Trên chiếc xe vàng của Tề-Khoảnh-Công có một tướng ngự xe là Bính-Hạ và một tướng hộ-vệ là Phùng Sửu Phủ. Sửu-Phủ thấy thế nguy nói với

Bính-Hạ : « Tướng - quân đề tôi cầm cương ngựa cho. Tướng-quân nên phá vòng vây ra kêu viện-binh vào hộ-giá cho mau, không thì nguy ». Bính-Hạ đi rồi Sửu-Phủ lại nói với Tề-hầu : « Sự đã gấp lắm rồi. Chúa-Công nên đòi y-phục cho tôi. Nếu gặp sự nguy-hiểm tôi xin lấy thân này chịu chết thế cho Chúa-Công thì Chúa-công mới có thể thoát được ».

Tề-hầu nghe lời cời áo cho Sửu-Phủ mặc. Vừa xong thì xe Hàn-Quyết đuổi theo kịp. Hàn-Quyết chặn xe Tề-hầu lại, nhảy đến nắm lấy giầy cương rồi cúi đầu làm lễ mà tâu rằng : «Chúa-Công tôi vì nể lời nước Vệ, nước Lỗ cho nên mới sai hạ-thần tới đây. Nay hạ-thần xin cầm cương ngựa cho quân-hầu, mời quân-hầu sang chơi nước tôi thì nước tôi lấy làm hân-hạnh lắm ».

Tề-hầu già làm bộ khát nước, vừa nói vừa thở, cầm cái bầu nói : « Sửu-Phủ ! người cầm cái bầu này xuống suối kiếm cho ta một bầu nước cho mau. »

Lúc này Sửu-Phủ chính thiệt là Tề-Khoảnh-Công. Nhà vua cầm bầu xuống suối múc nước đem lên rồi nói : «Nước đục lắm, uống không đặng, tôi xin đi kiếm nước

khác». Nhân đó mới lòn đi được. Tề-hầu đương lần quần chạy dưới chân núi thì có một tướng Tề ngồi xe chạy tới, mời ông lên xe rồi kiếm đường thoát khỏi vòng vây.

Bên này Hàn-Quyết từ lúc nắm được giây cương của Tề-hầu giả liền cho người về Tấn-dinh báo tin mừng cho Khước-Khắc hay trước còn mình thì đánh xe đưa Tề-hầu giả về dinh. Khước-Khắc vội vàng ra chỉ vào xe mà mắng rằng : « Hỡi tên chúa khốn nạn kia ! Mi không giỏi cưỡi ngựa đi ! » Mắng rồi dòm sát tận mặt, Khước-Khắc ngạc nhiên mà nói rằng :

« Thăng này không phải Tề-hầu. Hàn tướng quân không cần thận bị chúng gạt rồi. Tề-hầu thì ta biết mặt rõ lắm. Không phải, không phải ! » Hàn-Quyết nghe nói rụng rời, day lại mắng rằng : « Đồ khốn nạn ! Mày là thằng nào ? » Sứu-Phủ thưa :

« Tội là Phùng-Sứu-Phủ làm chức Hữu-xa tướng quân. Các ngài muốn tìm chúa tôi, xin mời tới suối Hoa-Tuyền. Người xuống suối múc nước hồi này mới thiệt là Tề-hầu. Còn tôi chỉ là Tề-hầu giả. »

Khước-Khắc cả giận mắng rằng : « Mày dám dối quân ta, tội mày đáng chém đầu, còn để làm gì ? » Nói rồi truyền võ-sĩ dẫn đem đi chém. Sứu-Phủ la lớn lên rằng : « Hỡi quần Tấn, nghe ta nói : Làm con phải có hiếu, làm tôi phải tận trung. Nay ta thế mạng cho chúa ta, mà các người chém ta. Sau chúa các người gặp nguy hiểm, ai còn dám ra chịu chết cho Chúa các người ? » Khước-Khắc nghe nói liền tha không chém, sai mở trói mà khen rằng :

« Người này mới là trung thần ai nấy đều như người này, có đầu nhà tan, nước mất. »

Tề Khoảnh-Công thoát nạn chạy về tới Tề-dinh, nhớ ơn Phùng Sứu-Phủ chịu chết thế cho mình nên lấy làm thương xót vô cùng. Ông cưỡi xe xông ra mặt trận nhiều lần để cứu Sứu-Phủ. Chư tướng khuyên can : « Sao Chúa-Công đem thân ngàn vàng vào chỗ hang hùm như vậy ? » Tề-hầu nói : « Nếu không có Sứu-Phủ thì ta còn đâu bây giờ ? Nhớ tới kẻ trung thần ta không thể nào ngồi yên được. Bởi vậy ta không biết nguy-

hiểm là gì ? » Thành-linh quân Tấn ò-ạt kéo tới như nước đổ, trào dâng, quân Tề chạy không kịp thì vua Tề cũng hết dám mạo hiểm xông pha và cũng rút lui với mọi người.

Sau khi hòa ước ký xong, Phùng Sứu-Phủ được thả trở về nước. Tề-hầu mừng rỡ vô cùng liền phong cho Sứu-Phủ chức Thượng-khanh.

Ở bài trước ta đã thấy Tề-Khoảnh-Công làm một việc thật chánh trị mà gây nên một cái họa tầy đình. Ông hành-động như một đứa con nít mượn thiên hạ làm trò cười cho mẹ rồi bị thiên hạ chửi cha, chửi mẹ để mình nghe. Chẳng những ông đã tiêu phí xương máu của nhân-dân và tài sản của đất nước, ông lại còn bị tướng Tấn nhục mạ tới người mẹ thân yêu của mình. Khước-Khắc dám gọi mẹ ông là Vương-Tiểu-Nữ lại đòi bắt bà qua Tấn làm con tin. Tới khi bắt được Phùng Sứu-Phủ, Khước-Khắc tưởng là đã bắt được Khoảnh-Công liền mở miệng mắng rằng : « Hỡi tên Chúa khốn nạn kia ! Nay mi không cưỡi ngựa đi ! »

May là những lời mắng nhiếc đó chỉ có ông vua giả nghe được. Nhưng giả-tử như chính vua thiệt bị bắt thì ông cũng phải nghe và còn phải hành hạ nhiều hơn nữa.

Khoảnh-Công cũng có một ưu-điểm là ông biết nhớ ơn người đã hy-sinh cho mình và liều mạng nhiều phen để mong cứu gỡ kẻ trung-thần. Nhưng sự liều mạng của ông cũng chỉ là một hành-động do tình-cảm thúc dục thiếu đản-đo suy-tính. Cũng may là ông không bị troyem luôn, Nếu ông có bề nào thì lại càng thêm rối chuyện và làm khổ quần-thần và đất nước.

Một Phùng Sứu-Phủ thế mạng cho ông, ông chưa cho là đủ sao mà còn bắt thêm nhiều người khác hy-sinh cho mình nữa ?

Trong lịch-sử những trung-thần như Sứu-Phủ cũng có nhiều. gương Lê-Lai cứu Lê-Lợi còn ghi mãi ngàn thu.

Nhưng Sứu-Phủ ngoài chữ trung có thêm chữ trí. Ông đã nắm chắc cái chết trong tay nên ông mới bình-tĩnh mà thẳng được một đòn tâm-lý.

Giữa đại-bản-doanh của đời phượng, trước mặt tướng, tá

và binh sĩ nước Tấn, ông đã nói to cho tất cả đều nghe :

«Hỡi quân Tấn, nghe ta nói :  
Làm con phải có hiếu, làm tôi  
phải tận-trung, nay ta thể  
mạng cho chúa ta, mà các  
ngươi chém ta, sau chúa các  
ngươi gặp nguy-hiểm, ai còn  
dám ra chịu chết thế cho chúa  
các ngươi nữa ? »

Khước-Khắc thấy rõ tầm  
quan-trọng của những lời nói  
trên đây. Ông thấy rõ ảnh hưởng  
của những lời nói đó đối với  
tinh-thần của tướng-sĩ. Ông

giết Sừ-Phủ tức ông không  
muốn khuyến-kích sự trung-  
nghĩa trong hàng ngũ của ông.  
Ông tha Sừ-Phủ vừa được  
tiếng khoan-hồng lại vừa được  
nêu cao gương trung-nghĩa.  
Vả lại ông giận là giận Khoản  
Công chứ ông đâu có ác-cảm  
với Sừ-Phủ.

Ta chỉ tiếc rằng những người  
trung-nghĩa như Sừ-Phủ, Quốc-  
Tá lại phải thờ một ông vua trẻ  
cọn và ngu-ngốc như Khoản-  
Công.

THIỆU-SON



★ XI-NÊ HAY

Một chiều thứ bảy, hai bà bạn gặp nhau trên vỉa hè Lê-Lợi,  
sau khi cùng đi xem xi-nê ở chợ ra. Một bà nói:

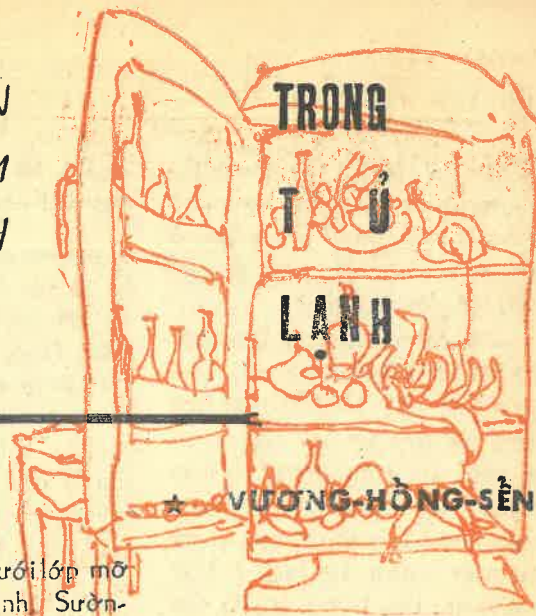
— Phim Ben - Hur hay thật chị ạ.

Bà kia vui vẻ hỏi lại :

— Theo chị, hay nhất ở đoạn nào ?

— Hay ở chỗ nó dài gần 4 tiếng đồng hồ và nhờ nó mà từ  
ngày cưới nhau đến nay, tôi mới được ngồi cạnh nhà tôi lâu  
đến thế !

CHUYỆN  
T Á M  
T Ì N H



— N Ă M khèn dưới lớp mở  
đông, mặt tái vì lạnh. Sừ-  
Hec trách Phó-Mát : «Chị vào  
đây báo hại cả đám. Bấy lâu  
người ta sống êm-đềm, nay ai  
cũng ứ hơi bịt mũi, vì chị ! »

— Ly Sữa-Tươi, bết mình bé  
nhỏ, không hó-hé nửa lời, thút-  
thít, bụng bảo dạ :

Việc người thì mặc người âu,  
Sữa chua, phó-mát, bấy lâu  
một nhà.

— Kế bên, Miếng-Dưa-Hấu,  
đưa mặt bụ «không uống mà  
say» nằm ngửa nhe răng cười,  
cái nào cái nấy như nhắc «mốt»  
1900 đời trước.

— Róc-Cơ-Pho vốn dòng hào-  
kiệt, đây mình tươm chất bở,  
bất chấp lời thầy dạy, triết-lý  
một mình : «Tủ lạnh là sắm cho

ở nhà đây. Có đâu ở tạm ở nhờ  
mà khéo làm lãn một chợ. Bấy  
sớm liệu im mồm.»

— Cá-Lưỡi-Trâu «sầu ai méo  
miệng», nằm trên đĩa bàn-tê-tái,  
chờ giờ chị bếp lấy ra chiên,  
vốn từ ngàn dặm Biền-Hồ, Nam-  
Vang trôi nổi đến đây, nay đã  
có mùi... Than than thờ thờ,  
phần dờ chịu lạnh, phần bột khô  
rút quánh, da cắn như da trống :  
«Ở trên không quét mẩm thì  
phơi khô, xuống đây chờ chảo  
mỡ.»

— Chuối-Già làm-thình làm-  
thể, nằm kinh càn sắp lớp, thì-  
thăm với nhau : «Ai mặc ai mà

ta mặc ta. Ngoài tuy thông-thả nhưng mưa gió lu-bù, da sẽ trở đời-mỗi mặt đẹp. Chi bằng ở tạm nơi đây, miễn mát da mát thịt, tới đâu hay đó.»

— Khò nhút là Trái Dâu-Tây. Từ Đà-lạt trầy đường núi, cam go nhiều nổi, hơi-hộp trên toa hạng hét lớp sợ đạ, nỏ lớp sợ xe nhồi, khi nằm thúng chị bán mệt thì sợ lính rượt đến muốn nhờ nước ướn mình, nay vì có chi vào nằm tủ lạnh? Mấy con sâu từ trong ruột đục khoét không nường dè, cơn lạnh càng tăng sâu càng rúc-ráy, vừa nhột vừa khó chịu. «Biết làm vậy, thà sớm cho ai kia cắn phứt, không chi cũng được chữ chung tình!»

— Xà-Lách tiếp: «Tôi với chị cùng chung một số kiếp! Đâu còn nỡ-nà như trước, từ tách khỏi địa phận trên ấy, há chẳng chỉ đợi thời: ăn sốt, ăn lạnh, trộn dấm cũng thời là ăn.»

— Bơ-Lạt, Bơ-Mịn, đờng một tánh, nên không cho ý kiến...

— Gà Rô-Ti buổi sáng còn dư, xám teo và tái mét, nhưng còn nói phét thần-thông: «không tội nghiệp cho ai cả, chỉ thương hại cho *Củ-Hành*, thời buổi này,

«*cánh hũ*» chơi chữ làm chi cho thất công tranh biện.»

— Nụ cười mấy chiếc *Xi-Cu La*: ở với Pháp, Pháp tăng-tiêu thì làm choảnh, nay *Công-Ty Năng-Tanh*, mai *La-Ba-Gốt*; bây giờ tàn-tạ ruồi bu, nằm vĩa hè, chường mặt trên những đẽ giấy có thóa chi. *La Marquise*, đời xưa là «*hữu-tước phu-nhân*», nay cũng có lúc vấy quét đường mà không dám than nửa liếng.

— Thân nát như nát bần, *Mức-Rim* tánh nóng không dần, hét từ trong thổ héi ra: «*Xi-Cu La*, mấy đừng chót chết. Nói chuyện sang giàu thì xưa tao chẳng là «*công-phi-cho*» chính cốiq, há thua đó chút nào? Nhưng kêu rên mà chi? Sầu nào mà chi? Sống là đau khổ, đũa nào đau khổ lắm là đũa ấy sống đời nhiều. Ráng lên đi. Hãy sớm tỉnh ngộ. Dầu cho pha, trộn, nắn, nhồi, sặc có chữ «*vàng mười đầu sợ lửa*.»

— Bia, Sô-Đa đứng sắp hàng đôi trên kệ thượng, rung rung tự đắc, còn như thuở nào, nên chơn nhịp theo tiếng máy, không một lời hé răng, duy chờ giờ khui nút sẽ ào-ào sôi.

— Từ ba bữa rày, Miếng Thịt Bít-Tết bày trên đĩa thủy-tinh, còn bên mùi phàm tuy thân chưa rã nát, ngậm nhỏ nhỏ:

«*Mùi tục-lụy đường kia cay, đắng, Vui chi mà đeo-dặng trần-duyên* (C. O.)

— Trái Dưa-Gan, lép vế vì Dưa-Hầu choán chỗ, giận ngầm nhưng cố dẫn cho qua buổi-bỗng dưng-dưng tự hỏi: «*Có sao mình có lạc-loài đến đây?*» Tôi đã chín vàng nục, không sớm xơi, tôi sẽ nứt rã cho mà hồng!»

«*Gái thương chồng đang đông buổi chợ, Trai thương vợ nắng quá chiều hôm, Tiếc thay cái buổi đương giòn'*

*Sợ thay cái tuổi má mòn răng long*». (Câu hát xưa)

— Nay giờ, mắng lo kiếm nước uống cho đỡ khát vì ban chiều quá chén nay còn gặt-gù, quên ngó ngăn trên. Tủ lạnh chặt cứng còn nhét một đĩa «*Giang-Tây*» trắng nõn đưng

bốn cái bánh tượng trưng của lão Ô-Tăng-Hậu nhà báo Viễn-Đông Chợ-lớn làm quà «*rằm tháng Tám*». Ô hay! thằng con độc-nhất đã mở hàng cắt toanh xem trước, không đợi trăng tròn! Bánh thứ nhất tuy đen-đúa bề trong nhưng ngọt lịm ra đến lớp ngoài. Ấy là *Bánh Trung-Thu nhưn-mè-đen-xay-nhuynh*. Ăn tuy khoái khẩu, nhưng hãy liệu vừa vừa. Các tay yếu gan sớm nên chừa không tin nếm thử «*vô sao ra vậy*», sáng ngày đen vẫn còn đen, ghé chưa?

— Cái thứ nhì, con tôi tuy vậy mà có hiếu, còn để lại y-nguyên cái bánh còn trông đỏ «*hường tim*» cắt làm tư. Bánh đã béo-ngọt, thêm làm chi cái hột gà phạt tỳ. Các chú Ba Tàu có danh ăn thịt mỡ hơn ai: đã quen ăn bánh «*Sá Chạn*» (1) mỡ lền, lại còn chế tạo cái bánh *Trung-Thu ác-nghiệt* có hồn *bì-đạn (phỉ tán)* ở giữa ăn ít không sao ăn nhiều phá bụng!

(1) *Bá-chạn*: bánh ú Tàu nhưn mỡ, tôm khô...

— Cái thứ ba, — mắc tiền nhứt (1) — vì có đủ nhưn vi-cá thêm có cẳng vịt rút xương, bánh mua về hồi còn nóng ăn ngon, nhưng mắc dầu ớt lạnh, để lâu ngày ăn vào vẫn ngon như trước, mà đừng cố lắm, không khéo thương ở nhà chưa đủ, phải vào nằm nhà thương hay đi «*nhị-tỳ*» (*nghĩa địa*).

— Cái thứ tư có lẽ là đúng nguyên-lâu cũ hơn cả. Truy ra bánh Trung-Thu xưa làm để nhắc trận giặc nã, vua tôi bị vây trong thành, phải đào kiếm củ khoai, củ rễ và hột trái mà ăn. Các danh-lâu nay làm bánh khoe lựa đủ trăm thứ hột, cũng chưa ai đếm thử mà biết. Cắt ra thấy đỏ-đỏ trắng-trắng ngon lành: này mức bí-đào ngọt mát, này là võ quít chừ gọi «*Trần-bì*», này là chút lục-vị, chút đinh-hương, có bạch-quả bù-bù, có hạnh-nhơn béo-béo, giòn-giã là hột dưa, mặn-mà là hột cà-na muối, nhưng ác thay này là hột sạn, vỏ hột cà-na, đương ăn ngon-ngọt tội nghiệp cho cái răng sáu-mươi, cắn vào nước mắt muốn trào, thêm mấy

sợi jambon nhét kê, ô-rô-hoa cái bánh!

— Bốn cái bánh kê hàng, hơi vượt bực, che khuất đĩa Giang-Tây khác bên trong, không phải của lão Ô và đây thật là lòng tốt đưa em từ Sóc-trăng gửi lên để nhắc quê hương miệt Sóc: này kẹo đậu phộng, nguyên hột, ngoài lăn đường và bột, chiên giòn trắng phếu, bởi xứ «*ăn mặn nói đậm*» nên gọi «*cứt-chuột*» đã quen tai cũng không lấy làm thô; này bánh bột chiên «*xà-nẹo*», người Sài-gòn bắt chước, gọi bánh «*Lôi-Lôi*» hoặc Bánh «*Neo*» cho thanh-bại, chớ xứ tôi, đã nói quê mùa «*đồng*

(1) — Trước năm 1954, tôi được thấy một cái bánh Trung Thu NĂM NGÀN ĐỒNG BẠC (500\$), bánh này không phải để dành cho tôi và các bạn viết trong Phở-Thông. Cái bánh vẫn bánh thường, duy cái hộp đựng là có thêm xuyết một lượng vàng y, trở hình «*trăng tròn*», các Bà-Tàu dánh bánh này làm «*lễ-tiến*»

chua nước mặn» (1) để đổi-chiều với bánh trên, đã đặt tên từ trước «*Bánh-Cứ-Heo*» và các cô học-sanh thường ngày vẫn mua của khách và vẫn dùng danh từ ấy như người miệng. Bởi nay là mùa trăng tròn tốt nhứt trong năm, để kỷ-niệm món ngon xứ-sở, em tôi không quên kèm theo nào bánh «*Pia*» nhưn khoai-môn, ngày còn thơ ăn đã hư răng vì chất ngọt, và này là «*Mề-Lầu*», bánh đặc-biệt của người Triều-Châu miệt Phú-nhò (Kế-sách), trong là kẹo mạch-nha làm bằng nếp đầu mùa, ngoài lăn mè trắng đều, cắn đến đâu thì thau trong miệng, ăn muốn ăn hoài, nhưng nhớ phải nài cho được bánh làm tại Phú-nhò, bánh nơi khác đã hơi dầu-mỡ thêm sượng-sượng không ngon lành gì cả.

Thấy bánh bằng sức tĩnh, nhớ mình đi kiếm nước và tụy tuổi già chớ vẫn ghét ngọt thêm chua... Tôi lại đưa tay kéo ngăn-rút có nắp bằng nhôm đựng tuyết: mấy chục trứng gà, da trứng hóa đá; mấy chục quả chanh, vỏ lạnh cứng đờ. Mấy vẫn rung rung chạy đều... Nước lọc để trong ô vuông, động thành «*Xuyt-Xúi*», trong-veo như ngọt tốt, hay nói cho đúng, trong bóng như hột lúc-lắc thuở nào. Thời ấy đã qua, các cô gái Tàu môi son đỏ chót, tay vừa đảo hột, miệng ngêu-ngao «*Hối a!!*»

nghe thánh-thót nhẹ túi nặng lóng. Nay «*tài-xiu*» đã không còn, các cô gái sang nghề khác; kể nhầy đầm cũng đẹp bỏ... chỉ còn trơ cái máy lạnh và thảng khát nước. Thỉnh thoảng thảng mở cửa, máy mất thăng bằng, lấy lực chạy như cũ; máy tự-động rung chuyển, cất mình nghe dường tử lạnh tự mình «*Hối a!*»

Đêm khuya, đã không còn nhà-cái, nhà-nhảy cũng không, còn chẳng trơ một chủ-chửa chiếc máy lạnh và một tấm lòng khao-khát.

Một đêm khát nước vì say rượu và say trăng thảng tảm.

### VƯƠNG-HỒNG-SÈN

(1) — Độ nợ tôi diển-thuyết, dùng d nh-từ «*đồng chua nước mặn*» để gọi Miền Nam yêu-qui của tôi, ruộng đất tốt nhưng gãi da đen ngăm, có người cười tôi đổi địa-dư. Tôi không cãi làm chi và nay tôi lập lại danh-từ «*đồng chua nước mặn*» nữa. Ai kia xin chịu khó cùng đi với tôi xuống dưới, cầm đuôi trâu theo dõi một đưng cây, trâu đá, nước văng, nước bùn lọt vào miệng, nếm thử thì biết! Trước kia nước phèn, nay hóa lúa tốt: công của ai? Công khó người xưa khai phá; người nay khéo canh tân vậy thôi! Mùa hạn, nước sông bau đêm có sao, từ Vàm Cỏ đến Ba-Thắc hỏi nước ấy ngọt hay xắng lè mà như vậy?



Tôi cùng anh  
 Hai chàng trai giữa lòng thế hệ  
 Cùng lên xe đi cắm trại Đô-Thành.  
 Đường dài xuôi ngược  
 Tôi gặp anh  
 Tay bắt tay môi tươi cười hớn hở  
 Lòng nở hoa theo gió nhẹ huyên, lành.  
 Người đôi phương gặp gỡ  
 Duyên không hẹn mà nên  
 Luyến lưu hai ngã kẻ bên  
 Nhỏ to tâm sự chuyện mình từ lâu.  
 Anh chàng trai đất Bắc  
 Lìa bỏ chốn chôn nhau  
 Tôi người quê Bassac  
 An-giang lúa xanh màu  
 Quen nhau trong tiếng hạn chào  
 Mỗi duyên giao-cảm ngại nào Bắc Nam.  
 Tim anh tràn nhựa sống  
 Tay tôi rấm màu than  
 Hai lòng say ước hẹn  
 Chung vai dựng giang-san  
 Lớp trai thế hệ xây đời mới  
 Cho đất phì nhiêu lúa chín vàng...  
 Anh lo căng lều vải  
 Tôi ra sức trang hoàng  
 Trong ngày vui cả trại  
 Tôi anh cùng hân hoan.

NGUYỄN-TAM (Thơ-Nội)

giao duyên

## Thư cho Em

★ THANH-NHUNG

Chị gửi về em trăng nhật-ký  
 Của mùa thu trước mền thương nhau.  
 Ngày mai chị sẽ vào sương gió,  
 Thì giữ làm chi giấc mộng đầu.

Em đọc đi em lòng chị đó,  
 Niềm thương nỗi nhớ rất êm đềm,  
 Niềm đau của buổi chiều chi: cách,  
 Và nỗi hoang-sầu ray rứt tím.

Ơi chị đã nuôi nhiều ảo-vọng  
 Xây ngày mai đẹp với tình-yêu.  
 Em xem: tình đã không chung-thủy,  
 Hôn chị thành đêm tối quạnh hiu.

Em đọc đi em rồi nghĩ ngại,  
 Giang-sơn tình-ái dẫn huy-hoàng  
 Đường vào cõi đó sương mù mịt  
 Minh lạc lĩnh hồn trong dờ dang.

Nếu đọc xong rồi em thấy sợ  
 Những nغم đau xót của yêu-thương  
 Thì em hãy giữ tâm-hồn của  
 Một Diễm-hồn-nhiên chưa vấn-vương.

Còn được bao nhiêu ngày sáng đẹp  
 Em đem trái với núi sông trăng  
 Diễm-ơi! Tuổi-mộng-pha-lê đó  
 Kỏi vụt xa mình không nốt năng.

Chị thương hồn chị u. hoài mãi  
 Nên sợ hồn em cũng sớm sâu.  
 Chị gửi nơi đây niềm ước-vọng:  
 Hồn-Nhiên và Diễm mãi bên nhau.

L. T. S. Thanh-Nhung, nàng Thơ trẻ tuổi và rất quen với bạn đọc Phổ-Thông sắp lên đường sang Nhật, học Kinh-Tế Đại-học, có làm bài thơ trên đây nhân về các em của nàng trước giờ tạm biệt. Phổ-Thông tap-chí thân mến chúc Nữ-sĩ tài-hoa được thành-công rực-rỡ trên đường đại-học tân-khoa.

Việt-nam ở Tokyo



HÌN vào cuộc bầu phiếu ngày 11/7/1962 trên toàn lãnh-thổ Nhật-bản đề bầu 250 ghế ở Thượng-nghị-viện và đồng thời cũng nhân ngày 14/7/62, Thủ tướng Ikeda (IKEDA) lại được tái đắc cử ghế Chủ-tịch đảng Tự do dân-chủ thêm một nhiệm kỳ hai năm, chúng ta nghĩ gì về con đường chính trị mà Thủ tướng IKEDA đã cõ xúy trong hai cuộc vận động trên.

Ikeda tái đắc-cử ghế chủ-tịch đảng tự do dân chủ không làm cho chúng ta ngạc nhiên, và sự thắng lợi ấy tưởng cũng không phải là điều danh dự lắm. Vì trong kỳ tranh ghế chủ tịch đảng, thủ tướng Ikeda không có địch thủ, nên sự đắc cử ấy được coi như là sự kiện đương nhiên trước khi bầu phiếu, nó chỉ còn sự quyết định của đa số tuyệt đối.

Thật ra thì điều vui mừng của Ikeda là sự thắng lợi ảnh hưởng quần chúng trong kỳ bầu cử 250 ghế Thượng-nghị-viện. Mà như chúng ta biết theo tôn hiến pháp Nhật-bản ngày 3 tháng 11 năm 1946 điều thứ 42 và 46 thì

★ **NÔNG-BẰNG-GIANG**  
(Tokyo)

Quốc hội gồm có hai viện :  
Thượng-nghị-viện và Hạ-nghị-viện. Nghị viện của cả hai viện

CUỘC  
BẦU  
& CỬ  
TỰ DO  
DÂN CHỦ  
HỘI  
NHẬT  
Ikeda

này đều được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu (cho tất cả công dân trên 20 tuổi). Hạ nghị viện gồm 467 ghế, nhiệm kỳ tối đa là 4 năm, Thượng nghị viện gồm 250 ghế, nhiệm kỳ là 6 năm, nhưng cứ 3 năm phải bầu lại một nửa. Số ghế ở Hạ nghị viện và Thượng nghị viện có những đảng chính trị (1962).

CÁC ĐẢNG CHÍNH TRỊ TRONG QUỐC HỘI	HẠ NGHỊ VIỆN	THƯỢNG NGHỊ VIỆN
Đảng Tự do dân chủ	296 ghế	143 ghế
Đảng Xã hội	143 —	66 —
Đảng Dân chủ xã hội	15 —	11 —
Đảng Cộng Sản	3 —	4 —
Đồng chí hội (DOSHikai)	0 —	7 —
Sáng giá Học Hội (SOKAGAKKAI)	0 —	15 —
Độc Lập	10 —	5 —
Tổng cộng	467 ghế	250 ghế

Nhìn vào số ghế của đảng Tự-do dân-chủ, chúng ta nhận thấy đảng Tự do dân chủ đã nắm được đa số tuyệt đối. Chính vì lẽ đó mà chúng ta có thể nói tất cả những quyết định gì ở hai viện này phần lớn đều do đảng Tự do dân chủ cả.

● **Ảnh hưởng của các đảng chính-trị đối với dân chúng**

Dân chúng đối với vấn đề chính trị quá thờ ơ. Nhìn qua số

thính giả của các ứng cử viên nghị sĩ Thượng-nghị-viện vừa qua, có thể làm nản lòng những ai muốn bước chân vào con đường này. Ở các nẻo đường công cộng, ở các công viên, ở các nhà ga rộng lớn, thỉnh thoảng tôi nghe được cái giọng khàn khàn của « Louis Armstrong » đang tuyên truyền cổ động cho đường lối chính trị của đảng và chương trình làm việc cho dân, bởi dân, vì dân của họ. Quả thật là cái giọng của những kẻ ít ra cũng đã ba đêm liền không



Từ trái sang phải: Phó Tổng-thống Mỹ, Lyndon, bà Ikeda, bà Lyndon, bà Kennedy, Thủ-tướng Ikeda (mặc quốc-phục Nhật-bản)

ngủ, nhưng tiếng nói hùng hồn đầy tin tưởng của họ không đủ mãnh lực để giữ chân người bộ hành dừng bước, để thu nhận những lời nhiệt thành tâm quyết. Mặc cho tiếng gào la cổ động của họ, người dân vẫn vô tình nhanh bước. Ở đây tôi đã một

lần hoài nghi vì sự bận rộn ở công tư sở của người Nhật, nên tôi đã không ngần ngại gì về chuyện phải lê thân một lần nữa qua các chỗ công cộng ở Tokyo vào những giờ tan sở, nghỉ việc. Tôi thất vọng. Trước mặt Thủ-tướng Ikeda ở ga Tokyo

chỉ có độ vài mươi người, và sau một giờ cõ động cho con đường chính trị của đảng, ông Ikeda xem chừng có vẻ đói, nên đã bung bát mì nóng ăn một cách ngon lành, vui vẻ bình dân chi lạ. Ở công viên HIBIYA, chủ tịch đảng Xã hội cũng phải đóng cái trò sân khấu chính trị ngoài trời ấy. Tôi bước đi với nụ cười nhẹ!

Kết quả cuộc bầu cử cho chúng ta biết chỉ có độ 36 triệu người đi bỏ thăm, nghĩa là chỉ có độ 65% tổng số dân trên 20 tuổi. Đảng Tự do dân chủ đã thắng với số thăm 46,75%

tổng số thăm, trong khi đảng Xã hội chỉ có 28%. Năm nay ở Thượng nghị viện, tổng số ghế của đảng Tự do dân chủ là 142 ghế, so với kỳ trước chỉ có 137 ghế nghĩa là tăng thêm được 5 ghế. Đảng xã hội năm nay được tất cả là 66 ghế ở Thượng nghị viện và chỉ tăng thêm được một ghế thôi nếu so với kỳ bầu cử trước. Sự thắng lợi này có thể làm cho Thủ-tướng Ikeda tin tưởng nhiều hơn về con đường chính trị của ông và có thể ông sẽ tiếp tục con đường ấy trong những năm kế tiếp...

**NÔNG-BẮNG-GIANG**

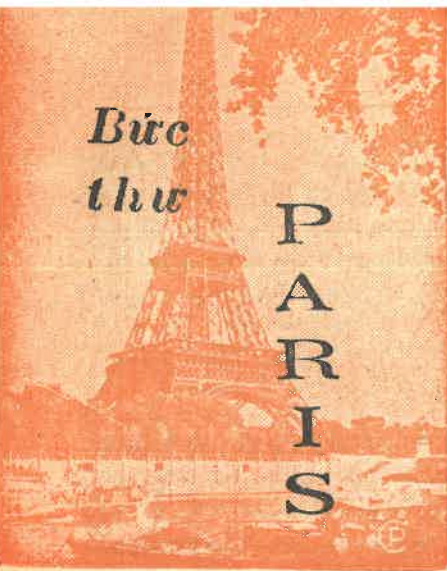


**★ XEM TRANH TRỪU TƯỢNG**

Một em bé cùng mẹ đi viếng một phòng triển-lãm hội họa.

Đứng trước một bức họa trừu tượng, em bé hỏi mẹ:

- Họ vẽ cái gì ngoẵng ngoèo vậy má?
- Có lẽ một nông dân đang dắt con trâu đày con ạ.
- Tại sao không thấy người và trâu đâu cả?!



vấn - đề học

SINH - NGỮ

(Tiếp theo P.T. 88)

Bạn thân mến,

**T**HƯ trước tôi đã bàn đến việc dịch từ Anh-văn qua Pháp-văn và đã đưa ra thí dụ bài điều văn của Mark Antony trong kịch « Julius Cæsar » của Shakespeare, kèm theo hai bản dịch Pháp và Việt-ngữ.

Trong khi Đại-học Paris giảng giải và dịch các tác phẩm Anh, thì ở Londres cũng có nhóm chủ-trương loại « Bilingue ».

Xưa nay người Anh họ thường cho tiếng nói của họ được tương đương nhất trong thế-giới, nên họ không cần phải học ngoại-ngữ.

Thật vậy, nếu bạn dạo chơi các phố ở Paris, Nice, hay Lamã bạn còn có thể gặp đôi ba người nói tiếng Anh, trái lại nếu bạn qua Londres, thì khó lòng bạn gặp được một người nói tiếng Pháp hay một ngoại-ngữ khác. Nhưng sau trận « thế-giới chiến tranh thứ hai », thì người Anh có lẽ cảm thấy họ không còn là một dân hải đảo biệt lập nữa. (máy bay của Đức Quốc-Xã đã cho họ thấy « The Channel » với 31 cây sò nước biển không còn là « chân lầy » bảo-vệ đế-quốc Anh nữa). Hình

như sau khi đã bị giam hãm trong hải đảo của họ trong những năm chiến tranh, người Anh đang sống với « hiện tượng xuất ngoại » (phénomène de défoulement). Hàng năm, cả ngàn cả triệu người Anh đổ xô đi du-lịch nước ngoài. Tại các nước ở lục-địa Âu-châu, có lẽ số người Anh qua du-lịch chiếm đa số. Trong vụ mùa hè, người ta thường gặp tại nước Pháp, nước Ý, nước Tây-Ban-Nha từng đoàn du-lịch Anh, già trẻ, lớn bé. Họ ở các bờ biển, các thành thị, các nơi thắng cảnh. Đâu đâu người ta cũng gặp họ.

• Tiếp xúc với các dân-tộc khác, họ cảm thấy họ không còn là « đệ nhất dân-tộc » trên địa cầu nữa, và để tiện bề giao thiệp, họ cũng cần phải biết tiếng nước người.

Hiện giờ tại Đại-học Sorbonne hay tại trường Alliance Française có lẽ số học sinh Anh và Mỹ đông hơn số học-sinh nước khác. Họ thường theo học « Cours de langue et de civilisation françaises ». Hàng năm, trong « phạm-vi văn-hóa trao đổi », các giáo sư cử-nhân tập-sự Pháp qua dạy tại các « Grammar School » hay « High School » bên Anh-quốc khá đông.

Đề đi sâu vào văn-hóa Pháp, các giáo-sư Anh chuyên môn sinh ngữ đã nghiên cứu và dịch các tác phẩm văn-chương Pháp. Việc dịch của nhóm này chia ra hai loại rõ-rệt.

- 1) Dịch các tác phẩm cổ điển
- 2) Dịch các nhà văn cận đại.

Tôi đã thấy những bản dịch tác phẩm của các văn-hào như Anatole France, Alphonse Daudet và nhà văn mới Genges Siménon, chuyên-môn viết tiểu-thuyết trinh thám.

Theo bản tính riêng biệt của dân-tộc Anh, họ làm một cách cẩn thận, đứng đắn. Nhà xuất-bản in (những loại sách dịch này là « Harrap's Bilingual Series ».

Họ nghĩ nên dịch hai nhà văn như Anatole France và A. Daudet thì thật là đúng, vì hai nhà văn này, có lời hành

văn rõ ràng, vững chắc và thanh tú, tưởng nên đem ra làm kiểu mẫu cho những người muốn học viết tiếng Pháp.

Của A. Daudet, họ dịch quyển «Lettres de mon moulin» tức là những truyện ngắn viết một cách tuyệt tác, thú vị.

Trong các truyện ngắn này, ta hãy lấy thí dụ truyện «Anh chàng có bộ óc bằng vàng» (l'homme à la cervelle d'or) dịch ra Anh văn là «The man with the golden brain».

Truyện này chắc có lẽ các bạn đã biết, tôi chỉ trích đoạn dẫn trước, cũng tỷ như lời nói đầu, để là: «A la Dame qui demande des histoires gaies» dịch ra tiếng Anh là «To the Lady who asks for bright stories» (gửi tặng một Bà yêu cầu được đọc truyện vui).

#### A. — Nguyên Pháp-văn

*En lisant votre lettre, madame, j'ai eu comme un remords. Je m'en suis voulu de la couleur un peu demi-deuil de mes historiettes, et je m'étais promis de vous offrir aujourd'hui quelque chose de joyeux, de follement joyeux.*

*Pourquoi serais-je triste, après tout ? Je vis à mille lieues des brouillards parisiens, sur une colline lumineuse, dans le pays des tambourins et du vin muscat.*

*Autour de chez moi tout n'est que soleil et musique ; j'ai des orchestres de culs-blancs, des orphéons de mésanges ; le matin, les coulis qui font « Coureli ! Coureli ! » ; à midi, les cigales ; puis les pâtres qui jouent du fifre, et les belles filles brunes qu'on entend rire dans les vignes...*

*En vérité, l'endroit est mal choisi pour broyer du noir ; je devrais plutôt expédier aux dames des poèmes couleur de rose et des pleins paniers de contes galants.*

*Eh bien, non ! je suis encore trop près de Paris. Tous les jours, jusque dans mes pins, il m'envoie les éclaboussures de ses tristesses...*

*A l'heure même où j'écris ces lignes, je viens d'apprendre la mort misérable du pauvre Charles Barbara ; et mon moulin en est tout en deuil. Adieu les courlis et les cigales ! Je n'ai plus le cœur à rien de gai...*

*Voilà pourquoi, madame, au lieu du joli conte badin que je m'étais promis de vous faire, Vous n'aurez encore aujourd'hui qu'une légende mélancolique : L'homme à la cervelle d'or.*



Ta thầy bài này tuy viết một cách nhẹ nhàng, duyên dáng, nhưng rất điêu luyện.

Về danh-từ, ta biết chút ít về xứ Provence, nào đôi thông đầy ánh sáng ; những giống chim «culs-blancs» (chim hải-âu), chim «mésanges» (chim sơn-tước) chim «courlis» (giống chim sêu).

Ta cũng thầy như từ-điển như : «orphéons de mésanges» (hội nhạc của chim hải-âu), «broyer du noir» (nghĩ đến chuyện phiền muộn), và được biết những điều đặc biệt, như họ hay đánh trống nhỏ (tambourin), thổi sáo (fifre) khi có cuộc hội họp và ưa uống rượu muscat. (muscat là thứ nho xạ) ; còn Charles Barbara, mà cái chết làm cho tác-giả buồn, là một nhà văn (sinh năm 1822 chết năm 1866) sống lang thang ở Paris với một phái văn nghệ sĩ mà người ta gọi là «la bohème de Paris». Bây giờ ta hãy xem bản dịch ra tiếng Anh :

#### TO THE LADY WHO ASKS FOR BRIGHT STORIES

*When I read your letter, Madam, I felt something akin to remorse. I took myself to task for the somewhat oversombre hue of my stories ; and I have vowed to offer you to-day something joyous, quite in a rollicking vein.*

*Why should I be sad, after all ? I live thousands of miles away from the Paris fog, on a hillside steeped in sunlight, in the country of tambourines and Muscat wine.*

*Around my abode all is sunshine and music ; I have orchestras*

of finches and choirs of tomtits. In the morning the curlews sing « Curlew! Curlew! » At the noon I have the cicadas. Then come the cowherds playing the fife, and the dark, handsome girls whom I hear laughing among the vines...

In truth, the spot is ill-chosen to indulge in brooding; it would become me better to send ladies rose-coloured verse and basketfuls of love-stories.

Well no! I'm still too near Paris. Every day, even among my pine-trees, I receive splashes from its sad events...

At this very hour, as I write these lines, I have just heard of the miserable death of poor Charles Barbara; and the news has cast a gloom of mourning over my mill. Farewell, curlews and cicadas! I have no more heart for anything gay...

That is why, Madam, instead of the slighty story which I proposed to give you, you will have to be content again to-day with a melancholy legend « The man with the golden brain ».



Trước hết, ta nhận thấy các người dịch đã cố hết sức dịch cho thật sát nghĩa (serrer de près le texte) và cân nhắc từng danh từ; nhưng họ đã phải đọc lại bản dịch để có thể vừa dịch đúng nghĩa, vừa đúng với tinh thần của Anh-ngữ.

Chẳng hạn như câu « broyer du noir », nếu họ cứ dịch một cách « máy móc » là « to pound the black », tức là như tiếng Việt-Nam: « nghiền cái đen », thì thật là vô nghĩa-lý, vì thật ra người Anh họ không bao giờ nói và viết như thế.

« Broyer du noir », tiếng Việt-Nam là « nghĩ đến những chuyện phiền muộn », ta thấy ở đây họ dịch ra tiếng Anh là « to indulge in brooding ».

Tiếng Anh, động-từ « Brood » nghĩa là « broyer du noir », còn chữ « indulge » tức là « s'abandonner à », tiếng Việt là « miệt mài ». Cả câu « to indulge in brooding » tức là « miệt mài trong những tư tưởng phiền muộn ».

« Broyer du noir » còn có thể dịch ra tiếng Anh là « to be in the dumps », hay là « to have the blues » nhưng không thanh nhã, văn vẻ bằng « to indulge in brooding ». Theo bản dịch và theo tinh cân thận của người Anh thì có lẽ mỗi khi dịch một án văn Pháp sang tiếng Anh, họ phải tự hỏi « Is it English? » tức là « có đúng với tinh thần tiếng Anh hay không? »

Đại khái, mỗi lần dịch một bài văn ngoại ngữ ra tiếng Pháp, tiếng Anh hay tiếng Việt-nam, người dịch phải tự hỏi « có đúng với tinh thần tiếng ấy hay không? »

Hơn nữa, người dịch phải đủ kiên-thức về sinh-ngữ để có thể hiểu được thể nào là « langage littéraire », « langage diplomatique », hay « langage familier » (tức là giọng-văn văn hoa, giọng văn ngoại-giao, giọng văn thông thường), để dịch cho đúng với tinh thần bài văn mình muốn dịch.

Những bạn nào hiểu tiếng Anh, khi đọc bản dịch này đều nhận thấy sự chính xác và giọng lưu-loát, văn vẻ, tương đầu như viết ngay từ tiếng Anh, chứ không phải một bản dịch.

Bây giờ tôi xin dẫn thí dụ loại dịch văn kiện ngoại giao và thiết tưởng không còn văn kiện ngoại giao nào hơn bản « Liên Hiệp quốc Hiến Chương » (Charter of the United Nations) viết tại San Francisco (Mỹ quốc) ngày 26 tháng Juin 1945.

Đây là mấy lời dẫn đầu:

« We the peoples of the United Nations

DETERMINED

— to save succeeding generations from the scourge of WAR, which twice in our lifetime has brought untold sorrow to mankind, and

— to reaffirm faith in fundamental human rights, in the dignity and worth of the human person, in the equal rights of men and women and of nations large and small, and

— to establish conditions under which justice and respect for

*the obligations arising from treaties and other sources of international law can be maintained, and*

— *to promote social progress and better standards of life in larger freedom*

**AND FOR THESE ENDS**

— *to practice tolerance and live together in peace with one another as good neighbours, and*

— *to unite our strength to maintain international peace and security, and*

— *to ensure, by the acceptance of principles and institution of methods that armed force shall not be used, save in the common interest, and*

— *to employ international machinery of the promotion of the economic and social advancement of all peoples.*

(Ta nghiệm thấy tư tưởng và mục đích cao xa và tình nhân-loại đã được diễn tả một cách đàng hoàng rõ rệt)

Đây cũng bản văn kiện ấy viết bằng Pháp Văn :

«*Nous, Peuples des Nations Unies,*

**RÉSOLUS**

— *à préserver les générations futures du fléau de la guerre qui deux fois en l'espace d'une vie humaine a infligé*

— *à l'humanité d'indicibles souffrances, à proclamer à nouveau notre foi dans les droits fondamentaux de l'homme, dans la dignité et la valeur de la personne humaine, dans l'égalité de droits des hommes et des femmes ainsi que des nations, grandes et petites,*

— *à créer les conditions nécessaires au maintien de la justice et du respect des obligations nées des traités et autres sources du droit international*

— *à favoriser le progrès social et instaurer de meilleures conditions de vie dans une liberté plus grande*

**ET À CES FINS**

— *à pratiquer la tolérance, à vivre en paix l'un avec l'autre dans un esprit de bon voisinage.*

— *à unir nos forces pour maintenir la paix et la sécurité internationales*

— *à accepter des principes et instituer des méthodes garantissant qu'il ne sera pas fait usage de la force des armes, sauf dans l'intérêt commun*

— *à recourir aux institutions internationales pour favoriser le progrès économique et social de tous les peuples».*

Tôi xin tạm dịch ra Việt ngữ,

Chúng tôi, các dân-tộc trong Liên-Hiệp-Quốc

**Quyết định**

Tránh cho những thế-hệ hậu lai cái họa chiến tranh mà hai lần trong quăng đời người chúng ta đã đem lại cho nhân loại những đau khổ không thể nào tả xiết và

— Tuyên bố một lần nữa lòng tin tưởng ở quyền lợi căn-bản của người ta, trong nhân phẩm và giá-trị của con người, trong quyền lợi bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà và giữa các đại và tiểu quốc, và

— Thiết lập những sự kiện cần yếu để duy trì công lý và tôn trọng những trách-vụ do các hiệp ước và các nguồn quốc-tế công-pháp khác tạo ra.

— Thăng nhiệm xã hội tiến triển và nâng cao mực sống trong tự do rộng rãi hơn.

Và để đạt được những mục đích ấy

— Thực hiện chế độ khoan dung, sống hòa bình nước này với nước kia trong tình hảo-lân

— Hợp sức lại để duy-trì hòa bình và an-ninh trong thế giới

— Nhận lãnh những nguyên-tắc và thành-lập những phương pháp để bảo đảm tất dụng võ lực, trừ khi để bảo-vệ quyền lợi chung

— Thịnh cầu những tổ-chức quốc-tế để thăng nhiệm kinh-tế và xã-hội tấn phát cho tất cả các dân-tộc.



Bạn thân mến.

Loạt bài « văn để học sinh ngữ » trên đây là hết. Tôi đã cố gắng tìm kiếm những phương pháp mới áp dụng tại nước ngoài để hiến các bạn đọc, mong có chút lợi ích cho đường học hỏi chung, nhất là của các bạn thanh niên.

Chắc các bạn đã nhận thấy :

a) những kiến thức thực dụng rất cần thiết cho nhiều học sinh, vì chẳng may lâm vào cảnh gia đình túng thiếu phải bỏ học, thi học-sinh đó, đến bậc học tú tài, có thể dùng sinh ngữ để kiếm ăn, như làm thư ký, thông ngôn, hay đứng bán hàng.

b) những kiến thức văn hóa để nâng cao sự hiểu biết văn chương, lịch-sử và tâm-lý của một dân-tộc để tiện bề giao dịch về mọi phương-diện.

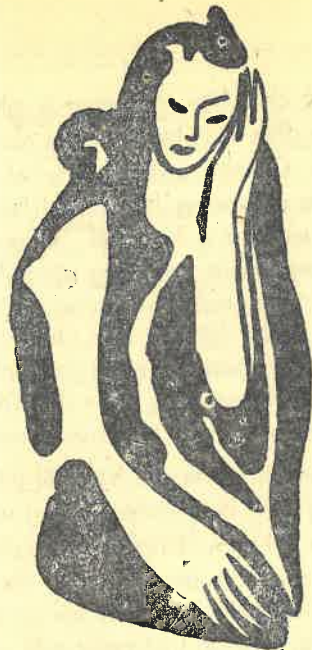
Các bạn cũng đã thấy, qua các thí dụ, cách hành văn khác nhau khi dịch những văn kiện ngoại ngữ, văn học, chính trị, v.v...

Trong bài dịch sau chót, bản Liên-Hiệp-Quốc Hiến-Chương, các bạn tuy chú trọng về văn chương, nhưng cũng nghiệm thấy mục đích tối cao của Liên Hiệp quốc : Bài trừ chiến tranh, duy trì hòa bình và an ninh trên thế giới, thực hiện một đời sống tốt đẹp, phong phú hơn cho tất cả các dân tộc trong chế độ khoan dung và tự-do.

Để tâm suy nghĩ, chúng ta đều cầu chúc cho Hòa Bình, An ninh mau vãn hồi trên lãnh thổ của tổ quốc yêu quý.

Thân mến chào bạn và xin hẹn « Bức Thư » sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN



CHỊ

SÁU « ĐÀM »

★ MỸ-KHANH

tĩnh, chân đi đất, hăm hờ bước vào xướng dật. Chị ta tiến về phía anh Văn, lật chiếc nón lá, ngón tay trở ghé vào chính giữa quai, xoay xoay chiếc nón mấy vòng :

— Ông chủ có cần thêm người làm không, tôi tới làm vài tháng ?

Chị vừa dứt tiếng nói, một loạt cười rộ nổi lên giữa đám đông bọn thợ vừa dật vừa quay tơ độ dưới ba mươi người. Anh Văn quay ra cau mày, trừng mắt, và sực sực mấy lần họ mới chịu im bặt tiếng cười, duy còn mấy kẻ luôn miệng xầm-xì bàn tán. Có gì đâu. Người dân quê vốn thật thà chất phác, ít có dịp tiếp xúc bên ngoài, nên khi nghe thiếu phụ hỏi câu đó với giọng lạ tai là họ không giữ nổi cái cười. Giọng nói chừng

**S**ÁNG hôm ấy, như thường lệ, anh Văn giờ sỏ điem điem ra gọi tên những người làm công. Khi quyền sỏ bìa vàng vừa được nắm gọn gàng trên bàn, cạnh những bạn nó lớn nhỏ đủ cỡ, thì có tiếng con Ki sủa vang ngoài ngõ. Con chó khôn lắm, không khi nào sủa người đã quen thân trong nhà, nên ai nấy đều đoán khách lạ. Mà khách lạ thật. Một thiếu phụ còn trẻ, da trắng, lối ăn mặc nửa quê nửa



tỏ người đàn bà ấy vốn gốc gác xứ này, đã đi làm ăn xa các tỉnh miền trong và bây giờ trở về nguyên quán. Dân quê Quảng-nam, vốn hay bị người Thừa-Thiên chế riễu là Quảng « nôm » vì cái chữ « a » không được mở rộng. Câu hỏi của người thiếu-phụ, đáng lẽ : « Ông có cần người « lôm » không, tui tới lôm dài thoáng » đã « bị » nói một cách khác.

Và chẳng, còn có một cái lạ nữa, là chị ta gọi anh Văn là « ông chủ ». Nguyên do thế này :

Anh Văn — anh họ tôi — là con bác Cửu. Anh vốn có chút ít học-thức dở dang, vì đứng trường-nam, phải ở nhà làm ăn, lập gia-đình. Anh có óc kinh doanh, óc tổ chức và sáng suốt. Khéo tay trong nghề, nên chẳng bao lâu với một số vốn nhỏ, anh mở nhà dệt lụa và tuyết-xo. Xưởng anh gồm chưa quá mười khung cửi, song những công việc phụ như quay, suốt, mắc cửi thường xuyên phải chiếm một số nhân công khá đông. Việc sản xuất, tiêu-thụ, giao-dịch với bạn hàng các nơi, anh đều làm sỗ sách rành rẽ. Anh dùng máy

đánh chữ, hộp thư riêng ở nhà Bưu-điện, giấy tờ đều có in nhân hiệu. Ở thôn quê lúc bấy giờ, kể ra cái xưởng dệt của anh Văn có vẻ xướng hơn hết. Nhưng những người làm công với anh, đều quanh-quần là bà con trong xóm, nên đối với anh, họ chỉ xưng hô giản dị bằng tiếng anh và tôi. Tiếng « ông chủ » đối với họ có vẻ xa xôi, long trọng quá.

Sau khi nghe anh Văn cất đặt công việc làm, thiếu phụ vui vẻ nhận lời ngay. Chị giữ việc suốt chỉ cho thợ dệt. Chị bắt đầu ngồi vào chiếc xe suốt có vành sắt to, vẻ trịnh trọng như một vị tướng lãnh vừa nhận lệnh cấp trên ra giao tranh với địch. Rồi tiếng xa quay vù vù, những sợi chỉ tơ vun vút quấn vào chiếc xác suốt bằng đồng như bắt đầu định rõ hướng làm ăn chắc chắn của người đàn-bà từ đây. Đạo ấy gặp dịp nghỉ hè, tôi được anh Văn nhờ sang giúp về sỗ sách, nên tìm cách làm quen « con người lạ » mới nhập tịch vào xưởng dệt.

Ban đầu, tôi khởi chuyện bằng cách hỏi tên tuổi, gốc gác chị, và từ đấy tôi quen gọi chị bằng chị Sáu. Té ra chị không phải

người ở đâu xa lạ mà là con bà Hương Toại xóm Đồng, vốn cũng có làm ruộng của mẹ tôi hồi ông thân chị còn sức khỏe. Chị bỏ nhà đi vong từ năm hai mươi tuổi, đến nay gần năm năm mới trở về. Tôi không hỏi kỹ chị căn do sự bỏ nhà ra đi, nhưng qua câu chuyện khi ít khi nhiều với chị em đồng nghiệp, đôi lúc chị cũng vui miệng kể lại. Do đó, tôi biết chị bị ép duyên. Còn cái lý do vì sao chị trở về, chị tuyệt nhiên không nói. Ai hỏi, chị chỉ cười :

— Sống chết về xứ mình cũng hơn.

Thời ấy, thoát nghe Chị Sáu nói, tôi lấy làm kính phục tác-giã nào đã viết bài « Chốn quê hương đẹp hơn cả » trong sách Quốc-văn mà tôi có dịp đọc thuộc lòng. Và trí óc đại dột ngây thơ của tôi tin rằng một người thuộc về lớp mù chữ như chị Sáu quyết không bao giờ đọc tới bài ấy để biết đến cái tình cảm sâu xa yêu mến nơi chốn nhau cắt rún.

Một buổi chiều, đã gần giờ bãi việc, chị Sáu đương loay hoay căn nhẵn với một ống chỉ tơ rồi gỡ không ra để quay

vào suốt, thẳng con anh Văn tôi, lối 5 tuổi, chạy đến nắm lấy tay quay, quay lia lịa. Tôi tưởng chị Sáu sẽ đỡ dành nó, gỡ tay nó ra khỏi xe để chị làm việc, nhưng tôi kinh ngạc xiết bao khi nghe chị nạt bằng một câu :

— Ba la binh, toa ! (1)

Rồi chị vụt cười ngật nghẹo như mụ điên, khiến thằng bé sững sốt, khóc thét lên, chạy đi tìm mẹ. Với một chút ít Pháp-ngữ vừa học được, tôi cố moi trong trí nhớ, không hiểu câu ấy nói gì. Mãi sau khi trận cười chấm dứt, chị Sáu cắt nghĩa :

— Hồi tôi ở với Tây, hề đương làm việc mà tụi con nhỏ nó tới phá thì la vậy đó.

— Nhưng con anh Văn có phải con Tây đâu !

— Tôi quen miệng rồi cô ạ ! Sau tôi nhớ ra, tôi mới cười vậy đó.

Từ đấy về sau, lần lần tôi biết thêm về chị Sáu : Chẳng hạn biết chị ở với viên Thương-Chánh Tây tại Đa-năng được

(1) Pas de la peine toi !

hai năm, ở với ông Đồn Khố-Xanh Hội-an một năm, và ông Phó-Sứ Nha-Trang một năm rưỡi... Chị thường kể những mẩu chuyện vặt về những con người da trắng, mũi lõ cho tôi nghe vào buổi trưa, khi chị ăn xong bữa cơm tại nhà chủ. Buổi chiều, khi chị cùng các bạn ra về, tôi băng khuâng nhìn theo người chị, con người bề ngoài thân hình mảnh dẻ mà bên trong còn chất chứa nhiều bí-mật của các nơi đường xa xứ lạ.

Càng ngắm nghĩ, tôi càng thích đời đi đó đi đây của chị.

Một hôm, tôi thổ lộ với mẹ tôi :

— Đi ở như chị Sáu mà sướng mẹ ạ !

Mẹ tôi quắc mắt :

— Bộ bay ưng lắm phải !

Rồi người tiếp theo, mắt mè :

— Ừ, sướng thì đi !

Nét mặt mẹ tôi sầm xuống, mắt hẳn vẻ đuj hiền mọi ngày mà trở nên nghiêm nghị, cương quyết. Tôi biết tôi đã làm phật ý người nên làm thinh và bước lạng ra ngoài. Nói cho đúng, tôi không chú ý đến điếm « đi ở », nhất là đi ở với Tây, nhưng tôi

chỉ chú ý đến việc đi ra, đi cho biết đó biết đây, thế thôi.

Thế rồi, càng ngày, tại câu nói đại dột vô ý của tôi, mẹ tôi càng không ưa chị Sáu. Có lẽ người cho chị là hư-hông, vì nghĩ rằng một thân con gái chưa chồng, dám đi ở giữ con cho Tây nơi này nơi khác. Đi ra như thế là không còn mong gì trở về, toàn vẹn trinh-tiết. Nhưng trong lúc mẹ tôi khư khư giữ lấy ý kiến nghiêm khắc ấy, thì mối thân thiện giữa tôi và chị Sáu càng thêm thắt chặt, mặc dầu tôi phải lén lút mẹ tôi. Do nhiều mẩu chuyện chị kể, tôi biết chị tuy nghèo, nhưng có ính tự trọng và không ham tiền. Mỗi một lần chị rời người chủ này đến ở với chủ khác là mỗi một lần vì có khi chị bị lợi dụng, hoặc bị vu khống. Lần cuối cùng, — chị kể cho tôi nghe vào một đêm quây tơ dưới trăng — vì chút chuyện sau đây : Một buổi trưa, bà Đầm nằm ngủ trong phòng, ông Chủ đi tắm ở nhà tắm. Chị cho đứa bé ngủ xong, bỏ mùng nôi xuống và ngồi thêu áo. Ông chủ gọi chị lấy khăn tắm đem ra. Chị vừa đến cửa phòng tắm, bà chủ thức dậy bất gặp, vu cho chị ngoại tình với ông và

đánh chửi thậm tệ. Chị bèn ra về, bỏ luôn cả ba tháng tiền ở chưa lấy, và từ-giã luôn nghề ở mướn, trở về quê cũ.

Tôi ngắm nhìn chị Sáu, dò xét những lời tâm sự của chị có vẻ thành thật hay giả dối. Tự nhiên tôi liền tưởng đến việc so sánh nhan sắc chị với những người đàn bà khác. Khuôn mặt chị đã nhỏ mà chiếc cằm dài làm mặt chị dài thêm. Khi nói, đôi mắt chị nháy lia lịa đưa mấy nốt ruồi bên khóe mắt lên xuống trông hay hay. Làn da trắng mịn còn ghi dấu được thời gian chị đi ra nơi xứ người, và mấy chiếc áo cánh viền đấng ten làm chị có vẻ cách biệt với chị em trong xưởng. Bởi vậy, do tôi, chị mang tên chị « Sáu Đầm » từ đó.



Kháng chiến chống Pháp được ba năm, tôi không hề trở lại quê hương lần nào vì gia-đình tôi đi-tàn cư, phân tán mỗi người mỗi ngả. Thỉnh thoảng mới gặp một người làng kể lại các tai họa chiến tranh xảy ra cho bà con chòm xóm nhưng tuyệt nhiên không hề có tin tức chị Sáu « Đầm » của tôi.

Rồi đến phiên vùng tôi ở có lệnh di sản về một quận miền Tây, cách nhà tôi độ hai mươi cây số.

Một buổi sáng, khi tôi và đoàn người gồng gánh cùng mệt mỏi, khát nước, dừng chân tại một chợ nhỏ trong xóm ăn uống thì một người đàn bà đứng tuổi đời nước nhìn tôi trân-trối. Tôi chột ngược lên và buột miệng :

— Chị Sáu, phải chị là chị Sáu không ?

— Ờ, qua đây, em đi đâu đó ?

Thì ra, lâu ngày xa cách, chị Sáu vẫn tưởng tôi còn bé như dạo nào ! Nơi xứ lạ, gặp được người thân có khác, chị kéo tay tôi vào ngồi hẳn bên lò nấu nước, cùng chị tâm sự hàn huyên. Một người đàn ông cao lớn mặc chiếc quần đùi, ở trần tròng trực, gánh đôi nước lạnh vào đổ trong盎. Chị giới-thiệu, giọng tự nhiên hết sức :

— Chồng chị đó.

Rồi chị kể một mạch đầu đuôi cuộc nhân duyên chị :

Chị mới tản cư vào vùng này mới năm tháng nay, từ ngày gặp

anh Sáu, đồng chị. Trước kia, mặc dầu giặc đến chiếm đóng, chị vẫn len lỏi ở với một số đồng bà, khi chạy chỗ này khi chạy chỗ khác vài hôm rồi lại về làng. Chị lẩn tránh giỏi nhưng cũng có lần suýt chết hụt dưới lần đạn của bọn chúng trong một trận bố ráp. Anh Sáu, lúc ấy cũng thuộc về lớp người bồng bềnh như chị. Nhưng ngoài ra, anh lại có nghề nấu rượu lậu. Một hôm, vừa nấu xong một đôi thùng rượu, anh được tin Tây về đóng lăm. Hốt-hoảng, anh đem giấu vào bụi chuối bên nhà chị Sáu rồi tìm đường đi trốn Ngõ đầu ba bên bốn bề đều có lính Tây bao vây. Anh bị bọn chúng bắt dẫn theo cuộc càn quét. Chị Sáu chạy không kịp, đánh liều ở trong nhà. Chị thấy đôi rượu của anh bạn lảng giềng bỏ vạ sau bụi chuối, chị nghĩ ngay một kế, và bình tĩnh nấu ăn trong bếp. Một tên lính bước vào thấy chị thì trở ra tin cho viên sĩ-quan và nói cười nhả nhỏ. Viên sĩ-quan ngoắc chị lại gần. Không chút sợ sệt, chị chỉ tay ra vườn và nói:

— Xừ, xừ, boa-rơ an-côn!

Quả nhiên, bọn chúng xúm lại rót uống, thấy trò say như

tử. Cả đoàn lính bắt anh Sáu nghe mùi rượu cũng từ các nẻo xóm đồ xô về nhà chị Sáu. Chị lạnh trí, thừa lúc họ dờ say dờ tỉnh, chị lạy viên sĩ-quan và tỏ dấu xin thả cho anh Sáu:

— Xê mông ma ri ! (c'est mon mari)

Các ông lớn gật đầu. Thế là hai người tâu thoát. Về sau, anh Sáu cảm kích về cái ơn cứu tử, ngỏ lời kết bạn với chị. Và họ trở thành vợ chồng, rồi dắt nhau đi tìm vùng bình yên hơn.

Chị kết luận : Đó, em coi, cũng do số mạng. Chớ như hồi chị đi cùng nơi khắp xứ mà cũng vẫn không ai thèm lấy chị !

Tôi nhìn chị sáu Đầm, trong lòng thăm phục con người ba chìm bảy nổi ấy

Anh Sáu, gánh về một đôi nước thứ hai, chợt nghe đuôi câu nói của vợ, chùng đã cảm thông, nên góp vui bằng một tràng cười dòn dả.

\*

Đặng đi mười mấy năm trời, hình ảnh chị Sáu « Đầm » đã dần phai mờ trong trí nhớ tôi bởi bao việc đời thay đổi bất ngờ khiến tôi phải lo liệu về gia

đình, con cái. Tất năm ngoái, tôi mới có dịp về quê sống thử lại những ngày xuân của thời trẻ dại. Vì vậy, tôi lại gặp được chị Sáu, chị Sáu « Đầm » của tôi ấy mà. Nhưng lần này, tôi gặp chị trong một hoàn cảnh khác nhiều. Vợ chồng chị bây giờ giàu lắm, buôn bán ở thủ-đô và chị đã có dâu bốn, năm đứa con. Chị về với hai đứa con lớn còn anh Sáu thì ở lại « trông ».

Gặp chị, tôi nhắc lại quãng đời xưa, khi chị hằng ngày kể chuyện đó đây cho tôi nghe. Chị cười, hàm răng loang lỗ :

— Vậy đó em à, đời người không biết đâu mà nói trước được. Như em có chí ra đi, mà không thể đi được. Chị muốn trở về quê mà trời xui cứ bắt đi hoài, đi hoài. Mà biết đâu chết phải bỏ xác xứ người, em nghĩ coi!

Câu nói của chị có phải để an ủi tôi không thì không biết, nhưng đôi mắt nheo nheo của chị buồn rầu nhìn về phía chân trời xa, như thử đoán số mạng ngày nào sẽ xui chị còn đi tận những đâu đâu nữa.

MỸ-KHANH



### ★ TIẾNG GỌI CỦA TÌNH YÊU

Một sĩ-quan Hải-quân hưu trí, trong bữa tiệc đãi bạn hữu, kể say mê câu chuyện của loài hải-cầu mà ông ta đã gặp trong lúc ông ta tham dự đoàn thám hiểm ở Bắc-cực.

Khi ngồi dùng cà-phê ở phòng khách, ông ta tiếp tục câu chuyện rằng : sau thời gian những đêm vô tận, lúc hừng đông, những con hải cầu cái leo trên các tầng nước đá và nằm đợi. Các con hải cầu đục mới bò lên sau và rống lên một tiếng rất lớn để gọi cái. Ngày này, tôi bắt chước cho các ông bà nghe.

Ông ta rống lên một tiếng rất to.

Bỗng cánh cửa phòng mở và bà vợ lộ đầu ra hỏi :

— Ông kêu tôi đó, phải không ?

# nhà-văn

## ★ THIẾU-SƠN



TRONG  
bài phê-  
bình Thi-  
sĩ Đông-Hồ  
tôi chưa nói  
hết ý-kiến  
của tôi.

Trong lúc viết bài đó, chính ông Đông-Hồ gửi tôi một số báo J.E.O. cũ, và chỉ cho tôi đọc một bài ở trương ruột.

Tôi đọc kỹ bài đó và thấy nó quan-trọng vô-cùng.

Bài đó nói về một bộ tự-điền đầy-đủ và phong-phú nhất của nước Đức gồm 32 cuốn và đã soạn thảo trong 125 năm.

Khởi thảo là hai anh em danh-sĩ Grimm. Hai ông đương làm giáo-sư ở Đại-học-đường

Cohigen thì bị vua Auguste de Hanovre đuổi vì các ông đã ký chung một bản kiến-nghị với nhiều nhà văn khác chống một biện-pháp độc-tài của nhà vua. Năm đó là năm 1837. Hai nhà văn thất-nghiệp đương lúng-túng vì vấn-đề mưu-sinh thì có nhà xuất-bản đề-nghị bỏ vốn cho các ông làm một bộ Tự-điền mới mẻ, đầy đủ và vĩ-đại. Các ông nhận lời và bắt tay vào việc với cái học quảng-bác và một tinh thần nhận xét sáng suốt và sắc-bén vô-cùng. Bắt đầu bằng chữ A các ông đã viết: « A là một âm thanh cao-cả và tinh-khiết nhưt trong các âm thanh phát xuất từ lồng ngực và cổ họng con người, một âm-thanh mà con nít học đề sáng-tạo, một âm-thanh mà hầu hết các mẫu tự trên thế-giới đều đề ở hàng đầu... »

Làm tự-điền mà như đặt những văn thơ. Nhưng làm đến chữ D thì hai anh em Grimm chết và công việc phải bỏ dở 50 năm.

Đầu thế kỷ 20, có 6 nhà học-giả Đức làm tiếp nhưng rồi lại phải bỏ dở, vì một công trình như vậy cần tới sự đóng góp của rất nhiều người và nhiều bộ óc uyên thâm, chứ không phải dăm bảy nhà « học giả » tầm thường mà làm nổi. Đã vậy mà nước Đức lại gặp nhiều biến cố. Hết Trận Thế-giới Đại-chiến thứ nhứt tới chế độ Hitler. Rồi trận Thế-chiến thứ hai và giang-sơn bị chia cắt. Nhưng Sở nghiên-cứu Đức (Office de recherches Allemand) nhứt định hoàn-thành cho kỳ được bộ Tự-điền của dân-tộc nên đã bỏ thêm vốn và động-viên thêm người đề tiếp tục công-trình bỏ dở.

Ở Đông-Đức cũng như ở Tây-Đức, những học-giả được phân-công có đầy-đủ mọi đảm-bảo đề phục-vụ văn-hóa ngoài áp-lực của chánh-trị và chế-độ.

Nhờ vậy mà bộ Tự-Điền đã hoàn-thành gồm 32 cuốn và vẫn được gọi là Tự-Điền Grimm.



Tin-tức văn-hóa trên đây quan-trọng về hai phương-diện. Trước hết nó Láo tin cho ta biết sự hạ-sanh của một đứa con tinh-

thần mà các nhà Văn-học Đức đã phải kế tiếp nhau ấp-ủ và bồi-dưỡng trong hơn một thế-kỷ! Đó là cái vinh-dự của nền Văn-hóa Đức và cũng là cái vinh-dự của loài người.

Sau nữa nó còn ghi được cuộc tranh-đấu trường-kỳ và gian-khổ của bọn người cầm bút Đức chống với áp-lực của những kẻ cầm-quyền xứ ấy.

Vua Auguste de Hanovre đã có thể đuổi anh em ông Grimm ra khỏi trường Đại-học, nhưng nhà Vua độc-tài kia không bề cong hoặc tước-đoạt được ngòi viết của các ông. Các ông tìm hiểu và phát-huy những giá-trị của ngôn-ngữ và văn-chương Đức-quốc là những giá-trị vĩnh-cửu hơn cả đời vua Auguste, hơn cả chế-độ Hitler, hơn cả những chiến-công và những thất-bại của quân đội quốc-xã, hơn cả sự chia cắt giả-tạo trên lãnh-thổ của nước Đức hiện nay.

Những người kế tiếp các ông cũng cứ theo con đường đó mà đi không đề cho nhà cầm-quyền lôi-kéo.

Thật ra thì nhà cầm quyền nào khôn-ngoaan mà không muốn lôi kéo bọn nhà văn vì họ biết nhà văn đã sẵn có uy-tín đối với người dân trong nước. Muốn tranh-thủ nhân-dân họ phải o-bế

văn-sĩ và cũng có một số nhà cầm bút đã vội vàng xung vô làm môn «văn chương theo chánh quyền» (*littérature officielle*) để kiếm miếng dĩnh-chung.

Abel Bonnard, một nhà văn kè cũng có tên tuổi trong văn-chương Pháp thời tiền-chiến, đã vội-vã đầu hàng để phục-vụ chế-độ Vichy nhưng sau khi Pétain sụp-đổ thì Bonnard cũng hết thời. Dân-chúng không còn tin nơi ngòi bút ấy nữa.

Trái lại, những nhà văn Pháp đã tham-gia kháng-chiến chống giặc Đức, hay chịu đứng ngoài cảnh òn-ào «xôi-thị» của những bọn đầu-cơ Văn-chương và phần bội văn-ngệ, thì những nhà văn đó càng được dân Pháp quý-trọng và thương yêu mãi mãi.

Tôn-Thọ-Tường chưa xứng đáng là một nhà văn nhưng cũng mang danh con nhà cầm bút đã chịu tiếng đời mai-mĩa vì hợp tác quá sớm với Pháp trong lúc Dân ta còn đang cầm hờn và kháng chiến mặc dầu là tuyệt vọng. Nhưng Đồ-Chiều :

*Dầu dui mà khỏi danh như,  
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh  
rình.*

*Dầu dui mà đặng trọn mình,  
Còn hơn có mắt đòi hình tóc  
râu.*

Vậy mà chính người Pháp lại một niềm kính-trọng nhà thi-sĩ của chúng ta. Họ kiếm

cụ tại Ba-Tri đề hỏi về đất cát của cụ ở Sài-gòn để trả lại cho cụ. Họ năn nỉ cụ nhận giùm một số tiền cấp-duỡng. Nhưng cụ đã nhứt khải cụ tuyệt vì cụ nghĩ rằng: Đất của vua còn bị cướp mất thì đất của cụ nào có sá kè gì ?

Hồi đó Vua là tượng trưng cho dân-tộc, nhưng người Pháp cũng thừa biết rằng nhà thi-sĩ còn đứng trong hàng ngũ dân-tộc nên họ mới lấy lễ mà đối xử với người. Còn đối với những người đã rời bỏ hàng ngũ như Tôn-Thọ-Tường thì tiền bạc là đủ lễ nghĩa là thừa !



Tất cả những dẫn-chứng trên đây chỉ là để xác-nhận một sự kiện lịch-sử, là con nhà cầm bút phải luôn luôn gắn mì h vào với dân-tộc và nhân loại. Họ cần phải nói lên được tiếng nói của dân-tộc lâm-than, của loài người đang đau khổ. Thi-hào TERENCE đã nói : *«Tôi là người, tôi không thể bằng quan được với những cái gì liên-hệ tới người.»* Người khổ hay sướng, vui hay buồn, no hay đói, khóc hay cười, nhà văn chân-chính phải diễn-tả một cách trung-thực và phải đề tìm mình thồn-thức với tìm người. Gắn nhứt là đồng-bào của họ. Họ dùng tiếng nói của đồng-bào để diễn-tả nỗi lòng trắc-ần của dân-tộc hơn là bưng-bọt vua

chúa. Họ đứng hẳn về hàng-ngũ của người Dân muôn thuở với những nỗi vui, buồn, sướng, khổ xuất-phát tự đáy lòng.

Từ ngàn xưa Nhan-Súc đã đề lại cho chúng ta một bài học quý-giá.

**Tề - Tuyên - Vương** bảo : «Súc lại đây» Nhan-Súc cũng bảo : «Vua lại đây.» Vua nổi giận và bọn quan hộ-giá cũng giận theo. Nhan Súc nói : «Vua gọi Súc mà Súc lại thì Súc là người xu-phụ quyền-thế. Súc gọi vua mà vua lại thì vua là người quý-trọng hiền tài. Nếu đề Súc mang tiếng xu-phụ quyền thế, sao bằng đề nhà vua được tiếng quý-trọng hiền tài.»

Vua còn giận hỏi gắt : «Vua quý hay kẻ sĩ quý ?»

Nhan-Súc đáp : «Sĩ quý, vua không quý. Ngày trước nước Tần sang đánh nước Tề, có hạ lệnh : *Ai đến gần mộ ông Liễu-Hạ-Quý thì xử-tử.* Lại có lệnh : *Ai lấy được đầu vua Tề thì được phong hầu và thưởng nghìn lạng vàng.* Xem thế đủ biết cái đầu ông vua sống không bằng cái mả kẻ sĩ đã chết.»

Tề-Tuyên-Vương hết giận đem lòng kính-phục Nhan-Súc và mời ra làm quan. Nhưng ông này từ chối mà nói rằng :

— «Ngọc vốn ở núi lấy ra mà dũa, chế làm đồ vật, tuy đem bày biện có phần quý-báu, nhưng cũng là hồng vị «vóc ngọc» không còn. Kẻ sĩ sinh nơi thôn-dã bỏ ra làm quan tuy vinh-hiến thật song «hình thần» không còn được toàn ...»

Nhan-Súc từ chối không ra làm quan với Vua Tề, hai anh em Grimm phản-đối vua Auguste de Hanovre cũng chỉ là muốn giữ «vóc ngọc» và «hình thần» được toàn vẹn đề phản-ảnh trung-thực nỗi lòng của dân-tộc và tâm-sự của con người.

Bộ Tự-Điền mang tên anh em Grimm tượng-trưng cho sự toàn vẹn lãnh thổ và ti h-hần thống-nhứt của dân-tộc trong khi đất nước bị chia hai vì những lý-do chánh-trị với áp-lực của ngoại-bang.

Bộ Quốc-gia giáo-dục đề ra ba nguyên-tắc : *dân tộc, nhân bản và khai-phóng.*

Tôi đã nói nhiều về dân-tộc và nhân-bản. Miễn là đứng vững trên những lập-trường đó mà sáng-tác thì tinh-thần khai-phóng sẽ xuất-hiện một cách điều-hòa, êm-đẹp, thiết-tha và hào-hùng như âm-thanh của chữ A.

THIỆU-SON

# Danh-Nhân Thế-Giới

Biên-bản Thế-Kỷ Hai-Mươi

## 7. — Charlie CHAPLIN

THÁNG 8 vừa qua, Charlot đã từ Thụy-sĩ sang thủ-đô nước Anh lãnh chức Tiên-sĩ hàm do Đại-học Cambridge tặng Cuộc lễ trao bằng đã cử hành long trọng với sự hiện diện của nhiều yêu-nhân Anh-quốc và các nước.

Vinh-dự vô song ấy, Charlot đã hái được nhờ công-trình vi-dại và độc-đạo ông đã đóng góp vào nghệ-thuật thứ bảy. Hơn nữa, ông là « người độc nhất có tính cách bao quát của thời hiện-dại » — như lời của Gilbert Seldes đã nói, một người có thể « biểu-hiện tất cả mọi người của thế-kỷ XX ».

Chính Charlot đã viết : « Hải-kịch phải trung-thực và

đi sát với cuộc đời, Hải-kịch của tôi là đời sống hàng ngày... Mục-dịch của tôi là làm hài lòng cho chính tôi. Vì khi tôi nghĩ đến vấn-đề ấy, tôi tin-tưởng ngay rằng người được tôi làm hài lòng hơn hết là người hạng trung-lưu. Và tôi chẳng phải là con người trung-lưu hay sao? »

« Charlot là một con người đến-hình quốc-tê, pha trộn nhiều cá-tính quốc gia. Tánh-cách một kẻ lêu-lồng, lang-thang mà ông tạo ra trên màn ảnh có thể là con người của bất cứ nước nào, thời-dại nào ». Đó là lời b nh phẩm của giáo sư đại-học Mỹ Theodore Huff, người có thâm q yển nhât về Lịch-sử Điện-Ảnh.

Một buổi nhóm họp của những yêu-nhân trong nền kỹ-nghệ điện-ảnh hồi năm 1953 đã bầu Charlot là « đến-viên hay nhất của bán thế-kỷ



này». Số người đã đi xem phim của Charlot trên thế-giới, ước-định vào 300 triệu người...

Charlot đã cho nhân-vật trong phim bản một thứ y-phục: theo lời phục sức ở Anh hồi trước Thế-chiến thứ nhất, biểu lộ sự nghèo khổ, cơ cực của con người muốn vượt lên để thoát khỏi địa vị mình mà bước tới một chỗ cao hơn. Charlot đã có giải thích về bộ y-phục ấy, trong một cuộc phỏng vấn của ký giả George P West hồi năm 1923 : « Y-phục ấy giúp tôi phát biểu quan-niệm của tôi về người trung lưu tức là bất cứ người ở nước nào hay là chính con người tôi Cái mũ hình trái dưa, hẹp quá, là để biểu hiện sự cô gắng của con người

muốn tỏ ra xứng đáng, cái vệ Bộ râu cá chột biểu dương tánh kiêu hãnh. Cái áo may chặt lại gài nút, cây « can » và những lời xử-dụng nó, nhằm mục đích tả dáng điệu phô trương là kẻ lịch thiệp, dám mạnh dạn đối diện với đời, dám xáo-quyệt nữa. Nhân vật ấy có thể bắt chập cả mọi người song lại cho sỗ phạm mình. »

Người ta thấy ở nhân-vật của Charlot tất cả thực chất của con người trung-lưu, — người ngoài phố — của bất cứ nước nào. Đối với người Pháp, nhân vật ấy là người Paáp. Đối với người Nhật, thì là người Nhật... Với các trẻ em, nhân vật ấy là con người tinh ranh, một đứa trẻ lêu-lồng của tất cả các thời đại. Với những người bình thường, người không được ru thế trong xã hội, nhân vật của Charlot là kẻ quán quân binh vực họ để rút cuộc thắng

★ TẾ-XUYỀN

World Record

được cả các « Ông Tai To Mặt Lớn ».

Charlot là một người của toàn cầu.

Ông là một thiên tài, khó mà kiếm được người thứ hai như ông.

### NGHỆ THUẬT CHỌC CƯỜI

**C**HARLOT là một vai hề quốc-tê. Nghệ thuật của ông là đem cái cười chua chát ra mà mô-tả con người. Khi mới xuất thân trong cái nghệ-thuật chọc cười thiên-hạ, Charlot đã đăng một bài trong tạp « American Magazine » hồi năm 1918 nhan đề là: « người ta cười do cái gì? » Ông viết: « Không có bí-quyết gì trong nghệ-thuật làm cho thiên-hạ phải cười. Tất cả công tác của tôi là mở lớn mắt để quan sát, và sẵn sàng khơi óc minh mẫn để thấu lầy những sự-khiến có thể dùng vào nghề của tôi. Tôi đã nghiên cứu tánh-chất con người. Nếu không hiểu rõ con người, tôi không thể tạo được nhân vật của tôi... Mục tiêu

của tôi là làm nổi bật lên chân tánh con người ».

Nhờ có cái thân-hình hơi thấp bé mà Charlot tiêu biểu được hạng người bị bạc đãi trong xã-hội. Charlot nhận định rằng nếu ông cao thêm 7 phân nữa, thì ông không thể phát huy cá tánh của hạng người ấy, hạng người vừa làm cho người ta phải cười, vừa làm cho người ta thương xót. Cái bộ mặt vừa bi vừa hài của con người lêu lổng mà Charlot tạo ra, lại còn có tánh-cách lãng mạn nữa; hai chân lang-thang không cần biết phiêu-lưu tới đâu; có khi nhân vật ấy xuất hiện dưới một cái bóng người cô đơn sắp bước lên con đường dài vô tận song đầy hy-vọng.

Thomas Burke, một nhà bình-phẩm Anh, cũng xuất thân trong cảnh nghèo khó như Charlot, đã viết rằng Charlot đã « gom góp lại trong một trận cười thành thật, tất cả thế-giới văn-minh và thế-giới không văn minh; ông là người nổi tiếng trên hoàn cầu, không thể liệt vào hạng người nào hết » Cho đến

các danh-nhân cũng phải chú ý đến nghệ-thuật của Charlot.

Thủ tướng W. Churchill gọi phim của Charlot là «tiếng nói chung của tất cả mọi người». Đã mất công nghiên-cứu tài diễn-xuất bằng bộ diện của Charlot, ông không tiếc lời ca tụng những phim mà Charlot đã sáng tạo. Nhà văn hào Bernard Shaw gọi Charlot là «thiên tài duy nhất của điện ảnh».

Tuy vậy cũng có người công kích đời tư của thiên tài ấy, cũng như về «trường lỗi chánh trị» mà người ta gán cho ông (có lần ông bị nghi ngờ là có tư-tưởng cộng-sản vì những ý kiến tá-kauynh của ông). Song Thomas Burke bình vực ông: «Charlot không phục vụ báo chí hay các nhà bình phẩm. Ông chỉ phục vụ dân-chúng». Phải nói là thứ «dân chúng tổng quát của hoàn cầu»... Ông không thích làm công dân một nước nào dù là nước có thể giúp ông giàu có lớn. Charlot muốn là con người của thiên-hạ.

Năm 1949 trong tạp chí Life, nhà bình phẩm James

Age đã tóm tắt địa vị của Charlot trong nghệ thuật thứ bảy như sau đây:

«Trong các diễn-viên hài-kịch, ông là người đã làm việc thâm thúy nhất và tề nhị, tinh vi nhất để tạo ra một nhân vật tiêu biểu cho con người đứng trước những sự khốn cùng mà mình phải đụng chạm. «Chàng Lêu-Lổng» trong phim của ông cũng biểu hiện nhân loại; nó có tánh cách bí mật và tạp bác như Hamlet. Trong tác phẩm của ông, người ta thấy cả tài diễn xuất đặc sắc về kịch câm, sự xúc động thâm thúy, và cả một nguồn thơ phong phú và đau buồn nữa.»

Bao nhiêu ý kiến trên đây đã xác nhận Charlot là một danh nhân thế giới.

Cuộc đời của ông đã ảnh hưởng đến nghệ thuật của ông ra sao? Chúng ta cần biết rõ.

### LÚC THIẾU THỜI

Charlie Chaplin — tên của Charlot — sanh ngày 16 tháng

4 năm 1889 tại Luân-đôn, thủ đô nước Anh, nhằm gần đúng lúc ở Mỹ, nhà sáng chế Thomas A. Edison khuếch trương xong nền điện-ảnh.

Thân phụ ông là một người Do-thái Pháp, nhập quốc-tịch Anh. Thân mẫu ông nguồn gốc Tây-ban-nha hay Ái-nhĩ-lan, không ai biết rõ. Chaplin được đào tạo về nghệ thuật từ trong lòng mẹ vì song thân đều là tài tử về bộ môn ca-vũ. Lúc mới lớn lên, cậu Chaplin đã được đóng một vai ca sĩ trong đoàn hát mà song thân giúp việc; hồi ba tuổi, cậu đã được thân mẫu khoe với bà con hàng xóm năng khiếu thiên phú của cậu về ca hát.

Lời khoe khoan ấy không phải là quá đáng vì lên 5 tuổi, cậu bé đã có dịp bắt ngờ để trở tài. Một đêm trình diễn ở Luân-đôn, má cậu bị đau bắt thần không ra sân khấu được, Ba cậu phải ép con ra thay thế và hát bài « Jack Jones » để tặng khán giả. Bước đầu lên sân khấu là một bước thành công mỹ mãn; công chúng liệng tiền lên để khuyến khích và tán thưởng một tài

năng tí-hon mới chớm nở mà đã già dặn như một thần-đồng.

Nhưng chẳng bao lâu gia đình Chaplin làm cảnh bị thương.

Ông thân của cậu có tật ghiền rượu, sang kiếm tiền khá càn say sưa rồi chết ở nhà thương vì bệnh rượu. Thân mẫu cậu từ khoẻ bị suy giảm vì tang-bần, khiến bà phải rời bỏ sân khấu.

Bà phải gởi cậu Charlie và một người con trai nữa tên Sidney vào viện trẻ bán Maxwell để việc nuôi cho ăn học.

Charlie ở đây 3 năm; trong cảnh cô đơn, nghèo khó, cậu mơ ước đoàn vọng và giàu sang.

Sau hai năm bà mẹ đã mạnh, có thể may thuê và mượn để độ nhật, nên xin lãnh hai con ra nuôi lấy. Năm ấy Charlie lên 7 tuổi, được mẹ gọi đi theo đoàn hát The Eight Lancashire Lads. Trong đoàn có diễn một vở hài kịch về chó mèo; Charlie phải đóng vai con chó. Cậu đã thành công mỹ mãn trong công-tác bắt chức tiếng chó sủa đên nổi

khán giả cười muốn vỡ rạp. Vợ tuồng này được lưu diễn ở các tỉnh trong một năm rưỡi, đên đâu cũng thâu được kết quả quá sự mong ước.

Theo gánh hát được hai năm, cậu Charlie được mẹ lãnh về gởi vào trường Hern Boys College ở Luân-Đôn. Cậu được đi học trong hai năm, đó là tất cả cái vốn kiến-thức của cậu. Song nền giáo-dục vô-giá là nền giáo-dục thọ lãnh được ở bà mẹ. Bà đã luyện cho con được cặp mắt quan sát tinh tường. Sau này lớn lên, Charlie nhớ mãi rằng thân mẫu cậu chỉ nhìn lỗi đi hay đôi giầy hoặc nét mặt của một người đàn ông mà đoán được người ấy đã ăn rồi hay đang đói, hoặc đang có chuyện vui hay vừa gây lộn với vợ.

Bà đã truyền cho con cái thuật quan sát người đời.

Sức khoẻ của bà lại suy giảm rồi bà mắc chứng điên, bị bắt giam trong bệnh viện. Từ đó cậu Charlie sống đời cô độc; anh cậu là Sydney đi làm tàu thủy sang Phi-châu.

Cuộc đời lêu-lồng của Char

lie bắt đầu từ đây. Cậu sống như một đứa trẻ vô gia đình, lang thang đầu đường sớ chợ, làm đủ mọi việc để tranh sống; khi thì khuan vác ngoài chợ, lúc múa hát ở công viên để mua vui cho các trẻ em; có lần làm nghề hót tóc phụ nữ. Khách không nhà đã phải lầy xó chợ, đầu đường làm chỗ ngủ.

Sau này Charlie đã khai thác cảnh sống cơ-cực ấy trong cuốn phim « Thằng Nhãi con » — (Le gosse) — tả một đứa trẻ lêu-lồng.

## BƯỚC LÊN SÂN KHẤU RỒI NHẢY QUA MÀN ẢNH

Năm Charlie lên 10 tuổi, anh của cậu ở Phi-châu về nước; Sydney có đem về một số tiền để dành được trong khi làm tàu. Đã có óc doanh nghiệp, Sydney tổ-chức cuộc đời cho em và sắp xếp cho Charlie gia nhập gánh hát này hay gánh khác.

Trong 3 năm sống trên sân



khâu không có gì xuất sắc ngoại trừ một đêm hát có Anh-hoàng đi xem cùng Vua và Hoàng-hậu nước Hy-lạp. Charlie đóng một vai trong vở tuồng diễn đêm hôm ấy, đã làm cho vua nước Anh và vua Hy-lạp phải tức cười nôn ruột.

Tuy vậy, Charlie không phải nhờ dịp này mà nổi tiếng. Cậu bắt đầu được công chúng chú ý từ khi gia nhập đoàn hát xiếc « Casey's Court Circus » đóng những vai trò hài hước, nhái điệu bộ của một số nhân vật trong xã-hội.

Charlie đã thành công trong vai trò một bác-sĩ lỗ bịch.

Nhờ giúp việc cho gánh xiếc này mà cậu đã đi hầu về một chiều hướng : đóng tuồng hài-hước, tận dụng bộ diện nhiều hơn lời nói. Charlie diễn hài kịch câm, bắt chước cả những lời chỉ dẫn của đạo diễn.

Trong thời kỳ này, anh của Charlie là Sydney cũng lên sân khấu và gia nhập đoàn Kred Karno. Cậu khoe với ông bầu Karno, về tài-nghệ của em mình. Charlie được

thâu dụng trong đoàn này, năm 17 tuổi.

Charlie giúp việc cho đoàn Kred Karno đến năm 1913: một năm định mạng cho cậu. Lúc này đoàn đi lưu diễn ở Mỹ, cậu bước một bước quyết liệt từ sân khấu qua màn ảnh. Điện ảnh đã « xâm chiếm » được một thiên tài của sân khấu.

Những cuộc lưu-diễn của đoàn Karno ở Mỹ đã giới-thiệu tài đóng kịch câm của Charlie với các nhà sản-xuất phim.

Ngày 12 tháng 5 năm 1913 đang diễn tại rạp « Nixon Theatre » ở Philadelphie, Charlie bỗng nhận được bức điện tín mời đến văn phòng của ông Kessel ở Nữ-Uớc vào chiều thứ bảy. Kessel là một trong các vị chủ nhơn chỉ huy Công-ty điện ảnh « New-York Motion Picture ».

Khi tới phòng ông Kessel, Charlie quá xúc động vì ông đề nghị trả lương mình 150 Mỹ kim mỗi tuần lễ, trong khi gánh hát Karno trả có 50 Mỹ-kim. Tự nhiên được lương nhiều gấp ba, Charlie nửa

mừng rứa sợ : chàng không biết có thể thành công trên màn ảnh như trên sân khấu chăng ? Chàng lưỡng lự một hồi lâu rồi cũng quyết thử thời vận.

Vì mắc giao kèo với gánh Karno mãi ngày 28-11-1913 mới mãn, nên Charlie phải diễn cho tới ngày này rồi đi Californie bước vào con đường mới.

Gánh hát Karno đã mở đường cho Charlie Chaplin lên màn ảnh và cũng để lại cho chàng một vết thương lòng, do một nỗi tình đầu. Năm ấy chàng 19 tuổi, bỗng gặp một thiếu nữ trẻ đẹp, tên Hetty Kelly, cũng là một cô đào trên sân khấu. Chàng đem lòng yêu đương cô và say đắm với những mộng đẹp trong tương lai. Song Charlie tách lại nhút nhát về tình-ái. Chàng dè dặt

ngò lờn với Hetty ; trước sự rụt-rè e-lệ của chàng, nàng đã tỏ ra không thích thú và cũng bỏ qua không buồn tính chuyện tương-lai nữa.

Sau Hetty về Anh, lấy được người chồng giàu có lớn trong khi Charlie ở lại Mỹ để xây dựng sự-nghiệp.

Charlie không thể nào quên nỗi tình đầu ấy. Sau này trong những phim có tả về ái tình thì Hetty là nguồn trợ-hưng cho Charlie sáng-tạo. Chàng còn sáng tạo một bài hát để tả nỗi nhớ người đã đi rồi, với nhan đề : « Có một ai đó, không thuở nào quên ! » Năm 1921 khi Charlie trở về Anh thăm quê-hương thì nghe một tin như sét đánh ngang đầu : Hetty đã từ trần. Người đẹp, than ôi, không « hẹn trần gian thầy bạc đầu ! »

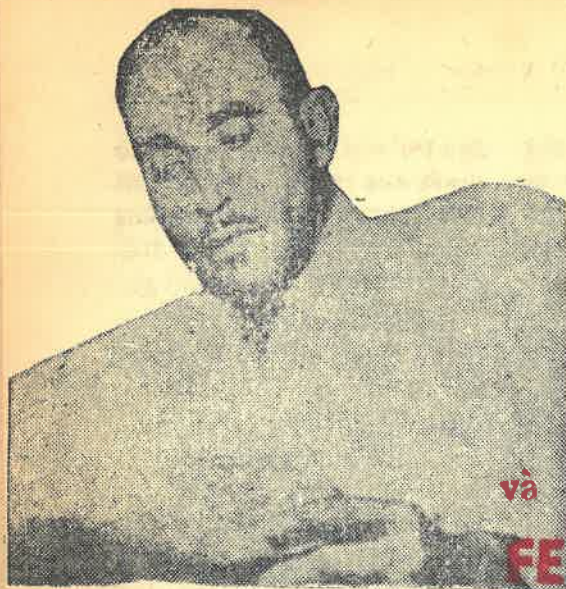
(còn nữa)



## \* MẸ NÓI KHÔNG ĐÚNG

Bé Thanh nói với mẹ :

— Ma nói không đúng tí nào cả. Ban đêm thì má nói : « con đang còn nhỏ không được thức khuya », còn sáng lại má lại nói : « con gát gì đã lớn mà còn ngủ trưa ». Thế thì con đang còn nhỏ hay đã lớn hả má ?



## CẶP VỢ CHỒNG « YÊU RÂU XANH »

MARTHA

BECK

và RAYMOND

FERNANDEZ

NĂM 1947, tại thành phố Nữu-Uớc (Hoa-kỳ) đã xảy ra vụ kết hôn kỳ lạ giữa *Raymond Fernandez*, một gã khá bảnh trai, ăn nói có duyên và *Martha Beck*, vừa mập lại vừa xấu. Từ đã lâu, *Fernandez* là một tay anh chị, chuyên nghề dụ dỗ những phụ-nữ nhẹ dạ, đề rồi chiếm đoạt cả tình lẫn tiền. Khi hắn tấn tỉnh *Martha Beck*, hắn cũng chỉ định giờ mảnh khoé cũ ra làm ăn, song hắn không ngờ *Martha* lại là một người đàn bà khác hẳn những người hắn đã gặp.

Thế rồi *Fernandez* và *Martha* cùng nhau hợp tác trong nhiều vụ cướp của giết người đề rồi cuối cùng cả hai đều leo lên ghế điện, năm 1951. Cặp vợ chồng « Yêu Râu Xanh » này đã thi tiêu tất cả bao nhiêu mạng người? Theo

### ★ VŨ-SINH

sự ước lượng của Sở Cảnh Sát Công-An Hoa-Kỳ thì ít nhất *Fernandez* và *Martha* cũng đã sát hại trên 20 người, toàn là phụ nữ nhưng trên bản cáo trạng cặp vợ chồng sát nhân này chỉ « chính thức » thủ tiêu có 4 người. Dầu sao, tính cách dã man, vô nhân-đạo, của những vụ sát hại ấy cũng đủ để gây xúc động trên toàn thế-giới...

### NẠN NHÂN ĐẦU TIÊN CỦA FERNANDEZ

*Raymond Fernandez* gốc Tây-ban Nha sinh tại quần đảo Hạ-Uy-Di ngày 17 tháng 12 năm

## CẶP VỢ CHỒNG « YÊU RÂU XANH »

1914, nhưng khi hắn được 3 tuổi, thì cha mẹ hắn tới làm ăn tại tiểu bang Connecticut. Khoảng đầu năm 1930, gia đình *Fernandez* lại trở về Tây Ban Nha và ở đó *Raymond* lấy vợ và được 4 con. Khi cuộc Đệ-Nhị Thế Chiến bùng nổ, *Fernandez* bỏ gia đình *Gibraltar* làm nghề bán cà-rem sinh sống.

Năm 1945, *Fernandez* giúp việc trên một chiếc tàu chở dầu cho quân đội Mỹ và do đó, hắn có ý-dịnh tới lập nghiệp ở Hoa-kỳ. Nhưng khi vừa bước chân xuống bến tàu *Mobile* (Alabama) *Fernandez* đã bị thộp cổ về tội ăn cắp đồ trên chiếc tàu hắn làm việc, và bị kết án tù Năm trong khám một năm, *Fernandez* được trả lại tự do vào tháng chạp năm 1946. Lập tức hắn đi Nữu-Uớc để bắt đầu cuộc đời một gã chuyên làm tiền phụ-nữ, theo đúng kế hoạch hắn đã nghiên ngầm suốt một năm trong tù.

Trong 2 năm liền, *Fernandez* giao du với khoảng 200 phụ nữ, trong số này ít nhất cũng một nửa bị hắn quyến rũ và làm tiền. Hắn đông những phụ nữ này đã trở thành nạn nhân của

*Fernandez* vì « cảm » bộ vóc khoẻ mạnh, đẹp trai của hắn. Đối với họ, *Fernandez* là một anh « caballero » (1) đầy nhựa sống, vừa thành thật lại vừa lịch-sự, nhã nhặn.

*Fernandez* bắt đầu trở thành một kẻ sát nhân, vào năm 1947, khi hắn dụ được một phụ nữ giàu có ở Nữu-Uớc, tên là *Jane Lucilla Thompson*. Bà này là một góa phụ, đã gần 50 tuổi, nhưng vì sẵn tiền, nên trông vẫn còn « bảnh » lắm. Ngày 2 tháng 10 năm 1947, *Fernandez* và góa phụ *Thompson*, đáp tàu thủy qua chơi Âu-Châu, như một cặp vợ chồng chính thức. Tất nhiên là « bà *Fernandez* » phải gánh chịu tất cả mọi sở phí trong cuộc viễn du này. Tuy nhiên, khi tới *La Linea* (Tây-Ban-Nha) thì tiền tiêu của « cặp vợ chồng » gần cạn. Thế nên, vào buổi chiều ngày 7 tháng 11, những người trợ cùng một khách sạn với *Fernandez* đều nghe thấy tiếng « vợ chồng » hắn cãi nhau dữ dội và một lát sau, *Fernandez* bỏ phòng ra đi. Sáng sớm hôm sau, khi hắn trở

(1) Thanh niên quý phái Tây-Ban-Nhu.

về khách sạn, thì người bồi phòng đã thấy góa phụ *Thompson* tắt thở từ lâu rồi. Vì có một bác-sĩ chứng nhận rằng « nạn nhân chết vì chứng đau tim » nên nhà chức trách địa phương đã đề cho *Fernandez* chôn cất « người vợ hiền » của hắn mà không nghi ngờ gì hết.

Mãi cho tới 18 tháng sau, khi cặp vợ chồng *Fernandez* — *Martha Beck* bị bắt, người ta mới mở cuộc điều tra về cái chết của góa phụ *Thompson* và được biết rằng hai ngày trước khi xảy ra tai nạn, *Fernandez* có mua một chai « mao địa hoàng tinh » (*digitalis*). Theo sự nhận xét của bác sĩ đã khám nghiệm tử thi của góa phụ *Thompson* thì có thể chất mao-địa-hoàng-tinh này đã giết chết bà.

### CUỘC HỢP TÁC GIỮA HAI KẸ SÁT NHÂN

Người Việt ta thường nói :

« Trai tứ chiếng, gái giang hồ  
Gặp nhau, xây dựng cơ đồ  
cũng nên... »

Câu này dùng để tả sự gặp gỡ giữa *Fernandez* và *Martha Beck* thì thật là đúng, chỉ khác một chút là ở chỗ « cơ đồ » của chúng lại xây dựng trên xương máu của bao người vô tội.

Sau vụ thủ tiêu góa phụ *Thompson* tại Tây-ban-Nha, *Fernandez* đáp tàu trở về Nữ-Úc và tiếp tục kiếm ăn như trước. Lần này, sự tình cờ đưa hắn tới gặp một cô gái mới 26 tuổi, chưa chồng, nhưng đã có 2 đứa con riêng. Đó là *Martha Beck*, một cô gái vừa xấu vừa mập nhưng tính nết lạ kỳ mà chỉ sau vài lần gặp gỡ *Fernandez* thấy rằng đời hắn đã gắn liền với cô gái này rồi. Tính tình hung bạo và rất cương quyết của *Martha Beck* khiến cho *Fernandez* có thể tìm thấy ở *Martha* một người bạn đường, một cộng-sự viên đắc lực trong công cuộc làm ăn của hắn. Chẳng những thế, sau này *Fernandez* còn khám phá ra rằng *Martha* còn tàn bạo hơn hắn nhiều, nghĩa là một con quỷ cái, giết người không biết ghê táy.

Trên bước đường phiêu-lưu của cặp vợ chồng sát nhân này, trước tiên họ gặp một góa phụ

trẻ đẹp mới có 21 tuổi trong miền *Pennsylvania*. Họ liền đóng vai là hai anh em, và chỉ vài ngày trò chuyện thân mật, thiếu phụ nọ đã bằng lòng kết hôn với *Fernandez*. Bộ ba liền trở về Nữ-Úc để « hưởng tuần trăng mật ». Tại đây, chưa đầy một tháng, *Fernandez* đã lấy của góa phụ trẻ tuổi nọ một chiếc xe hơi và 500 Mỹ-kim. Nhưng khi *Fernandez* buộc « người yêu » của hắn phải ký vào tờ bảo hiểm nhân thọ, thì thiếu phụ nọ nhất định từ chối. Bực mình, *Fernandez* liền tặng cho nàng một trận nhừ tử, và đe dọa đủ điều, khiến người thiếu phụ quá sợ hãi phải bỏ trốn về quê nhà.

Nạn nhân thứ hai của cặp *Fernandez* — *Martha Beck* là *Myrtle Young*, một cô gái mà *Fernandez* « kết hôn » tại *Chicago* ngày 14 tháng 8 năm 1948. Họ hưởng một cuộc « trăng mật » trong 3 ngày tại một căn nhà nhỏ, luôn luôn có « cô em gái » *Martha* ở bên cạnh. Đến ngày thứ 3 *Myrtle Young* bị đầu độc bằng một liều thuốc ma túy rất mạnh khiến nàng mê man không biết gì.

*Fernandez* và *Martha* liền đánh cắp chiếc xe hơi của cô gái nhẹ dạ và một chiếc bóp trong có 4000 Mỹ-kim, rồi đưa nàng lên một chiếc xe đồ chạy về miền *Arkansas*. Khi tới nơi *Myrtle Young* té xiu trên xe và thở hơi cuối cùng trước khi tới bệnh viện. Bác sĩ khám nghiệm chứng nhận rằng nạn nhân đã bị chết vì « đứt mạch máu trong óc và sưng gan ». Nhà chức trách *Arkansas* cũng không mở cuộc điều tra nào, cho mãi tới khi cặp *Fernandez* — *Martha Beck* bị bắt về những tội khác.

Dùng chiếc xe hơi của *Myrtle Young*, cặp vợ chồng « Yêu Râu Xanh » trở lại Nữ-Úc, và trên đường về, đã ghé qua 8 thị trấn để tìm thêm nạn nhân mới, trong số những người đã có trao đổi thư từ với *Fernandez* qua mục « Tìm Bạn » trên các báo, nhưng gặp vận rủi nên không có món nào làm ăn được. Cho mãi tới gần hết năm 1948, khi những món tiền kiếm được từ trước đã sắp cạn, cặp *Fernandez* — *Martha Beck* đành phải chọn *Janet Fay*, một bà lão đã 66 tuổi ở *Albany* làm nạn nhân. Bà này tuổi đã cao nhưng vẫn

còn muốn lấy chồng, nên vui mừng được thấy *Fernandez* cùng mình gả nghĩa trăm năm. Sau khi nhận lời đính ước, bộ bà lại quay về Nữ-Úc để sửa soạn lễ cưới. Bà lão *Fay* liền rút hết tiền gửi ở Ngân hàng ra, được 6 000 Mỹ-kim để chi tiêu trong « tuần trăng mật ». Nhưng ngay đêm đó, khi nghỉ lại *Long Island*, bà *Fay* đã bị *Martha Beck* dùng một cái búa giết chết. Sáng hôm sau, *Fernandez* về Nữ-Úc mua một cái rương lớn và mượn một căn nhà có hầm ở khu ngoại ô *Ozone Park*. Xác bà lão được bỏ vào rương rồi đem chôn dưới hầm nhà. Ở phía trên, *Fernandez* dùng si măng chất kín, thế là không ai còn nghi ngờ chi nữa.

### LƯỚI TRỜI THỪA NHƯNG KHÓ THOÁT

Sau khi ăn tiêu vung phí hết số tiền 6 000 Mỹ-kim của bà *Fay*, cặp *Fernandez - Martha* đi *Michigan* « thăm » nạn nhân thứ tư là bà *Delphine Downing*, một góa phụ 40 tuổi, có một đứa con gái mới 2 tuổi.

Bà *Downing* cũng bằng lòng kết hôn với *Fernandez* ở Nữ-Úc và cũng theo lời đề nghị của « vợ hôn phu » bà rút hết tiền gửi ở ngân hàng để đem chi tiêu cho tiện. Bất thần bà *Downing* khám phá ra rằng bộ tóc đẹp của *Fernandez* chỉ là tóc giả nên thất vọng cáo bệnh vào giường nằm.

Thấy thế, *Martha Beck*, vẫn đóng vai cô em gái hiền lành của *Fernandez* liền tới an ủi dỗ dành và cho bà *Downing* uống vài viên thuốc ngủ để cho quên nỗi bức tức. Nhưng *Martha* đã cố ý cho uống quá liều thành ra bà *Downing* ngủ say như chết. *Fernandez* dùng khẩu súng lục của chồng bà *Downing* hạ sát luôn bà này, còn đứa con gái 2 tuổi thì *Martha Beck* đem trần nước cho chết. Sau đó, cả hai xác chết của mẹ con bà *Downing* được đem chôn dưới hầm nhà, phía trên cũng chất xi-măng thật kín.

Bọn sát nhân phao tin là mẹ con bà *Downing* có việc gấp phải đi xa nên bọn chúng mượn nhà, song bà con lối xóm không tin và mật báo cho nhà chức trách biết. Khi các nhân



*Martha Beck*

xử tử hai tên sát nhân, song pháp luật ở tiểu bang *Michigan* không đủ liệu án tử hình nên chúng được trao lại cho tiểu bang Nữ Úc để xử chúng về tội thủ tiêu bà *Janet Fay*.

Vụ án *Raymond Fernandez - Martha Beck* kéo dài mãi tới ngày 8 tháng 3 năm 1951, cặp vợ chồng « Yêu Râu Xanh » này mới phải lên ghế điện đền tội tại Nữ-Úc.

Trước khi chết, cả hai đều tỏ ra hết sức bình tĩnh. *Fernandez* còn kéo lại nếp quần cho thẳng trước khi ngồi vào ghế điện, theo thói quen của một gã « phong nhã hào hoa », còn *Martha Beck* vừa thu gọn tấm thân bở tượng của mẹ cho lọt vào ghế điện, vừa cất tiếng hát bài « *My heart cries for you* ». (1) là một điệu hát rất thịnh hành hồi bấy giờ.

VŨ-SINH

(1) « *Tim em thồn thốc đời anh.* »

Hơi dầm mây trôi sát mặt gềnh  
 Đây, ta trở hộ lối về kinh :  
 ... Rồi băng qua dãy Hoàn-Sơn ấy,  
 Đổ trước nhà ta, dưới cò-thành.  
 Hỏi thăm chốn ấy một người đi  
 Đã ngót mười năm, mấy nhiệm kỳ ? !  
 Cả một phương trời trong cánh cửa.  
 Thêm ngày thêm nặng nỗi ưu, bi !  
 Nhớ chẳng lời hẹn có « bá thu »,  
 Mà chín vòng xuân vẫn mịt mù.  
 Rồi đến hôm qua trời đổ lệ ;  
 Vô tình, có kẻ đếm... mười thu !  
 Muốn biết người đi đến những đâu  
 Có tiên hay tục, đẹp hay sâu ?  
 Có đoàn mây bạc đưa cò trắng ?  
 Có lệ lưu-tình cách dặm dâu ?  
 Có ngàn sao rụng kết lâu hoa ?  
 Có quả đời xanh, dặng liễu già ?  
 Có mảnh tiên thề trên suối ngọc ?  
 Có nàng giặt lụa dưới thôn La ?...  
 Có gì giữ chặt bước chân ai  
 Dề một đời hoa ủ hận dài ? !  
 Dưới thác trên gềnh trong tổ lạnh  
 Với đàn chim nhỏ thiếu ngày mai !  
 Vì chẳng lòng chẳng sá thể nhi.  
 Thì kiếp hồng-nhan có tội gì ?  
 Sóng gió ai gieo mình phải gặt,  
 Đời hoa đâu đã lỗi-lầm chi ? !

★  
 Bực mình, oán cả bước sang ngang,  
 Oán cả ngày xanh, cả mộng vàng.  
 Oán quả tim lành trơ chẳng động.  
 Oán bề đức-hạnh, oán đoan-trang !  
 Ước chi tôi xé sổ thiên-tào  
 Cho cõi nhân-hoàn lệ khỏi hao !  
 Dem ấn phong hầu treo cổ ngựa,  
 Cho hồn khuê-phụ thỏa chiêm bao !  
 Phải chăng nghìn vạn kiếp sanh-linh  
 Hằng vẫn chung nhau một khổ-hình...  
 — Hay chỉ trang này ghi nét hận  
 Bời câu « tài mệnh » của nhân-sinh ! ? ?

Sông là cầu sông

★ CHIM-HOÀNG (Saigon, 1-8-62)



(Tiếp theo P.T. số 88)

★ NGUYỄN-VỸ

T UỞNG cần nhắc lại rằng, trong lúc nhiều phần-tử trí thức Nho-học, lẫn Tây-học, ở Bắc, Trung, Nam, vẫn tiếp-tục hoạt động cách mạng bí-mật, hô - hào Nhân - quyền Dân-quyền, cổ-xúy Tự-do, Độc-lập, thì trái lại, thể-hệ thanh thiều-niên 1920-1924 hầu như hoàn toàn lãnh đạm, chỉ ham mê học hành, tranh đua trên đường công danh sự nghiệp mà thôi. Tâm-trạng ấy không phải là không có nguyên-nhân. Một là vì chưa có điều kiện phát-huy tư-tưởng ái-quốc, hai là chưa có một mảnh lục nào đủ uy tín để giác-ngộ tinh-thần quốc-gia chủng-tộc của bạn trẻ. Và lại, phải nhìn nhận rằng thời bây giờ người ta chưa

chú trọng đến thanh-niên cho lắm.

Các sách báo cầm ở Hải-ngoại gửi về lén-lút do các đường tàu thủy, chỉ được lưu hành trong các tầng lớp trung lưu trí-thức, nhất là trong giáo-giới và một số ít công tư chức có tư-tưởng độc-lập.

Một vài tờ báo lọt đến tay các bạn thanh niên, là một việc hi-hữu và trong những trường-hợp vô cùng dè-dặt và thận trọng. Chưa có một phong trào chính-trị, hoặc xã hội để kích-thích tuổi trẻ, tuổi trẻ bông bột, hăng hái, mà một việc tức giận nho-nhỏ cũng có thể nổ bùng lên thành một việc to lớn.

Một vụ « xung đột » sôi-nổi

như sau đây, giữa học-trò và một bọn « Các chú » (1) trong thành phố, là một vụ điển-hình biểu-hiệu tinh-thần chủng-tộc tiếm-tàng trong đám thanh-thiếu-niên thời bấy giờ.

Sau một kỳ nghỉ Hè, học sinh tập nập đến các tiệm « các chú » mua giày, bút, mực, v.v... Hầu hết các tiệm buôn lớn có đủ dụng-cụ học-sinh, cũng như các tạp-hóa khác, đều là của « khách trú », người Việt ít vốn chỉ buôn bán nhỏ thôi. Vì thế, có vài tiệm Các-Chú thường hách-dịch với khách hàng, và hay ăn-hiếp học-sinh. Một em bé lớp tiểu học, độ 10 tuổi, đến tiệm « Diêu-Ký » mua hai cuốn vở 100 trang. Người « Các-chú » ó lẽ vì đông khách nên vội vàng lấy trao cho em hai quyển vở 50 trang. Em khờ-khạo không xem kỹ, nhưng về nhà cha mẹ thấy sự lầm lẫn, liền bảo con đến tiệm đổi lại. Người « các-chú » không đổi, lại còn la-mắng cậu học-trò. Đứa con nít sợ về nhà sẽ bị cha mẹ đánh, nên nhất định đòi cho được vở 100 trang, vì quả thật nó đã trả tiền theo giá vở 100 trang. Người Các-chú

mắng nó là « ăn gian », và đánh nó một bạt tay. Nó khóc thét lên. Vài cậu học-trò lớn chứng kiến sự cộc-cằn hỗn-lão của người Hoa-kiều, lên tiếng bình vực đứa con nít, liền bị tụi « Các chú » chửi : « *Người A-lam ăn cắp à !* ». Chỉ một buổi chiều, câu nói vô-ý-thức kia đã truyền miệng đi khắp hết các đám học sinh trong thành phố. Thế rồi, do một nhóm ba bốn người học trò lớn xúi dục, 7 giờ tối đêm hôm ấy, trên 500 học trò cầm đá, và củi, kéo đến ném tung các món ấy vào trong tiệm Diêu-Ký, làm bẽ hết các tủ hàng và gây thương-tích cho tất cả trên 10 người Các-chú và á-xâm trong tiệm.

Tuần-em cũng có dự vào cuộc « ba-ga » này. Năm giờ chiều nó đang chơi bắt còng ngoài bãi biển, bỗng có một đứa bạn đi xe đạp ngang qua, bảo nó : « *Mày thằng Các-chú ở tiệm Diêu Ký chửi An Nam là dân ăn cắp, tối nay tụi mình cầm củi và đá đi đánh*

(1) Tiếng thông-dụng, để gọi Hoa-Kiều, cũng gọi là « Khách Trú ».

cho chết cha tụi nó, mày đi không?» Tuần đang chơi, tức giận chạy về nhà trọ. Dọc đường, nó hốt hai ba chục viên đá xám của Sở Lục-Lộ dùng để lót đường, bỏ đầy nhóc hai túi áo cụt. Nó ra sau nhà bệp lấy ba thanh củi thật to, đem để sẵn dưới bàn học với đồng đá của nó. Bà chủ nhà trọ thấy thái độ khả nghi của Tuần, hỏi : « *Trò Tuần làm chi mà lấy củi và đá bỏ một đồng rữa ?* » Tuần nói rõ cho Cô chủ nghe, và tỏ vẻ tức giận mấy người khách-trú lắm. Cô Chủ rầy-la Tuần, nhưng chông cô, thấy Thông Kho-bạc, bảo : « *Học trò, họ muốn đánh lộn với các-chú thì mặc họ, can-cớ chi đến mình mà mình ngăn cản hi ?* » Trong thâm tâm, thấy Bửu Vinh cũng tán thành cuộc đá kịch kẻ ngoại-kiểu dám xấc-xược với người « An-nam », tuy Thấy không phải học trò nên không tham-gia.

Còn bọn học-trò, thì bảo truyền miệng với nhau, chứ sự thật không có trò nào dám ra mặt chỉ-huy trận « chiến tranh đá » này và không ai

nghĩ đến hậu quả. Chỉ lo trả thù câu chửi-rủa hỗn-lão của mấy người khách-trú ở tiệm Diêu Ký, thế thôi. Chỉ nghĩ đến việc ném đá và quăng củi vào tiệm, cho « chết cha tụi nó », để hả cơn tức vì câu « *người A-lam ăn cắp* », thế thôi. Có thể gọi đó là sự bộc lộ « tinh thần dân-tộc », nhưng thật ra thì chỉ là sự bộc-lộ cá-tính bông-bột tự-nhiên của tuổi trẻ, chứ chưa phải là một cuộc « biểu tình » có tổ chức, có kẻ chỉ-huy, vì không có ai chỉ huy cả. Trò Tuần, cũng như mấy trò khác, chạy đi đến các nhà trọ có bạn bè trú ngụ, kể chuyện mấy người khách-trú đánh đứa học trò nhỏ lúc 12 giờ trưa, rồi rú 7 giờ tối đi ném đá. Trong số 400 học trò của nhà trường, có độ 100 trò không dám làm việc ấy, còn thì trò nào cũng tức tốc chạy đi kiếm đá, để dành đến 7 giờ tối quăng vào tiệm Diêu-Ký cho hả cơn giận.

Chưa đúng 7 giờ, Tuần cầm ba thanh củi và bỏ đầy đá xám trong hai túi áo cụt, đi tới tiệm Diêu-Ký, ngay trước cổng chùa Quảng-Đông, thì đã

thầy có sáu bảy chục học trò tụ-hội nơi đây rồi. Một trò tự động đầu tiên ném vào tiệm hai ba cục đá to bằng trái cà, và hai thanh củi. Mấy trò khác bắt chước ném theo, đá và củi bay tới-tấp vào tiệm Diêu-Ký như mưa, rồi tất cả đều bỏ chạy. Tuấn ném sau cùng trong lúc trong tiệm tụi « Khách-trú » chạy ra rất đông, cầm củi và dao, quyết trả thù lại. Tuấn bỏ chạy trong lúc một bọn học trò khác từ ngoài bờ sông kéo vào tiếp tục xung kích vào mục phiêu « địch ». Dần dần bọn học-trò càng đông, tụi đã chạy rồi còn quay trở lại nữa với các cục đá và các cây củi xin ở các nhà Việt-Nam kê cận. Cuộc loạn-đá kéo dài cho đến 10 giờ. Đến 11, 12 giờ, tiệm đã đóng cửa mà thỉnh thoảng cũng còn những cục đá to-trưởng ném chan chát vào hai cánh cửa, và trên mái ngói.

« Cảnh-sát » ở đâu ? Cả thành phố to lớn như thế chỉ có 6 người « *Lính phú-lít* » (2) toàn là người Việt cả, họ thay phiên nhau 3 người ở sở để

hầu-hạ « Ông Cò » người Pháp, và túc trực ở văn phòng. Còn 3 người đi uống rượu, đánh bạc, chơi gái điếm. Bị học-trò đánh, và đánh nhau với học trò, mấy người « khách trú » không dám đi thưa nơi « Bót phú-lít », vì ban đêm họ không dám đèn phá rầy quan Tây. Mãi 8 giờ sáng hôm sau, chủ tiệm Diêu Ký cùng cả gia đình Hoa-Kiều trên 10 người bị u đầu, lở trán, chảy máu mắt, sưng mắt, sưng mũi, gãy răng, rách áo, rách quần, kéo đến sở Cò. Họ còn khệ-nệ bưng theo bốn chai rượu chát đỏ, một bịch thuốc Méliá và hai chục hộp sữa Nestlé để « kính quan lớn », nhờ quan lớn xử giùm, mong « đèn trời soi sáng » cho họ được nhờ vì họ bị bọn « Học-trò Nhà-nước » đánh phá tan-hoang hết cửa tiệm.

Ông Cò nhận các đồ lễ, rồi điem-nhiên bảo họ cứ đi về buôn bán, ôn sẽ xử cho. Tất cả đều cúi khòm lưng vái chào cảm ơn Quan-lớn. Ông Cò

(2) Police.

làm bản « tường trình » đem lên ông Sứ (chính thức gọi là quan Công Sứ). Ông Sứ chuyên giầy sang ông Đốc-học, cũng người Pháp.

Ông Đốc cho gọi vài cậu học trò lớn lên phòng giầy, để hỏi về vụ đánh Các chú đem vừa qua. Các trò đồng-thành trả lời :

— Monsieur le Directeur, Ces Chinois, sont des Voleurs. (Thưa ông Đốc, mấy người Hoa-Kiều ấy là bọn ăn cắp). Ils volent les élèves (chúng nó cướp tiền của học-trò).

Ông Đốc cũng tường trình lên ông Sứ :

— Monsieur le Résident, les Chinois sont des voleurs. Ils volent mes élèves.

(Thưa quan Công sứ, tụi Hoa-Kiều là ăn cắp. Chúng nó cướp tiền học trò của tôi).

Bây hôm sau, ông Cò gọi « trát » đòi chủ tiệm Diêu-Ký lên hầu. Ông chỉ thân ái khuyên bảo người Hoa-Kiều :

— Từ nay không nên ăn cướp tiền của học-trò. Chúng nó sẽ không phá phách cửa tiệm của mấy nữa đâu (3).

Quả thật, vụ « chiến tranh đá và củi » năm 1924 không tái-diễn nữa.

Sau vụ này, Tuấn-em sung sướng khoe với các bạn là nó đã ném một cục đá trúng kêu cái « đốp ! » vào đầu một chị Xâm, tại chị nẩy đứng trước cửa xăng quán lên đèn đầu gôi, chứ lữ học trò : « Mẹ tổ cha mày đứ đả học tờ An-lam à ! »

Ngoài vụ đánh phá tiệm Diêu-Ký, bình-nhật « học trò An-nam » vẫn hiện lành như đất cục, ngày tháng chăm chỉ học hành.

Thiếu số dăm bảy cậu thỉnh thoảng được đọc báo *Việt-Nam hồn* và *Le Paria*, cũng không được đọc thường xuyên, và không dám nói lại cho nhiều người nghe những bài văn bài thơ kinh thiên động địa mà các cậu đã được đọc, từ nghìn xa lên lút trao về.

Nhưng đó là những món ăn tinh-thần nghiền-ngẫm mãi, thâm nhuần trong đầu óc, bổ dưỡng cho suy tư, để rồi có cơ hội thuận tiện là bộc-phát lên như dậy men, như bưng lửa, như sôi máu sôi gan...

(còn nữa)

(3) Người Pháp thời bấy giờ vẫn khinh-khi người Hoa-Kiều, và gọi họ bằng « mấy ». Ít khi họ gọi bằng « anh », hay « ông ».

## Thu về thăm quê

★ LỆ-THUY (1-8-62)

Gặp dịp về thăm lại cố hương,  
Nước non cách trở chạnh trăm đường.  
Con đò Bến-Ngự chèo lơ-lửng  
Cỏ gát Đông-ba bước nồn nường.  
Cảnh vật vào thu buồn thế sự,  
Lâu dài trong khói khóc tang thương.  
Bài thơ chiếc nón ai để lặng...  
Có phải dành cho khách viễn-phương.

### ● *Họa nguyên văn*

Lâu ngày gặp lại bạn Sông Hương,  
Cảnh cũ tình xưa vạn nẻo đường!  
An-định sân châu đầy cỏ dại,  
Đông-Ba, đò dọc vắng cỏ nường.  
Đạo chơi phường-phổ người quen lạ,  
Nghĩ chuyện gần xa nỗi nhớ thương.  
Thu sắc trông ra màu âm-đậm,  
Chạnh lòng hoài cổ khách tha phương.

★ An-Đình **TRẦN-KINH**  
(Huế)

Trở lại quê nhà chốn Ngự Hương  
Nghe chạnh giọng hát ở bên đường ?  
Câu về Cự Mới còn tươi tiếng,  
Điệu lý Cô Nhơn dấu vắng nường.  
Chuyện cũ nhứt giang mà lưỡng quốc,  
Lòng riêng trăm nhớ lại nghìn thương.  
Hỏi chi chiếc nón bài thơ ấy,  
Bạn-bộ anh-hùng chỉ bốn phương.

★ **QUỖ-ƯU** (Huế)



## ANH.— NỮ TẶC TÓC VÀNG

Thật, không ai có thể ngờ rằng một thiếu phụ chừng 30 cái xuân xanh, đẹp đẽ, sang trọng, giàu có lại thêm một bộ tóc vàng óng ánh rất là... quý phái, thường giao du với những nhân vật trong xã-hội thượng lưu của Thủ-đô Luân-đôn lại chính là một nữ tặc đa mưu túc-trí, cầm đầu một bọn cướp ghê gớm.

Vừa rồi nữ chúa đảng ấy đã dùng mưu rất cao để đánh-cướp một chuyến xe lửa có chở 6 bao đựng 500.000 quan mới (lỗi 17 triệu bạc VN) nhưng thất bại vì sở Trinh Thám danh tiếng của Anh là Scotland Yard đã khám phá kịp thời.

Mưu lược của nữ chúa đảng là dùng một bầy ong do hai tên đồng đảng mang theo. Khi chúng vào được toa xe chở thư của đoàn xe lửa thì sẽ thả bầy ong ra đốt 2 người lính áp tải và bọn cướp sẽ thông dong ăn hàng một cách êm ru, không ồn ào, không một tiếng súng nổ và không một giọt máu đổ.

Vụ này chẳng phải chỉ là một vụ dùng mưu mà đã có nhiều vụ trước rồi.

Có một lần, một tên cướp giả làm người bệnh ngồi



trên một chiếc xe do một tên đồng bọn giả dạng y-tá đẩy đến toa xe thờ. Hai tên lính gát đã không nghi nan gì lại còn giúp tay kéo hộ chiếc xe chở bệnh nhân lên đờ rời bị... cả bệnh nhơn và y tá trối gờ hai chàng lại, nằm một đống đờ nhìn họ lấy của.

Lần khác, chúng lại giả làm phu khuân vác của nhà ga và cũng cướp êm ru.

Nữ tặc tóc vàng và đấng của y chuyên môn làm ăn trên con đường hỏa xa Luân-đôn đi Bray-ton và mỗi vụ cướp đều dùng một mưu lược khác nhau. Tổng cộng, số tiền cướp được lên tới 1 triệu quan mới (15 triệu bạc VN).

Ngán thật! và ai còn gọi đàn bà là phái yếu và kém mưu trí hơn đàn ông?

## PHÁP.— ĐƯỜNG HẦM XUYÊN NÚI DÀI, NHỨT THẾ GIỚI

Dân chúng Việt-Nam ta rất quen thuộc với hình ảnh « Hòn

núi » in trên nhãn hiệu của những hộp sữa mà ta thường gọi là « Sữa Hòn núi » bán khắp nơi tại đây. Hòn núi ấy là hòn « Mont Blanc » (dịch nôm là Núi Trắng) một hòn núi danh tiếng nhất của Pháp, quanh năm tuyết phủ trên đỉnh trắng xóa giống như núi Phú-sĩ (Fouji) của Nhật vậy.

Núi này nằm trong giải Liên-sơn dùng làm ranh giới giữa nước Pháp và nước Ý, và chính con đường hầm dài nhất thế giới đã được đào xuyên qua đờ tránh sự « mỗi gối chồn chân » cho khách du hành.

Con đường hầm này dài 11kms 200 và do Chánh phủ Pháp và Chánh-phủ Ý cùng chịu chung phí tổn.

Hai « kíp » thợ đào hầm Ý và Pháp, bên này đào qua bên kia đào lại và đã gặp nhau sau khi bức thành đá cuối cùng ở giữa được làm nổ tung ra bằng cốt mìn. Hai kíp thợ đã bắt tay nhau ở nơi giáp múi này và hai đại-diện chánh phủ Ý, Pháp cũng đã trao cờ cho nhau trong một buổi lễ long trọng.

Tuy đường hầm đã thông rồi

nhưng cũng phải 1 năm nữa mới hoàn tất và mở cho công chúng dùng.

Đường hầm này là con đường gần nhất nối liền Kinh-đô Ba-Lê của Pháp và La-Mã của Ý.

## HẾT LÊN TRỜI LAI MUỐN... XUỐNG ĐẤT

Trong khi có người đang kiếm hết cách đờ càng ngày càng lên được thật cao thì cũng có người ngược lại, càng ngày càng muốn chui sâu xuống đất. Đó chính là trường hợp của anh chàng Michel Siffre, 23 tuổi, một nhà « động huyệt-học » (spéléologue) trẻ tuổi của Pháp.

Anh này, một mình, xuống một cái hố sâu 130 thước, sống trong một khí hậu gần không độ (0o) độ nước đông và tỷ-lệ ẩm thấp 100%.

Anh ta chỉ đem 2 tấn vật dụng và thức ăn, một máy điện-thoại, một máy ra-đô và căn dặn với mọi người rằng chỉ sau Tám tuần lễ (56 ngày) mới được liên lạc với anh ta mà thôi.

Cuộc mạo hiểm này do Cao-

ủy phủ Thanh-niên và Thờ-thảo Pháp bảo-trợ và có mục đích thử sức chịu đựng của con người về phương diện tâm-lý và sinh-lý.

Nhà « động huyệt học » trẻ tuổi này tuyên bố : « tôi sẽ nhân cơ hội này đờ khảo sát các con sông và các loại đá ngầm dưới đất. Tôi sẽ không đem theo đồng hồ tay, đồng hồ báo thức hay là máy móc đờ đo đạc gì cả đờ cố gắng mất hẳn ý thức sinh sống thường ngày thử xem sao ».

Anh chàng này sống bên ta chắc thế nào cũng có người cho là « đờ điên » chứ chẳng chơi, vì có ai lại chui tuột xuống dưới 130 thước trong lòng đất mà ở gần 2 tháng trời; không cho ai hỏi thăm nom mình cả.

Thử hỏi bên ta cái « hang âm phủ » ở Ngũ hành sơn (Đà-nẵng) coi bộ cũng sâu chừng 50 thước mà đã có ai dám xuống chưa, huống hồ 130 thước, lạnh như nước đá, tối như mực lại xuống đó mà chơi thì họa chẳng không « điên » cũng « tặc tặc » như người phương Tây thường nói.

## NHẬT.— VƯỢT THÁI BÌNH DƯƠNG

Tướng bên phương Tây có anh chàng điên, té ra bên phương Đông cũng lại có một anh chàng điên nữa.

Anh chàng này cũng 23 tuổi, tên là Kanichu Horie, một mình với một chiếc thuyền buồm còn con 6 thước lại dám vượt Thái-bình-dương đề... sang Mỹ chơi một chuyến cho vui.

Chiếc thuyền này được đặt tên là Mermaid (tiếng Anh nghĩa là « Nư nữ ». Theo chuyện thần thoại, nư-nữ là những người con gái rất xinh đẹp, mặt người hình cá thường nổi lên mặt biển để quyến rũ những người thủy-thủ, tiếng Pháp gọi là Sirène).

Khi Horie ra đi từ Osaka ngày 12 tháng 5, Chánh phủ Nhật đã từ khước không cấp giấy thông hành để làm cho anh ta nản chí, bỏ cái óc điên rồ ấy đi nhưng anh ta cũng thầy kệ... kéo buồm dong ruổi không hề gio dập sóng dồn...

Trên chiếc thuyền buồm bé tí teo như cái vỏ ốc giữa đại-dương ấy lại chẳng có máy vô-tuyến-điện, chẳng có động-cơ phụ lực gì ráo, chỉ vòn vện có cái buồm không mà thôi. Vặt thực chỉ có một ít gạo, la-ve và rượu xa-kê (saké).

Suốt ba tháng trời, biệt vô âm tín, ai cũng tưởng rằng anh ta đã làm mồi cho cá mập rồi, nhưng vừa rồi.. chiếc thuyền buồm tí-teo ấy lại thấy lơ lửng vào vịnh Cựu-kim-Son, trước sự ngạc nhiên của mọi người.

Anh Kanichu Horie tươi cười đem mấy chai rượu Saké còn lại, đãi mọi người xung quanh bu lại hỏi han. Những sĩ-quan của sở tuần phòng duyên hải tỏ vẻ rất thán phục anh ta, khen rằng « Anh là một nhà hàng hải số dách » và nói cho mọi người biết rằng, đề vượt một đại dương mênh mông, anh chàng Nhật-bản này chỉ dùng có một cái giác-kế (goniometre) tí teo, một địa bàn (boussole) và một « kính lực phân » (sextant) mà thôi.

Kề ra anh chàng Nhật này cũng vào hạng điên như cái anh chàng Pháp nọ... hay là nếu không muốn dùng chữ « điên » thì cũng thuộc vào cái hạng tuổi 23 máu nóng... và lúc máu đã nóng tức là... khùng, và khùng với điên cũng không khác nhau là mấy !

## BẮC-MỸ.— OHIO : TRẠM KHÔNG GIAN

Đề chuẩn bị cho việc đi « du ngoạn » Cung Trăng sau này cần phải mất nhiều thời giờ mới đi đến nơi, một hãng chế tạo lớp xe hơi vừa trình cho Ủy-ban nghiên cứu kỹ thuật phi hành không gian, mẫu một cái lớp xe không lồ bằng cao su có thể bồm lên và thả trong quỹ đạo trái đất để làm trạm nghỉ ngơi cho các phi hành gia sau này trên con đường không gian lên mặt Trăng.

Trong lòng cái lớp ấy có phòng nghỉ ngơi và thực-phẩm.

Thời khoa học tân tiến cũng thú thật. Sau này chúng ta lên Cung Trăng nghỉ mát chơi

sẽ ghé lại mấy cái trạm ấy cũng giống như ngày nay, chúng ta thường ghé lại ăn uống ở mấy cái quán bên đường ở Định-quán hay Blao trên con đường Sài-gon — Đalat vậy đó.

## ORLEANSVILLE.— PHÁP BẮT VỊ THÂN

Một ông quan tòa thành phố này lái xe nhà đi qua một ngã tư. Vì ham lo nghĩ gì đó, ông ta quên nhìn đèn đỏ và cứ rồ ga chạy thẳng. Sực nhớ lại, ông ta biết lỗi và ghé qua Tòa án, lập ngay một biên bản vi phạm luật đi đường cho... chính ông ta.

Tình cờ, phiên tòa hôm sau lại chính là phiên tòa do ông ta ngồi ghế Chánh-án. Ông điềm nhiên tự kêu án lấy mình và tự kết tội... mình, bắt phải phạt 15 đô-la tiền vạ.

Ờ, thế mới gọi là con người « cầm cân nảy mực » và mới đúng với ý nghĩa cao quý của câu « Pháp bắt vị thân » chứ !

TIẾNG SÁO

ĐÊM KHUYA

★ NGUYỄN VỸ

Tiếng sáo vi-vu đâu đó ?  
Đêm khuya vắng-vắng gần xa.  
Tiếng sáo đìu-hiu trong gió,  
Ni-non khúc hận tình ca !

Tiếng sáo vi-vu đêm thu.  
Nào-nàng thê-lương chi bấy !  
Tiếng sáo êm-ru, âm-u,  
Lòng ta đê-mê, tê-tái...

Người thổi áo ơi, ai đấy ?  
Đêm khuya gió lặn, trăng tà,  
Bã-khoăn bao niềm ân-ái,  
Nhớ-nhưng man-mác người xa !

Mười thương, tơ vương mịt-mù,  
Hèn vương sầu thương đêm thu.  
Ôi tiếng sáo buồn ai-oán  
Dệt chi khắp trời hoang-vu ?

Đêm khuya, gió lặn, trăng tà,  
Ôi tiếng lòng ai xót-xa,  
Ôi tiếng sáo buồn lai-láng  
Roi trong thăm-thăm lòng ta !

Người thổi áo ơi ! Im tiếng !  
Đêm khuya, gió lặn, trăng tà,  
Dệt chi một sầu lưu-luyến  
Dặng cùng non nước bao la ?...

Người thổi sáo ơi ! Im tiếng !  
Không nghe giọt lệ đêm thu ?  
Reo chi những lời xao-xuyến ?  
Khóc chi những tiếng vi-vu ?...

the fife in a  
moonlit midnight

Whence soars that thrilling fife ?  
It pervades the dead night  
With melancholy rife  
Beamed from one lovelorn wight !  
It wails through Autumn's dark  
Wonder, its tune sounds rüm...  
I can no longer hark ;  
Mine heart sinks in humdrum !..

O fifer, who are you ?  
Forlorn amidst this gloom,  
You're seeking some luck clew  
To your gallant doom !

Throughout this tear-valley  
Expands a foggy maze.  
With Autumn's night dreary,  
Fife, don't vent out your lays ?

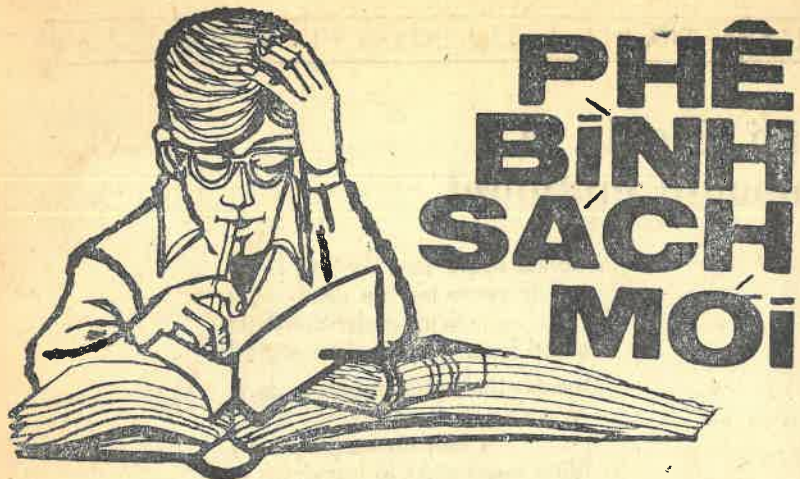
In this tranquil moonset  
Someone's moans glide o'er there :  
Your real mawkish outlet  
Drifts into mine heart's care !

Fifer, prithee ! Silence !  
As this calm moon-night wanes,  
Why scatter, in cadence,  
This flow of griefs and pains ?

Fifer, prithee ! Down close !  
Heed those Autumn's dire throbs !  
Why your stirring tale sows.  
Why always lavish sobs.

★ ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

○ Ông Đặng-công-Thắng đã tốt-nghiệp trường International  
Correspondence Schools, Huế-kỳ, niên khóa 1928, hiện là giáo-sư  
Anh-ngữ ở Sài-gòn.



## *vaste recueil de légendes merveilleuses*

tức là « **Truyện Kỳ Mạn Lục** »  
của **NGUYỄN-DŨ**  
do **Bác-sĩ NGUYỄN-TRẦN-HUÂN** (Paris)  
dịch ra Pháp-văn

★ **NGUYỄN-VỸ**

*Loại sách **Connaissance  
de l'Orient**—U.N.E.S.C.O.  
Nhà xuất-bản Gallimard  
Paris 1962*

**V**ÀI ba tác-giả cổ-diễn trong Văn-học-Sử Việt-nam đã được dịch ra ngoại-ngữ, đều là những nhà Thơ ở Thế-kỷ XIX. Được dịch nhiều nhất từ trước đến nay là *Chinh phụ ngâm*, *Kim-vân-Kiều*, và *Lục-vân-Tiên*. Có lẽ các

dịch-giả Việt cũng như Pháp nhận thấy rằng văn-chương và tư-tưởng của Thế-kỷ XIX gần gũi với Thế-kỷ XX hơn, và ở giai-đoạn tiến-triển mạnh-mẽ và phồn-thịnh ấy, không còn tác-phẩm nào có thể tiêu-biểu

cho Văn-học Việt-nam hơn ba quyền trên kia.

Giờ đây là lần đầu-tiên một học-giả Việt-Nam, và cũng là một danh-y-sĩ, hiện đang sống ở Paris, Bác-sĩ **Nguyễn-trần-Huân**, đã có sáng-kiến rất hay là giới-thiệu với công-chúng quốc-tế một nhà văn Việt-nam ở Thế-kỷ XVI, với tác-phẩm độc-nhất của người, và cũng là một kiệt-tác của Văn-chương Trung-cô.

Mà nhà Văn nào thế!— Một kẻ vô-danh dạ lừng-lẫy tiếng-tâm, một viên quan bé-nhỏ đời Mạc-Lê mà tên tuổi đã mai-một lâu ngày và nay không được mấy người Việt-nam biết đến, đọc đến! **Nguyễn-Dữ**, người học-trò của Nguyễn-bình-Khiêm, đã không phải là con người biết tùy-thời, không chạy theo danh-vọng, không nịnh bợ quyền thế, — không sợ uy-vũ của bạo-quyền, — mà tác-phẩm của ông, **Truyện-kỳ Mạn-lục**, lại còn có dụng-ý chống đối Triều-đình mục-nát, răn-he kẻ kiêu căng dai-dột, khuyên bảo người theo đạo-lý quang-minh. Cho nên sách ông đã được giới quan-liêu

đương thời ca-tụng.

Nhưng thật đáng khen-ngợi Bác-sĩ Nguyễn-trần-Huân đã đem ra ánh-sáng một nhà tư-tưởng cổ-cựu của Việt-Nam mà chính người Việt-Nam đã bỏ quên trong bóng tối trên bốn trăm năm!

Dịch bộ **Truyện Kỳ mạn Lục** ra Pháp văn cho Tổ-chức Giáo-dục Khoa-học Văn-hóa quốc tế (**UNESCO**), Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân không những muốn phổ-biến hai chục mẫu truyện ngắn linh động, gom thành bộ **Truyện Kỳ Mạn Lục** của Nguyễn-Dữ.— những truyện huyền-ảo lẫn với thực-tế đương thời, bi-thảm lẫn với huyền-diệu, thần thánh với vua chúa, người với thú, Tiên với tục, — mà ông còn có ý-định rất đáng hoan-ngheh là trình bày một tác-phẩm độc-nhất tiêu-biểu cho tình hình hỗn-loạn của Việt-nam hồi Mạc-Lê, những dẫn-chứng xác-thực về Lịch-sử, phác-họa được rõ ràng phong-tục và tập quán của xã-hội Việt-nam thời Trung-Cô.

Với lương-năng của một nhà học giả có ý-thức về giá-trị tinh

thần của dân-tộc Việt nam bắt cứ ở thời-đại nào. Nguyễn-trần-Huân đề làm sống lại cả một thời dĩ-vãng xao-động nhất của Lịch-sử nước ta. Trong gần 30 trang Nhập-đề, ông đã kê cứu và khai thác những tài liệu quý báu về Văn học và Sử học Việt-nam, đề biện chứng cho những nhận-xét của ông, những nhận xét rất đúng-đắn và rất lợi-ích cho sự tìm hiểu xã hội Việt-nam ở Thế-kỷ XVI.

Trên phương-diện nhân-văn, Nguyễn-trần-Huân đã làm nổi bật giá-trị lịch-sử của bộ *Truyện Kỳ Mạn Lục*, giúp cho ta càng hiểu rõ nước Việt-nam và người Việt-nam trong một giai-đoạn rối-rắm và đen-tối của Lịch-sử phong-kiến.

Trên phương-diện văn-ngệ, bản dịch của Nguyễn-trần-Huân đã góp vào gia-tài Văn-học thế-gới một áng văn-chương Việt-nam có giá-trị đặc-biệt có thể liệt vào hàng Văn-học quốc-tế. Sự đóng góp quan trọng ấy khó mà chối cãi được, nếu so-sánh với các áng danh-văn Thượng-cổ và Trung-cổ của Tây-phương người ta thấy bộ *Truyện Kỳ Mạn Lục* không thua kém một

tý nào, về cách phô-diễn tu-tướng cũng như bố-cục và kỹ-thuật viết văn. Bác-sĩ Nguyễn-trần-Huân đã làm một công-việc rất lớn-lao, đầy ý-nghĩa, công việc của nhà khảo-cứu, của nhà từ-ngữ-học, của nhà Sử-học, trong khi ông đem hết tài-năng dịch ra Pháp-văn một Bộ truyện bằng chữ Nôm của thế kỷ XVI, mà vẫn giữ tất cả màu-sắc thời-gian-tính của tác-phẩm bất-hủ ấy.

Độc *Vaste Recueil de légendes merveilleuses* của Nguyễn-trần-Huân dịch, thỉnh-thoảng độc-giả không khỏi không cảm-giác một phong-độ thanh-cao huyền-diệu đầy triết-lý thâm-trầm, xen lẫn ít nhiều thần-thoại của các truyền-tích La-Mã dưới nét bút của Senèque, (tôi nghĩ đến truyện *Apokolokyntose*), hoặc Virgile trong *Énéide*.

Về kỹ thuật, Nguyễn-Trần-Huân tránh được cái lối dịch chữ dịch câu theo phương pháp cở-diễn của Nguyễn văn Vĩnh, Bùi văn Lãng, và vài dịch giả khác. Chính lối dịch từ chương của những nhà văn này đã đem đến một kết quả trái ngược hẳn với chủ đích của dịch giả là làm

cho người ngoại quốc thưởng thức một áng văn hay của ta. Bởi người ngoại quốc không thể nào hấp thụ được lối văn biền-ngẫu đầy rẫy điển tích đem áp dụng vào cú pháp của ngoại-ngữ. Nguyễn-trần-Huân dùng Văn đề diễn đạt ý, trong lúc Nguyễn văn Vĩnh lấy ý mà chép thành văn: trong hai phương pháp ấy chúng ta phải công nhận rằng lối dịch thuật của Nguyễn-trần-Huân hấp dẫn hơn và linh-động hơn kỹ thuật phiên dịch của Nguyễn văn Vĩnh, của Trương vĩnh-Ký, Bùi văn Lãng, René Crayssac.

Thí dụ như đọc truyện: «Mémoire sur le temple de Hiay — Wang» của Nguyễn-trần-Huân, người ta bị lôi-cuốn như đọc một đoạn trong *Télémaque*, hay trong *Pharsale*. Người ta phải thành-thật khen-ngợi Bác-sĩ Nguyễn-trần-Huân đã có tài dịch thuật với chủ-hướng quốc-tế-hóa một kiệt-tác cở-diễn Việt-Nam. Và ông đã thành-công xứng-đáng. Ông đã làm một công-tác tốt-đẹp, khi đã trình-bày được một mỹ-phẩm của tu-tướng và văn-chương Việt-nam trên văn-đàn quốc-tế.

NGUYỄN-VỸ

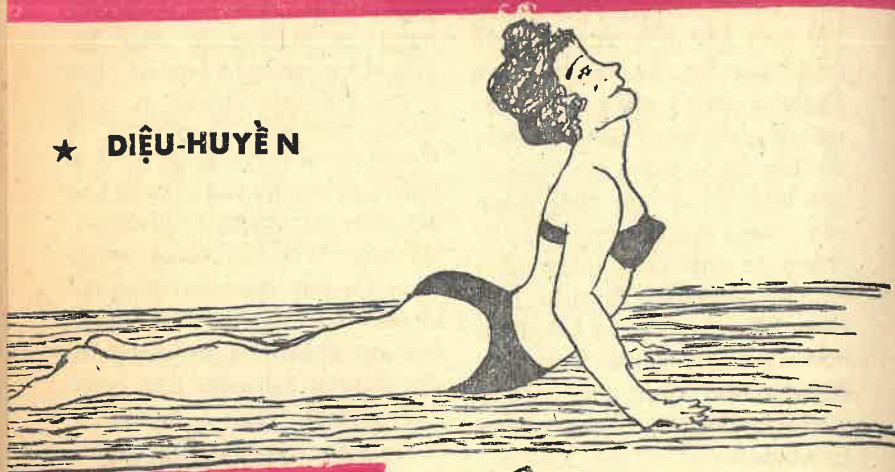


★ DANH NGÔN

— Điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước, điều chúng ta không biết mênh-mông như đại-dương.

EINSTEIN

★ DIỆU-HUYỀN



Mình ơi!

Em muốn biết  
thêm về

Yoga

BÀ Tú nằm võng xem hết cả buổi chiều một đồng thư của các bạn xa gần, quen và không quen, gửi đến hỏi ông Tú về «Yoga». Xem xong lá thư chót; bà tím-tím cười, gọi chồng:

— Mình ơi!

Bà gọi ba lần, không nghe ông trả lời, sức nhớ ông đang ở «Bureau». Bà sắp xếp lại các thư theo thứ-tự nghề-nghiệp của các người gửi: 4 phụ-nữ, 2 Nữ-sinh, 1 Thiếu-tá, 2 Trung-úy, 2 giáo-sư, 4 công-chức, 7 tư-chức, 16 Sinh viên Đại-học, 3 học-sinh Trung-học, 6 người không đề chức-nghiệp. Tất cả ở miền Trung có 17 người, miền Nam 30 người, trong đó riêng ở Sài-gòn — Chợ-lớn có 6 người. Bà Tú đề đồng thư trên chiếc bàn con cạnh đầu võng, nói một mình:

— Cũng có nhiều người thích môn Yoga nhỉ!

Rồi bà tự nhủ thầm:

— Thế sao mình không tập Yoga thử xem? Chồng mình vẫn hãnh-diện là một cây Yogi (1); sao mình không theo phương-pháp của anh để thành một Yogini (2)?

Bà Tú hăng-hái lắm. Bà ngồi dậy muốn đi tập ngay, nhưng rồi bà lại nằm lại xuống võng. Bà lại tự bảo thầm:

— Nhưng tức cái ông chồng của mình quá! Không chịu hướng dẫn cho mình tập. Anh cứ bắt buộc mình phải tự luyện lấy một mình. Anh cứ bảo với mình một câu Anh-ngữ: «Be a self-made woman!». Dễ ghét lạ! Nhưng lần này mình nhất định đòi cho kỳ được anh làm huấn luyện-viên. Có chồng mà «self-made woman» cái gì cơ chứ!

Ông Tú vừa về, tươi cười chạy đến võng, ôm hôn vợ và âu-yếm nói rí vào tai nàng:

— Anh yêu em... Anh yêu em...

Bà Tú làm bộ giận-dỗi:

— Yêu em mà Minh không tập Yoga cho em!

Ông Tú cười:

— Be a self-made woman!

— Không có self-made gì hết trọn hết trơn. Minh không hướng dẫn em thì không bao giờ em

(1) (2) Yogi (nam), Yogini (nữ) = người luyện tập Yoga.

tập Yoga... Em cho Mình biết trước vậy đó.

Ông Tú ngồi phệt xuống tấm thảm, cởi đôi giày vút vào góc tường, rồi quay lại cười duyên với bà Tú :

— Anh thử-thách em đó ! Nếu em quả-quyết luyện Yoga, thì anh sẵn sàng chỉ dẫn cách thức cho em ngay từ bây giờ. Vì có quả-quyết mới nên tập. Không tin chắc chắn nơi mình, không ham muốn thật-sự, thì tập làm chi cho mất thì giờ, vô ích ? *Yoga* không phải là một trò quỷ-thuật của bọn *fakir* phù-thủy Ấn-độ. *Yoga* không phải như một môn võ *Judo* của con cháu bà Amaterasu (2) *Yoga* cũng không phải là một phép thần-thông biến-hóa như Chu-Bát-Giái !

Bà Tú cười đỏ mặt đỏ mũi. Ông Tú nói tiếp :

— *Yoga* là một môn *Thề-dục* hoàn-toàn hơn các môn *Thề-dục* thường, vì *Yoga* vừa là *Thề-dục*, vừa là *trí-dục*, *đức-dục*, *tâm-dục*, *tính-dục*. Không những nó huấn-luyện cho *thân-thể khỏe-mạnh*, *dẻo-dai*, cho *trí-óc sáng-suốt*, *minh-mẫn*, cho *tâm ổn-định*, cho *tính điềm-đạm*, *ôn-hòa*, cho tài-

năng nầy - nở toàn-vẹn, cho thành-công mọi việc trên đời, mà nó còn đào-tạo cho ta một *tin-tưởng vững chắc bền-bì nơi ta* và một *niềm vui sống*, luôn luôn *lạc-quan*, hy-vọng, không biết nguy-hiểm là gì, không sợ những thử-thách của đời, không nao-núng trước những biến-cổ.

— Nghe Mình nói, thì *Yoga* ích lợi quá, hay quá, đẹp quá, nhưng mà em tập một mình không được, thì nó có hay có đẹp cũng chẳng ích chi !

— Anh kể một vài thí-dụ thiết-thực, như gặp vài trường hợp nào đó em phải đi bộ hàng 50, 60 cây số mà em muốn không mỏi chân, không thấy mệt tít nào ; nếu em tức giận anh vì ghen với cô Tám-Hột-Vịt-Lộn mà em không thèm ăn cơm, em làm reo tuyệt - thực hàng nửa tháng mà không biết đói, không xiu (như Thánh Gandhi chẳng hạn) ; nếu em muốn sống lâu đến 70 tuổi, 80 tuổi, mà vẫn không ốm-o gầy mòn, vẫn da thịt hồng hào, tim tốt, phổi tốt, như ông cụ Churchill chẳng hạn,

(3) *Vị Nữ-Thần sinh ra Dân-tộc Phù-lang, theo lịch-sử Nhật.*

và bao nhiêu cái «*nếu*» khác nữa về sức khoẻ vật chất và tinh thần, thì em nên bắt đầu luyện *Yoga* ngay từ bây giờ đi !

— Luyện cách nào mới được chứ ?

— Anh sẽ viết cho em mỗi ngày một bài A, B, C, của *Yoga*, nếu em cứ theo đó mà luyện mỗi ngày mười-lăm phút thôi, như anh dạy trước, thì em sẽ trở thành một cây *Yogini* tươi-tốt như bụi hoa hoàng-anh mà chúng ta mới trồng trong bồn kiền một tháng nay đó.

— Chỉ một tháng là thành công ? Sao chóng thế, hả Mình ?

— Một tháng thành công đợt đầu. Cũng như học-sinh học hết chương trình Đệ-nhất-cấp. Rồi chừng đó, em sẽ luyện thêm các môn khó hơn (*khó*, là tương-đối với người chưa luyện), em sẽ tập các *asanas* của đệ-nhị-cấp. Rồi sau cùng, đến các *asanas* thượng-đẳng. Đến đây, em sẽ như một nàng Tiên ở hạ-giới.

— Ồ ! Nghe Mình nói, em mê *Yoga* quá.

— Thế em nhất-định học *Yoga* chứ ?

— Nhất-định rồi... Mình vừa dùng danh-từ *anana*. Có phải *anana*, tiếng *Pháp* là trái thơm đó không ?

Ông Tú cười :

— *Asana*, chứ không phải *anana*. một *Asana*, tiếng Ấn-độ, là một bộ-điệu luyện *Yoga*, một *posture Yoquique*. Phép luyện *Yoga* đầy-đủ gồm trên 30 *asanas*. Nhưng một *Yogi*, hay *Yogini* thông thường luyện được 10 hay 15 *asanas* là đã có kết-quả tốt đẹp cho tinh-thần và thể-chất lắm rồi.

Luyện thêm nữa, càng thêm khả năng huyền-diệu và càng luyện lên đến các *asanas* thượng-đẳng, càng có thể đến các bí quyết tột-bực, cao-kỳ, chứng tỏ các cơ thể của con người có những khả năng khoa-học bất ngờ, và con người là một nguồn phát xuất nguyên-tử-lực thần-diệu, tiềm tàng trong mỗi tế-bào, mỗi hơi thở, mỗi cử-động «*vô cùng nhỏ*» nó có thể gây ra tác động «*vô cùng lớn*», và công hiệu vô lượng vô biên !...

— Mình đừng có nói cao xa quá, em không hiểu kịp, Mình nói vừa-vừa cho em «*thông-cảm*» với chứ.

— Tác-phong thiết-thực nhất của Yoga là *tùy theo phương-tiện của mỗi người* có thể phát triển *đến cực-độ* các khả năng vật-chất và tinh-thần của mình, để giữ sức khoẻ dẻo-dai bền-bì, chịu đựng tất cả các phong thổ, khí hậu, ít đau ốm, bớt bệnh hoạn, trí óc minh-mẫn, không sợ hãi, không lo âu, điềm tĩnh, vui sống, yêu đời, can đảm. Để thực hiện được kết quả phi thường ấy, các phương pháp khởi đầu luyện Yoga gồm lại chỉ có 3 mục phiêu huấn luyện:

— Tập trung tư-tưởng.

— Điều hòa hơi thở.

— Luyện các bộ điệu Yoga.

Tựu trung, đó là phát triển và điều khiển các khả năng *sinh - lý* (physiologiques) và *tâm - lý* (psychologiques) để cho con người của chúng ta không còn sống bừa-bãi, vô tổ-chức, vô kỷ-luật, mà huấn luyện cho bản thân của mình được nầy-nở theo một chủ hướng lành mạnh hơn, thanh-cao hơn, huyền diệu hơn. Nghĩa là Yoga giải-thoát con người ra khỏi lớp vỏ hiện-hữu máy móc, để đạt đến một

cực độ thông-minh, trí-dùng, xứng đáng với thời-đại nguyên-tử này. Cô học-trò của tôi đã hiểu chưa?

— Dạ, thưa thầy, em hiểu rồi ạ! Nhưng bây giờ thầy hãy cho em biết vài bài học ABC của Yoga, để em xem có thể theo được không đã chứ! Em xin nói trước với Thầy giáo là nếu coi bộ bài vở khó quá, thì em « cúp cua » đấy, nhen!

— Không có khó đâu, cô cứ tin tôi đi!

— Xin cho thí-dụ như thế nào là không khó?

— Trước hết, xin nhớ một điều nho-nhỏ này, nho-nhỏ nhưng rất quan-trọng, là người Yogi (hay Yogini) *luôn luôn giữ nụ cười trên môi*.

— Nụ cười, thì em có luôn luôn. Em không sợ thiếu đâu ạ. Nhưng tại sao phải luôn luôn có nụ cười?

— Nụ cười tiêu-biểu sự yêu đời, vui sống, niềm tin-tưởng nơi ta, tính hòa-nhã với mọi người chung quanh, lòng ưu-ái với hết thảy mọi sự vật trong vũ-trụ.

Nụ cười là phát-huy thường xuyên của tâm-trạng Yoga

— O. K. ! Em đã sẵn-sàng nụ cười Yoga rồi đây. Được chưa?

— Đẹp lắm. Điềm thứ hai, là trong lúc luyện Yoga, tuyệt-nhiên không nên nghĩ đến một việc gì khác. Dù là một việc rất nhỏ-mọn, cũng đừng để nó vương-vấn vào tâm-trí. Chỉ chăm-chú việc luyện Yoga mà thôi.

— Rồi, đồng-ý. Em không nghĩ đến Cô-Tám-Hột-Vịt-Lộn đâu.

— Em đừng đùa chứ. Đùa thế, luyện Yoga làm sao được? Nói rằng không nghĩ đến cái hột-vịt-lộn, tức là có nghĩ đến cái hột-vịt-lộn rồi đấy.

— Vâng, nhất-định không nghĩ cái gì nữa cả.

— Điềm thứ ba, là một khi đã quyết luyện Yoga, thì không còn lý-luận nữa. Trong lúc luyện chỉ 5, 10, 15 phút thôi, đừng hỏi « tại sao làm thế này? Tại sao làm thế kia? v.v... »

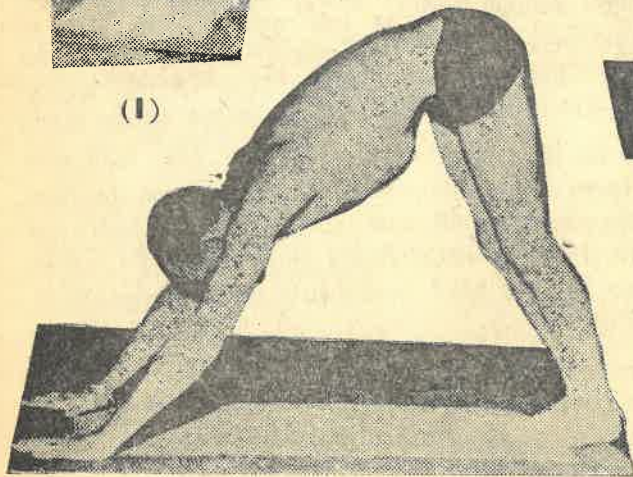
— Như em muốn hỏi cho biết, không được sao? Thầy giáo gì mà độc-tài dữ vậy?

— Đợi khi luyện xong, sẽ hỏi. Ta nên nhớ một trong 3 nguyên-tắc luyện Yoga để thành công: *Tập-trung tư-tưởng*, nghĩa là hoàn-toàn yên-tĩnh để hết tâm-trí vào việc mình đang làm. Ở đây, là việc tập Yoga. Asana thứ nhất, là *Chào Mặt Trời*. Bây giờ chỉ giảng để nghe thôi, chứ nên bắt đầu tập lúc 7 giờ sáng, sau khi ngủ dậy, súc miệng, rửa mặt, rồi đứng quay mặt về hướng Đông, đứng thẳng người nhìn thẳng mặt trời mọc. Đây không phải là «Chào» thật sự. Gọi là «Chào Mặt Trời», chỉ là một cách xưng-hô tượng-trưng mà thôi, chứ sự thật không cần phải có mặt Trời, không phải là một nghi-lễ chào Mặt-trời như một vị Thần. Asana «chào Mặt-trời» hoặc «Asana Hướng-Nhật» có mục-đích hô-hấp không khí trong-sạch của buổi sáng sớm, thụ-lãnh những tia nắng rất bõ-dưỡng của buổi mai. Asana Hướng Nhật có 8 điệu, mỗi điệu có một công-dụng riêng, tựu-trung là luyện các phần-tử trong cơ-thể được thụ-hưởng đầy-đủ những ân-huệ của Mặt-trời buổi sáng sớm:





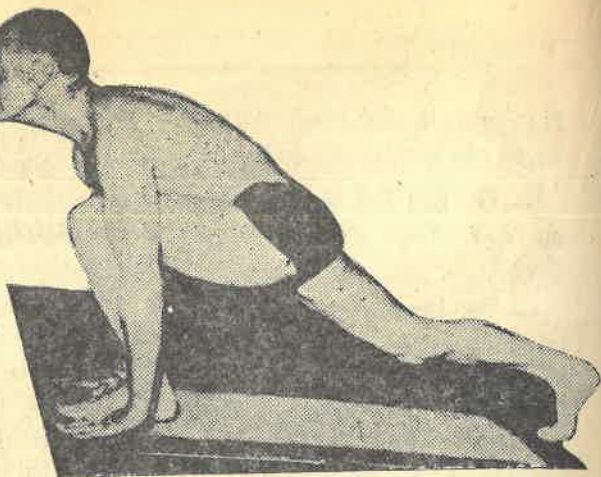
(1)



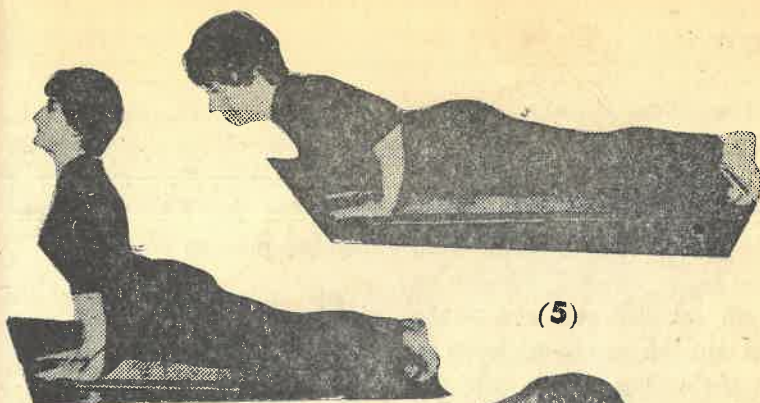
(4)



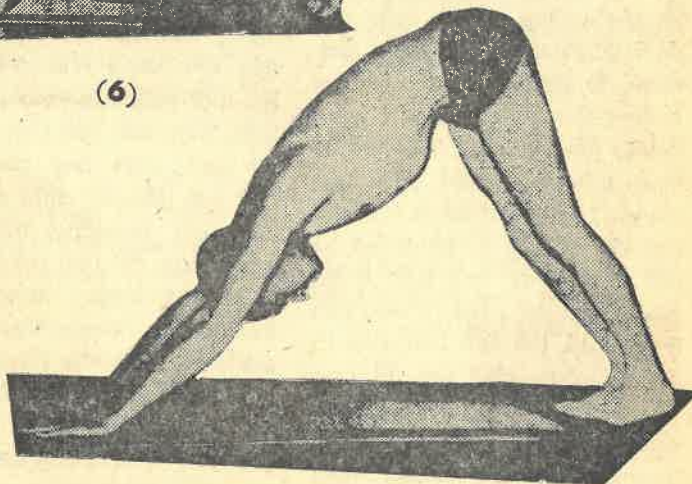
(2)



(3)

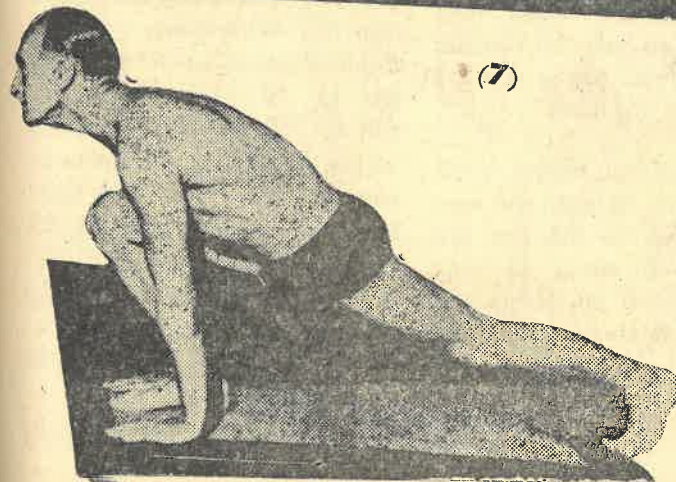


(5)



(6)

(7)



(8)

Công dụng của Asana Hướng Nhật là làm cho linh động và nẩy nở các bắp thịt, mềm dẻo và bồi dưỡng xương sống, điều hòa sự lưu thông huyết dịch, điều khiển hơi thở đều-đặn và chậm rãi, làm giảm các tế-bào của lục-phủ ngũ-tạng, luyện trí óc nhẹ nhàng, thanh tịnh, xua đuổi tất cả các ám ảnh của ban đêm. 8 điệu bộ của Asana Hướng Nhật chỉ lâu đến 5 phút là vừa đủ. Hết đợt nhất trở lại khởi điểm đợt nhì rồi luân chuyển đến đợt ba, v.v... Mỗi đợt chỉ dài độ 5 phút, cứ ba đợt là đầy đủ một buổi luyện Yoga ban sơ. Tuy nhiên, bạn trai trẻ có thể làm liên tiếp 15 hoặc 25 đợt như thế. Phụ nữ có thể đến giới hạn 10 đợt. Không nên cố gắng. Yoga chủ trương hoàn toàn không ráng sức, không ép buộc. Cứ vừa sức của mỗi người, tức là đến khả năng cực độ của mình.

Nhưng về sau, những Yogis hoặc Yoginies đã luyện đến mức thượng đẳng, có thể làm liên tiếp 3000 đợt trong 48 tiếng đồng hồ, không ăn, không ngủ mà vẫn khoẻ khoắn, không biết đói, không buồn ngủ, không mệt

nhọc tý nào cả. Nhưng đấy là đã đạt tới phép Yoga siêu đẳng, linh nghiệm, với sự luyện tập trường kỳ đi đến sức điều khiển hoàn toàn tinh thần và cơ thể.

Với vài ba quyển sách chỉ dẫn về Yoga, tự luyện, bất cứ người nào và bất cứ ở tuổi nào, địa-vị nào, hoàn cảnh nào, một ông Vua cũng như một người tù, một người 50 tuổi hoặc 15 tuổi, một cậu học sinh, một cô nữ sinh, một ông công-chức, một ông giáo-sư, một anh thợ, một chị lao-công, một nàng công chúa, đều có thể tự mình luyện tập Yoga, không cần ai huấn luyện cho mình. Đi từ asanas dễ dãi, như *Paschimattanasana, Padmasana, Bhujangasana, matsyendrāsana, servargasana...*, đến những asanas khó hơn như *Matsyasana, su sham-dyana, dhāranā...*, mỗi ngày luyện tập từ 10 phút, 15 phút, dần dần đến 30 phút, 60 phút, và liên tiếp trong thời gian ba năm, ta có thể thành một Yogi hay Yoginie toàn vẹn, đề ứng đối với cuộc đời phức tạp, với nhịp sống cực kỳ căng thẳng của Khoa học tiến bộ. Ở Thời đại mà nguyên-tử-lực ngự-trị khắp

các cơ-cấu vũ-trụ, mỗi con người phải là một Yogi, mỗi con người Yogi chính là một năng-lực nguyên-tử.

— Mình ơi !

— Ơi.

— Em không muốn biến thành một trái bom nguyên-tử đâu, nhưng em thích luyện Yoga để khoẻ mạnh xác thịt, đề khoẻ mạnh cả tâm-hồn, để hưởng-thụ cuộc sống yên vui, đầy-đủ, theo cái đà diễn-tiến của đời sống mới.

— Đó chính là tư-tưởng Yoga. Phong-trào Yoga thích-hợp với cái *processus* của khoa-học hiện-đại. Sự tập-trung tư-tưởng của Yoga chính là một *hột nhân* (noyau) của nguyên-tử, nơi đây được đôn-ép tất cả các 'sức-mạnh tiềm-tàng' của nguyên-tử-lực. Ta giữ-gìn cho tư-tưởng

đừng phân-tán ra ngoài, không khác nào giữ cho hột nhân nguyên-tử khỏi bị ly-tán ra vậy.

— Mình ơi !

— Ơi.

— Bắt đầu sáng mai, dậy 7 giờ, em luyện phép Chào Mặt-Trời nhé ?

— Và em bỏ rơi anh hả ?

— Mở mắt ra, em chào Mình ở trên giường rồi em mới nhảy xuống đất để chào Mặt trời chứ bộ !

Ông Tú ôm đầu tóc thơm ngát của bà Tú, hôn hít rất tình-tứ, và khen vợ :

— Em của anh ngoan lắm chứ ! Em của anh là một self-made woman !

Bà Tú nở to hai lỗ mũi...

*Diệu-Huyền*

Họa - Sĩ :

— Khờ quá ! ai bảo con sáng nay tưới nước vào bức họa của ba !



## hãy yêu đi !

Cuộc đời là dầu bèo,  
Ngày tháng lệ trôi mau,  
Chẳng bao lâu đã chốc,  
Trẻ qua, già theo sau !

Hãy yêu đi ! cho thỏa lòng tuổi trẻ,  
Hãy đắm hồn vào trong mộng trong thơ !  
Vì thời-gian không có đợi bao giờ,  
Khi nhớ lại, đầu pha hai thứ tóc.

Hãy yêu đi ! hương tình-yêu say ngọt,  
Như bướm vàng hút nhụy cánh hoa tươi,  
Như chim xanh tung cánh khắp khung trời  
Như cá lội nhớn nhơ ngoài biển rộng.

Hãy yêu đi ! cho đời thêm nghĩa sống,  
Hương tình-yêu chính là lửa triêu-dương.  
Đi cùng ta trên khắp mọi nẻo đường,  
Với đồng rộng, núi cao và đại-dương xanh ngát !

Hãy yêu đi ! cho đời vang câu hát,  
(Đã quá nhiều rồi tiếng khóc buồn đau).  
Hỡi người yêu có đôi mắt u-sầu  
Xin hãy nói một lời yêu dù rất nhỏ !

Hãy yêu đi ! cho má hồng thêm đỏ,  
Nhưng đừng làm say-đắm với đam-mê.  
Đời trăm-luân nào còn có nghĩa gì,  
Nếu Tình-Ái không ngự về cuộc sống !

### ★ HOÀNG-THẮNG



### ★ ĐIỀN-SƠN

#### ★ NGƯỜI ĐÀN BÀ SỐNG TRONG BỨC TƯỢNG



Ngày xưa, hễ gặp thiên tai hạn hán hay vợ chồng không con nối nghiệp, người ta thường cúng tế cầu khẩn trời Phật ban ơn phước, chứ mấy ai đã dám hỗn láo với thánh thần. Thế mà có một người dám xúc phạm đến nữ thần đề xin ơn phước, ấy là bà HSU-HUA, 42 tuổi, sinh tại CHANG-CHOW, TRUNG-HOA.

Bà HSU-HUA có một người con trai độc nhất, lập gia đình đã lâu nhưng vẫn chưa có một mụn con nào nối dõi. Bà buộc người con lấy vợ khác nhưng người con đành phải cãi lời mẹ, chung sống mãi bên người vợ đẹp, ngoan ngoãn.

Năm nỉ, dọa nạt cũng không xong, bà HSU-HUA không biết làm cách gì khác hơn là trông mong vào thánh thần ban ơn phước. Sau khi suy nghĩ, bà bèn leo vào bên trong bức tượng nữ-thần KUAN-YIN, khóc

lóc van xin, lại nguyện rửa nữ thần khi bà giận dữ.

Hằng ngày người con trai phải đút cơm cho bà ăn qua miệng nữ thần, bà nhìn ra ngoài và thở bằng mắt mũi của nữ thần.

Bà ở mãi trong ấy suốt 7 năm trời, cho đến khi người dâu sinh được cho bà một đứa cháu nội, bà mới chịu ra khỏi thần tượng, nghĩa là 7 năm sau. Thật là một câu chuyện buồn cười và lý-thú thay !

● **MỘT LÂU - ĐÀI  
KINH - DỊ**

Có lắm người bảo rằng ma quái không có thật, chỉ do sự tưởng tượng, niềm sợ hãi mà có, nên họ cho những chuyện ma quỷ xuất hiện là những chuyện hoang đường, khéo sắp đặt.

Nhưng sau đây là câu chuyện ma quái đã làm chấn động dư luận nước Pháp một thời.

Lâu đài ARGOUGES, gần AVRANCHES, Pháp; đã trở thành một lâu đài hoang lạnh thật kinh dị, không một ai lai vãng, bởi có sự quái phá của một con quỷ xuất hiện dưới hình dáng một con HEO ĐEN, trong 5 thế kỷ qua.

Lâu đài trên được xây cất do một chàng viễn-chinh Pháp khi trở về nước, để cùng chung sống với người vợ tương lai đến bạc đầu. Nàng tên là JOTA.

Nhưng một chuyện đã khiến cho chàng hết sức ngạc nhiên là sau ngày hôn lễ, nàng không ngót yêu cầu chàng đừng bao giờ nói đến chữ « MORT » (chết). Rồi dường như cũng chưa được hài lòng chàng bị buộc phải tuyên thệ giữ lời hứa.

Nhưng sau một thời gian chung sống bên nhau đầy hạnh-phúc, chàng đã quên mất lời thề.



Một hôm, khi pha cà-phê buổi sáng, lỡ sảy tay, ấm nước sôi rơi xuống đất, nước tung toé vào người, chàng viễn chinh kia đã vô tình kêu lên « CHẾT TÔI RỒI », lúc ấy có nàng JOTA đứng bên cạnh.

Sau đó, nàng JOTA biến mất, không thấy đâu nữa cả, đồng thời khi ấy phía sau vườn lại xuất hiện một con heo đen hung hăng chạy xông xáo khắp lâu đài.

Nhìn thấy sự kiện xảy ra trên, chàng ARGOUGES rất hoảng sợ và vài hôm sau chàng phải bỏ lâu đài đi cư ngụ nơi khác để

● **MỘT BỨC TRANH  
DÀI NHẤT THẾ GIỚI**

tránh khỏi nghe những tiếng heo kêu hú, khóc than khi bóng hoàng hôn bắt đầu buông rù.

Trải qua nhiều thế kỷ, lâu đài kia vẫn hoàn toàn vắng lạnh, bao trùm bởi một bầu tử khí, con heo đen kia vẫn sống mãi và không ngớt khuấy phá.

Trước thế giới đại chiến thứ hai, một nhà xuất-bản ở Nữ-Uớc đã phái vài sưu-tầm-gia cộng-tác đến tận lâu đài nói trên ở Pháp, để lấy tài liệu cho câu chuyện được chính xác.

Khi bước vào cổng, những người này đã bị con heo đen kia từ trong nhà chạy ra tấn công dữ dội, cố ngăn cản không cho một kẻ nào xâm nhập lên địa ấy. Nhưng sau cùng, hợp quần bao giờ cũng thắng, trước sức chống trả mãnh liệt của địch, heo đành thất thủ và bỏ chạy vào lâu đài, sau đó, dù cố công tìm kiếm, người ta cũng không thấy heo đen kia đâu cả. Người ta bảo rằng con ma heo ấy đã biến đi rồi nhưng trước khi biến mất, heo đã phá đổ hết những đồ đạc ở trong lâu đài nên khi các nhà sưu-tầm bước vào nhà thì trước mắt cả một cảnh ngồn ngàng bừa bãi chắn cả lối đi.

Câu chuyện trên đã được ghi chép lại rành rẽ do các nhà sưu-tầm ở Mỹ-quốc, nên ngày nay chúng ta mới được biết đến mẩu chuyện lạ lùng và hoàn toàn có thật trên đây.

Ở Đô-thành thường hay có những cuộc triển lãm hội họa nhưng chúng ta có lẽ chưa hề thấy có bức tranh nào đẹp, hùng vĩ và vĩ đại như bức tranh danh tiếng của một họa-sĩ ở Mỹ, tên là JOHN BANVARD (1815 — 1891) đã dùng 6 năm để vẽ một bức tranh dài 4830 thước, thu gọn cả phong cảnh, núi non, đồng ruộng v.v... từ cửa sông MISSISSIPPI đến NEW ORLEANS dài 1.932.000 thước.

Ông bắt đầu tác phẩm vào năm 1840, trước đấy, họa-sĩ đã bỏ ra 400 ngày xuôi thuyền trên sông MISSISSIPPI để phát họa sơ những cảnh vật trên đường dẫn đến NEW ORLEANS.

Say sưa nghệ thuật, họa sĩ BANVARD không thiết đến ăn ngủ, mong cho tác-phẩm chóng hoàn thành nhưng rồi cũng phải mất 6 năm, thật là một chuyện không tưởng tượng được.

Bức tranh này được họa sĩ mệnh danh là « TOÀN CẢNH DỌC THEO MISSISSIPPI » và được triển-lãm nhiều lần tại Mỹ Châu và Âu-Châu, thành công rực rỡ đã đến cho họa sĩ BANVARD, đề bồi đắp lại

những chuỗi ngày đau khổ đã qua.

Nhưng tiếc thay, đến ngày nay tác phẩm vĩ đại kia không còn nữa, vì sau những cuộc triển lãm thuở ấy, họa sĩ BANVARD đã bán tác phẩm cho một người Anh, người này đưa sang Ấn-Độ rồi bị mất luôn.

Đầu sao, ngày nay tên tuổi của họa sĩ độc đáo BANVARD vẫn còn sống mãi trong lòng những người yêu chuộng hội họa.

● **MỘT NGỌ-MÔN  
CÓ MÓNG XÂY  
BẰNG VÀNG**

Sau đây là câu chuyện kỳ lạ vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

Vua BEDAR nước ẤN-ĐỘ, kinh đô lúc bấy giờ tại PURAN-DHAR. Ngài đã truyền lệnh cho một kiến-trúc-sư là phải xây cất một ngọc môn đồ sộ nơi thành nội để tặng thêm vẻ uy nghi cho chốn hoàng triều cương thổ. Nhưng vài hôm sau, nhà kiến-trúc kia vào triều và tâu cùng Vua rằng công tác xây cổng thành ở nơi trù liệu không thể thành công được bởi đất chỗ ấy bị lún vì có bùn.

Lúc đầu, nhà vua cảm thấy hơi tuyệt vọng, nhưng sau ngài cũng

cương quyết thực hiện bất chấp cả lời bàn tán của nhà kiến trúc kia.

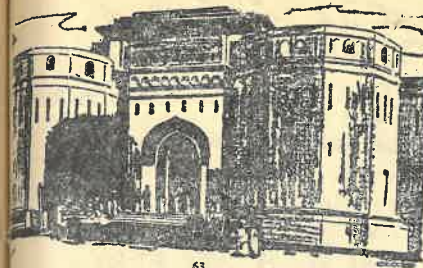
Thế rồi vài hôm sau, Vua BEDAR bèn đích thân đến tận nơi xem xét địa thế và truyền lệnh cho thợ đào móng bề sâu 4 thước, bề rộng 12 thước. Ngài chỉ nhắm một mục đích là cố đạt đến giấc mộng mà ông hằng ôm ấp là làm tăng vẻ oai nghiêm cho chốn vương triều, và làm thế nào để lưu lại cho hậu thế một kiến trúc vô giá nhất và đồ sộ nhất, nên khi đào móng xong, vua BEDAR truyền cho thợ vàng lấy vàng trong kho đúc theo hình viên gạch.

Mấy trăm thợ làm suốt ngày đêm không ngừng, gạch vàng đúc xong được chuyển đến công trường cho thợ nề xây móng thay vì xây gạch, đá.

Số gạch vàng lên tới 50.000 viên, trị giá 15 750.000 Mỹ-kim tức là vào khoảng 1575 triệu đồng Việt Nam.

Và chỉ một tháng sau, thành phố PURANDHAR có thêm một thắng cảnh: cổng thành bằng gạch vàng chói lọi trong ánh nắng.

Nhà vua rất hài lòng khi công tác hoàn tất, ngài say sưa ngắm cổng thành kia đáng oai hùng đứng ngạo nghễ với trời mây.



thuận vì tất cả các nhà sư ở ngôi chùa lớn MAHADEVA bên trong cổng thành đều lên tiếng phản đối kịch liệt những kẻ không có tinh thần bảo cổ, chủ âm phá hoại di-tích, xâm nhập khu thánh-địa là xúc-phạm đến thần linh.

Vài chục năm trước đây, có một đoàn hướng đạo ẤN-ĐỘ đã đề nghị chính quyền xin cho phép được khai thác số vàng nơi cổng thành để bỏ vào ngân quỹ quốc-gia mong cho nước giàu dân thịnh, nhưng về sau lời thỉnh cầu trên không được chấp

Mãi đến ngày nay, trải qua bao nhiêu sóng gió của thời đại, cổng thành trên vẫn tồn tại, tạo thành một thắng cảnh, một kỳ công cho thế - giới, thu hút rất nhiều du khách bốn phương.

ĐIỀN - SƠN

**Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIÊN**

TRỊ : Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cổ khan tiếng, ho nhiều bâu đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng An Tiên.

Tổng phát hành : Lý Trác, nhà thuốc Quảng An Hòa  
169 Lê Văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)  
Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

● **THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)**

TRỊ : Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỔ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành : Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê Văn Duyệt Saigon, Lý Trác. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số : 200 ngày 31-7-62

● **Thuốc Bổ Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa**

TRỊ : Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bại hoại môi mêt, di mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành : Lý Trác nhà thuốc Quảng An Hòa, 169 Lê Văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số : 196 ngày 31-7-62

*Phong Lan Quốc*

## THIÊN-HẠ « ĂN CHÈ »

Phải chăng lòng đói, nên chi  
Có bao nhiêu kẻ kéo đi ăn chè ?  
Gia-đình đạo luật khát-khe,  
Khát-khe thì khát, ăn chè thì ăn !  
Thèm chè chẳng lẽ mần răng.  
Lắm ông to-bự còn ăn xôi chè.  
Sá chi Tân-Thuận, Thị-Nghè,  
Ngay nơi đô-thị xôi chè vẫn ngon.  
Bao nhiêu gác lía lầu son,  
Màn che, trướng rủ nức thơm mùi chè !  
Xe Tây, xe Mỹ, xe Bè,  
Ra vào tấp-nập, ăn chè ăn xôi.  
Tuy rằng xôi rữa, chè ôi,  
Cũng ham cố dấm ăn xôi, ăn chè...!  
No-nê hí-hởn, phờn-phè !  
Rủi ro thì đóng vai hề ì-ôi !  
Bè ngoài lành mạnh khua môi,  
Bè trong óng vẫn thèm xôi, thèm chè !  
Cấm nghề còn giữ lấy nghề,  
Còn dân hảo ngọt còn chè còn xôi !

*Diêu-Huyền*

## SÁCH BÁO MỚI

### \* Đôi tâm-hồn bạn.

Thi tập của Mai-Oanh nữ-sĩ. Tựa của Thi-sĩ Tuân-Lý Huỳnh-khắc-Dung. Theo lời tựa, « tác-giả đã khéo diễn-tả nổi khác-chiết tâm-hồn của hai nhân-vật đang thời xuân-sắc, cố-gắng chế-ngự lượn sóng lòng, rồi cuộc đã chiến-thắng vẻ-vang, nhờ mãnh-lực của đức tin và tình yêu Thiên-Chúa... ». Đôi bạn là Cha Phong, một vị Linh-mục còn trẻ tuổi, và một thiếu-nữ yêu Cha, chính là đệ-tử của Cha, tên là Như-Lan, cả hai đều là người Bắc, di-cư vào Nam. Như-Lan, yêu cha Phong đến đổi nghĩ làm cầm :

« ... Rồi cùng chung hưởng chuỗi ngày xanh,  
Vui tỏ yên-trong một túp tranh  
Gió sớm mây chiều tràn hạnh phúc,  
Giảng truyền đạo Chúa, hát thưa Kinh... »

Và tương-tử đến đổi :

« ... Trước phòng cấm cú m y thêu,  
Chờ lan đời chữ mỹ-miêu « Phong-Lan... »

Nhưng tình yêu tội-lỗi ấy không thành, và Như-Lan vào Nhà-Dòng, làm bà Xơ, như Thánh-Nữ Thérèse vậy. Kết-luận :

« Ôi tình Thiên-Chúa lạ-lùng vô biên  
Ra về, Cha cố gắng thêm,  
Mong đôi hồn bạn kết liền Thánh-Tâm.  
Mưa tan trôi sạch bụi trần... »

Tập truyện bằng thơ này dày 28 trang, in ronéo, không để giá bán.

### \* Phân-tích và Nghị-luận Văn-chương.

của **Thâm-Thệ-Hà**.

Sách giáo-khoa giúp học-sinh biết cách-thức làm bài luận Văn-chương, giúp học-sinh hiểu rành-rẽ các văn thi phẩm của các tác-giả có ghi trong chương-trình đệ-tứ và đệ-nhị, và giải-đáp những câu hỏi

về Văn thể, văn-học-sử về một đoạn thơ văn trong các kỳ thi Đ.N.C. và Tú-tài.

Sách dày 232 trang. Giá bán 45\$.

★ **Bi-ca. Thi-tập của Hoài-Thương**

Hoài-Thương là một thi-sĩ của thế-hệ mới, nhưng tâm-hồn đã sớm bị xáo-trộn bởi những bi-cảnh của thời loạn :

*Thân này da thịt tanh hôi  
Che linh-hồn khuất cõi đời hồn-mang  
Rời mai cát bụi sẽ tàn  
Khúc bi-ca gọi gió mang xa đời  
Tuổi xanh nay biếc mắt người.  
Mộ nâu mai sẽ chôn vùi hoa niên  
Bốn phương trời khép tủi phiền  
Dang tay ôm mãi những niềm đớn đau...*

(Khúc bi-ca)

.....  
*« Hoàng-hôn vừa tự-lũ,  
Máu đào loang trên sông,  
Tôi ngồi trên bãi cỏ  
Vội niềm đau trong lòng  
Thêm một ngày chết yểu  
Và một người ra đi  
U sầu tôi không thiếu  
Còn cho thêm làm gì  
Nghe buồn trên ngọn cây  
Nghe buồn trên sông đầy  
Nghe buồn trong gió thổi  
Nghe buồn theo mây bay...*

.....  
(Chiều)

Toàn tập thơ 17 bài đều thờ ra giọng bi-sầu não-nuột ấy, phổ-diễn tâm-trạng của một số đông thanh-niên của thế-hệ, chưa sống nhiều đã ghét sống, chưa yêu nhiều đã chán yêu, chưa nở trọn vẹn nụ cười đã rưng-rưng ngấn lệ.

Hoài-Thương là một trong số các nhà Thơ có nhiều triển-vọng. Bản nguyệt-san *Thời-Nay* xuất-bản. Bản đặc-biệt không dễ giá.

★ « **Giai-phẩm Bút Hoa** » Do Trần-xuân-Chấn chủ-trương. Có những bài: Hiện-tượng của nạn Chậm-tiến, Cộng-sản là một tổ-chức cướp chính-quyền — Romain Rolland, Con Ma-lai, Ý-niệm

về xã-hội nhân-vị, v.v... do các ký-giả Lê-Quân, Nguyễn-mạnh-Côn, Phạm-cao-Cùng, Linh-mục Vũ-đức-Khâm v.v... giá 20\$. Địa-chỉ 213 Bùi-Viện Saigon.

★ **Nước mắt người đàn bà** Tiếu-thuyết của Ngọc-Linh  
Ngọc-Linh là tác-giả hai quyền truyện dài : « *Đốt mắt người xtra* », và « *Buổi chiều á rưng* ». Nhà X.B. Tiền-Giang. 236 trang. Giá 40\$.

★ **Tinh-Hoa Nữ-Sinh**

Tuần báo dành riêng cho nữ-sinh. Chủ-nhiệm : Nguyễn-thạch-Kiên với sự cộng tác của Chu-Tử, Bình-Nguyên Lộc, Thanh-Nam, Nguyễn-dăng-Minh, Võ-bá-Hoàng, Hoài-Châu, Lưu-Kiểm, Toan-Ảnh, Hàn-Tâm, Đinh-trần-Nguyễn, Sao-Băng, Hoàng-Thắng, Nguyễn-huy-Nghiễn, Dạ-Lý, Người Phương-Nam, Đào-trọng-Thủy, Xuân-Hoàng v.v... và các cô: Huyền-Trang, Nhã-Hoa, Hoài-Hương, Khánh-an, Mộng-Huyền, Hương-Duyên, Tô-Thùy-Liên, Bạch-Lan...

Tòa-soạn 237 Bến Chương-Dương — Saigon. Số 1 đã ra ngày 10-9-1962.

**THUỐC ĐAU LƯNG HÔNG-NGUYỄN**

TR! Đau sưng  
yếu, nhức mỗi tay,  
chòn, không thắp,  
gân xương đau nhức.

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN  
Bà Đường-xuân-Lang chế  
246, Đại-lộ NG. HOÀNG Cholon

KIỂM-NHẬN SỐ 238. BYT/QCĐP. NGÀY 7.8.62.

# LỢI-NGƯỢC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. số 88)

**S**ÁNG hôm sau, theo thường - lệ, thằng Ngọng dậy thật sớm, nấu cháo cho tôi ăn điếm tâm, quét dọn nhà cửa sạch - sẽ, đầu vào đây xong rồi nó tùm-tìm cười bảo tôi :

— Thưa cậu, con đi chợ, thề nà thề nào ?

Tôi không thèm cười với nó :

— Ủ, mày đi thề nào thì đi !

Nói đi chợ, nhưng nhà tôi nghèo, chỉ một mình tôi với nó, có ăn uống gì bao nhiêu mà phải nhọc công đi chợ ! Thường bữa hai thấy trờ rất bằng lòng với một đĩa rau

muồng luộc và một hột vịt, hoặc một tô canh cải, hay canh bí nấu tôm khô, tất cả không quá 5 đồng bạc. Nhiều khi hết tiền tôi với nó chỉ ăn cơm chặm với muối mè cũng đủ no, không cần đi chợ.

Nhưng « đi chợ » là thói quen của nó. Không mua gì cả, nó cũng đi chợ. Đi đâu, nó cũng bảo là đi chợ.

Có hôm nó đi biệt tâm biệt tích, từ sáng sớm đến mãi chiều tôi nó mới mò về nhà. Tôi hỏi nó :

— Mấy đi đâu cả ngày thề, hả Ngọng ?

— Thưa cậu, con đi chợ, thề nà thề nào ?

## LỢI-NGƯỢC

— Trưa nay mấy bỏ tao đói. Mấy không nhớ đến tao.

Nó nghe răng cười giương, có vẻ hồi hận :

— Ô, con đi chợ mà quên về nấu cơm cho cậu ăn, để cậu nhịn đói thề nà thề nào ? Con xin nổi cậu,... thề nà thề nào.

Sáng hôm ấy, thằng Ngọng vừa ra khỏi cửa thì tôi nghe nó hí-ha hí-hồn vừa đi vừa hát thật to :

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Mưa gió mịt-mù !*

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Bà-Nón nhảy-dù !*

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Mưa gió mịt-mù !*

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Bà-Nón nhảy-dù !*

*Níp-níp-nơ ! (1)*

Nó đi thẳng đường Trần-hưng-Đạo ra Chợ, nó đi đã xa mà tôi còn nghe văng-vẳng tiếng của nó :

*Níp-níp-nơ !*

Tôi hơi ngạc nhiên, tự nhủ thầm : « Ủa, lạ thật ! Thằng Ngọng đặt ra bài về ấy hồi nào thề nhĩ ? Lẽ nào đêm hôm qua nó không ngủ, nằm thơ-thần một mình để sản xuất ra mấy vần thơ kia ư ?

Những người đi đường trông thấy điệu bộ của thằng Ngọng vừa đi vừa hát có nhịp nhàng như thề, lại nghe bài hát chằm-biêm của nó, đều đứng lại nhìn theo nó, không thể nhịn cười được. Nhất là các bà đi chợ và học trò đi học, nghe nó hát « Níp-níp-nơ... » đều cười rùm lên, cười sặc-sụa, cười oang-oang ngoài đường. Một bà vừa cười vừa gọi vói theo nó :

— Mày hát cái gì tức cười quá vậy, Ngọng ?

Nó không trả lời, cứ đi, cứ hát :

*Níp-níp-nơ !*

Ra đến chợ, nó vẫn hát, coi bộ nó thích-thú lắm, và không để ý đến đám đông người ra vào tấp-nập bốn cổng chợ. Ai này cũng đứng lại nhìn nó, ai này cũng phì cười, và chỉ một

(1) *Líp-líp-lơ...*



buổi sáng ấy cả dân-chúng trong thành-phố đều tự-nhiên thuộc lòng bài hát của thằng Ngọng mà người nầy đọc lại cho người khác nghe, cười om-sòm.

Đền Ngã-tư, thỉnh-linh nó trông thấy Bà-Lớn lái chiếc xe V. N. đi ngược chiều xuống đường Thành-Thái. Người lính Cảnh-sát đứng thẳng người, đưa tay lên chào rất là kính cẩn. Thằng Ngọng lại gần hỏi người Cảnh-sát :

— Đường Thành-Thái đi một chiều, có tấm bảng cấm kia, vậy mà Bà Nớn lái xe đi ngược chiều, thề nà thề nào ? Sao Thấy không thôi còi tu-huýt mà thấy nại đứng gác-đà-bu chào Bà-Nớn, thề nà thề nào ?

Thấy Cảnh-sát mắng nó :

— Mấy, thằng Ngọng, biết gì ! Hỏi bá-xâm !

— Thề nà thề nào ?

Nó đi quẹo xuống đường Thành-Thái, trông thấy xe V.N. của Bà-Lớn đậu ngay trước tiệm vàng Khánh-Vân. Nó vẫn tiếp tục hát to, vừa đi vừa hát :

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Mưa gió mịt-mù !*

*Níp-níp-nơ*

*Đêm hôm qua,*

*Bà-Nớn nhảy dù !*

*Níp-níp-nơ !*

Đền trước cửa Tiệm Vàng, nó cũng còn hát, và một lũ học-trò cùng lứa với nó, và thường ngày ra chơi với nó, bu theo nó, và bắt chước hát toa-rạp lên, thành giọng hát tập-thề :

*Níp-níp-nơ*

Bà Lớn đang mua hột-xoàn ở trong tiệm, bỗng nhiên nghe bài hát lạ lùng, bà quay mặt ra trông thấy một lũ học-trò và con nít hàng phố đứng xúm-xít đông nghịt chung quanh thằng Ngọng.

Tụi học-trò và con nít thích bài hát khôi hài của thằng Ngọng thì bắt chước hát chơi cho vui, chứ chúng nó đâu có biết «Bà Nớn» là ai, và có hiểu «Bà-Nớn nhảy-dù» là cái quái gì ? Nhưng Bà-Lớn hình như «thông-cảm», và bỗng đứng nổi giận, Bà bước ra cửa, la mắng bọn học-trò :

— Tụi bay không đền

trường, còn đứng bu ở đây làm gì đồng thề, há ?

Tụi con nít không biết người đàn-bà lạ, đeo vàng, cà-rá, ngọc-thạch, kim-cương đây tay, đây cổ, ấy là Bà-Lớn, vợ của Quan-Lớn trong Tỉnh, Bị rầy la, thằng Ngọng bỏ chạy trước và reo lên :

*Níp-níp-nơ !.. Níp-níp-nơ !*

Toàn thề lũ học trò và con nít cũng bắt chước bỏ chạy và reo lên :

*Níp-níp-nơ !*

*Níp-níp-nơ !*

*Đêm hôm qua*

*Bà-Nớn nhảy-dù !*

Bà-Lớn tức giận mây đũa ôn-con mà bà nghi là do thằng Ngọng cầm đầu. Bà hiểu rằng chúng nó ám-chỉ bà, bà chạy đuổi theo để đánh thằng Ngọng. Nhưng Bà mang giày cao gót làm sao đuổi kịp thằng nhỏ tinh-nghịch, bà liền đứng lại gọi người lính cảnh-sát đứng gác ở Ngã-tư :

— Chú bắt cái thằng Ngọng đem về giam bên Bót cho tôi, đi chú !

— Dạ !

Thằng Ngọng vừa chạy đền gần người lính cảnh sát thì bị ánh tạ thộp cổ. Nó hét lên

phản đối :

— Thề nà thề nào ?... Sao nắm cổ tôi, thề nà thề nào ?

Người cảnh-sát cười gằn :  
— Thề nà đi ở tù, nghe chưa ?

— Thề nà thề nào ? Sao bỏ tù tôi, thề nà thề nào ?

Người cảnh sát giao thằng Ngọng cho một bạn đồng nghiệp, vì thấy chưa hết giờ canh gác nơi đây. Người cảnh sát thứ hai, một tay nắm guidon xe đạp, một tay nắm mạnh vai áo thằng Ngọng, dẫn nó về Bót. Thằng Ngọng không chịu đi, dẫy dựa té xuống lề đường, khóc thét lên hu ! hu ! hu !... Nó la khóc âm ý, khiến công chúng bu lại xem cho rõ chuyện chi. Một người hỏi thấy cảnh-sát tại sao bắt nó. Người cảnh sát trả lời :

— Tôi biết đâu ! Bà-Lớn bảo bắt thì bắt, tụi tôi chỉ làm phận sự.

Người ta nghe câu trả lời vô lý, nhưng không ai dám can thiệp. Thằng Ngọng thì cứ la lên :

— Thề nà thề nào ?... Tôi không nắm gì mà sao bắt tôi ? Thề nà thề nào ?...

Tội nghiệp thằng Ngọng, nó không sợ ở tù đâu. Nhưng ở tù « lằng-xọc », ở tù oan-ức thề là nó không chịu.

Nhưng nó cũng bị lỗi về Bót vì có lệnh của Quan Lớn « phu-nhân », mặc dầu chính người cảnh-sát cũng biết chán là trái-phép.

Người lính vừa dẫn thằng Ngọng vào đền sân thì gặp ngay ông Cảnh-sát-trưởng. Anh báo-cáo với ông :

— Thưa ông Chánh, thằng Ngọng nó hỗn với Bà-Lớn, Bà-Lớn bảo bắt giam.

Thằng Ngọng tự bào-chữa :

— Dạ thưa ông Chánh, con đâu có hỗn với Bà-Nớn, con đang chơi ngoài nẽ đường, Bà Nớn ở trong tiệm Vàng ra gọi thấy Cảnh-sát bảo bắt bỏ tù con, thề nà thề nào ?

Ông Cảnh-Sát Trưởng chau mày :

— Tự - nhiên mày chơi ngoài đường, sao Bà-Lớn lại bảo bắt mày ? Tại mày có nói hỗn sao đó chứ ?

— Con không có nói hỗn, thề nà thề nào ?

Quay lại người lính, ông bảo :

— Nhưng dù sao, mình cũng

không có quyền bắt người trái-phép như thề được. Nó có nói hỗn với bà ấy, thì Bà ấy cứ đánh nó, hay làm gì nó thì làm, sao lại bảo Cảnh-Sát bắt nó ?

Ông Cảnh-sát-trưởng tùm tùm cười, cú khế trên đầu thằng Ngọng một cú :

— Mày nghịch lắm, ở thành phố ai còn lạ gì mày. Nhưng lần nầy tao tha cho đi về, mày không được hỗn với người lớn nữa nghe không ?

Thằng Ngọng đang khóc thút-thít, nghe được tha nó mừng quá, ráng cười lên :

— Dạ con không dám hỗn với Bà Nớn, thề nà thề nào.

Ông Cò-Chánh, ông Cò-phó và mấy thầy cảnh-sát đứng đây đều phì cười.

Ông Phó đùa bốn xách tai nó :

— Thề nà thề nào ?

Bỗng có tiếng điện-thoại reo. Ông Chánh Cảnh-sát-trưởng chạy vào văn-phòng. Một phút sau, ông vội-vàng chạy ra :

— Thằng Ngọng đâu ?

— Thưa, nó vừa đi ra.

— Chạy theo bắt nó lại, mau lên ! Ông Tỉnh - Trưởng ra lệnh bắt giam nó.

Một thầy cảnh-sát vội chạy ra đường, đuổi theo thằng Ngọng... Nó đang lom-khom bên một khóm cây, bước rón-rén để rình bắt con chuồng-chuồng. Thấy cảnh-sát thì đi rón-rén lại gần sau lưng nó. Nó không hay biết gì. Nhưng nó vừa đưa tay nếm cái đuôi con chuồng-chuồng thì bị thầy cảnh-sát thọc cổ. Nó thả con chuồng-chuồng, quay lại người cảnh-sát :

— Thề nà thề nào ?

— Đi về bót.

— Thề nà thề nào ? Ông Chánh tha cho tôi rồi, sao lại còn bắt tôi, thề nà thề nào ?

Thầy Cảnh-sát không trả lời, cứ việc nắm vai áo thằng nhỏ kéo về Bót. Nó lại khóc lên :

— Thề nà thề nào ? ... Hu ! Hu ! Hu ! ... Thề nà thề nào ? ...

Người lính dắt nó vào đền sân, ông Phó Cảnh-sát-trưởng đứng trên hè, làm thỉnh hát hàm làm dấu hiệu đem nhốt nó trong phòng giam ở sân sau. Thằng Ngọng khóc sụt-mướt nhìn người lính :

— Thấy ơi, thề nà thề nào ? Người lính mở cửa một

gian phòng tối đen tối thui, xô nó vào phòng. Nó la lên :

— Thề nà thề nào ? Sao bỏ tù tôi, thề nà thề nào ?

Người lính ở ngoài đóng ập cửa lại, lầy chìa-khóa khóa kín cửa.

Thằng Ngọng khóc nức nở. Ở ngoài người ta còn nghe văng vẳng tiếng nó :

— Thề nà thề nào ? ... Trời đất, Phật, Chúa ơi ! Cứu con với, con bị tù thề nà thề nào ? Con bị tù, thề nà thề nào ? ... Hu ! Hu ! Hu ! ...

Ngoài đường, hai đứa học trò bảy tám tuổi, ngây-thơ không biết gì, đang vui-vẻ nhịp nhàng vừa đi vừa hát bài vè của thằng Ngọng :

*Níp-níp-nơ,*

*Đêm hôm qua*

*Mưa gió mịt mù,*

*Níp-níp-nơ*

*Đêm hôm qua,*

*Bà-Nớn nhày-dù*

*Níp-níp-nơ*

Tiếng các em văng-vàng xa dần về phía trường Tiểu-học thành-phố...

● (còn nữa)



## Bão lụt ở miền Trung

Chúng tôi rất cảm-động được tin đồng-bào bị nạn bão lụt tại các tỉnh Quảng-Nam, Thừa-Thiên, Quảng-Tri Chúng tôi xin gửi lời thân-ái lo-âu cùng toàn thể Bạn đọc và Đồng-bào đang cam-khò ở các miền ấy.

PHỒ - THÔNG Tạp - Chí



### \* Khóc Marilyn Monroe

(của Ông Victor Lotusson, Chợ-Lớn)

● LỜI TÒA SOẠN. — Chúng tôi vui lòng đăng bài thơ Anh-ngữ sau đây. Tác-giả có lẽ là một trong những người đàn ông đã say-mê sắc-đẹp của nữ minh-tinh Mỹ, mà ông gọi là « nàng Cléopâtre hứ hai »! Ông Victor Lotusson, một độc giả trung-thành của Phồ-Thông tạp-chí, — theo trong thư ông, — quá khiếm-tốn trong khi ông ngại dịch ra Việt-văn, và yêu-cầu chúng tôi dịch giùm.

Rất tiếc, Phồ-Thông không còn chỗ, nên chúng tôi chỉ đăng nguyên bài Anh-văn thôi, gọi là đề làm vui lòng ông bạn đọc ngoại-quốc muốn ghi trong Phồ-Thông tạp-chí chút kỷ-niệm tha-thiết đối với cô Tài-tử danh-tiếng của màn-ảnh Huê-kỳ đã tự-tử trong trường-hợp đáng thương.

P. T.

### MARILYN MONROE IS DEAD

— Since August 5th, 1962 —

Victor Lotusson  
Mourning. . .

Marilyn Monroe is dead and gone :  
Blessed she feels, but I remain alone !

A daffodil, a star, a comet before.  
Now a bag of rotten bones, no more !

From 0 to ten figures, she returns to ZERO,  
After she's ruined and torn many a beau !...

Her carcass melts, but she will stay  
In at least ten films that won't decay !  
Peace to your soul, second' Cléopatra,  
You had to live short! 'cause you ran too far !  
Who has wept for your senseless body ?  
Who could that hour bear sympathy ?  
Noise, fame, Love, when your SEX moves.  
Now, at the « Bus Stop ! » who proves  
Your darling ? None, sure, except *this* guy !  
In mind's eye, for your dreams, he did try !...  
Peace to your soul, dear girl,  
Your hips and lips no longer swirl !...

VICTOR LOTUSSON

Cholon, August 6, 1962

### \* Tổ-chức lớp riêng biệt cho Nữ-Sinh

(Thông-tư của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục)

...Sau khi Nha Tư-Thực và Bình-Dân Giáo-Dục gửi đến Quý VỊ HIỆU-TRƯỞNG Trung-Học Tư-Thực và bán-công THÔNG-TU số 2478-GD/TT/TrH ngày 28-6-1962 đề khuyên các Trường nên tổ-chức lớp học riêng-biệt cho Nữ-Sinh, Bộ chúng tôi rất hân-hoan được thấy nhiều Báo ở Thủ-Đô, qua những bài bình-luận xây dựng và những thiên phóng sự điều tra, đã đồng quan điểm với chúng tôi về việc duy-trì kỷ-luật và chấn hưng đạo-đức học đường.

Xin nhắc lại rằng đây là những biện-pháp đưa ra để các Trường Trung-Học Tư-thực và Bán-công, tùy theo hoàn cảnh và phương-tiện, lần-lần tổ-chức những lớp hay khu riêng-biệt cho Nữ-Sinh hầu tránh những hậu quả tai hại có thể xảy ra.

Bộ chúng tôi xét chưa thể áp-dụng ngay những biện pháp cương-quyết và mạnh mẽ như vài báo đã đề-nghị Tuy nhiên, chúng tôi trông mong rất nhiều ở thiện chí của Quý-VỊ HIỆU-TRƯỞNG trong việc thi-hành chặt-chẽ kỷ-luật nhà trường đối với những học-sinh kém đức hạnh. Chúng tôi cũng mong các Tư-Thực lớn sẽ đóng vai tiên phong trong kế hoạch khang-khiến-hóa Thanh-Niên học đường.

Các VỊ THANH-TRA Tư-Thực sẽ được phái đến tiếp-xúc với Quý-VỊ HIỆU-TRƯỞNG Tư-Thực và bán-công đề thông-cảm và cùng kiểm-điểm những công tác ngõ hầu thực hiện những khuyên-

cáo của BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC trong việc chấn-hưng đạo đức học-đường.

Trân-trọng kính chào ông CHỦ-NHIỆM và thành thật cảm ơn Quý Báo luôn-luôn quan-tâm đến vấn-đề giáo-dục nước nhà.

*Đồng-lý Văn-phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục*  
**NGUYỄN-ĐÌNH-HUNG**

● **LỜI TÒA SOẠN** : Chúng tôi vui mừng thấy trong bức công-văn trên đây, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã chính-thức dùng động-từ «*khang-khien-hóa*» thay cho động-từ «*Lành-mạnh-hóa*».

Chúng tôi xin trân-trọng cảm ơn Bộ Giáo-dục đã vui lòng chấp thuận đề nghị nhỏ mọn của *Phở-Thông tạp chí*, trong lúc một số các báo và một vài cơ quan chính quyền địa-phương vẫn tiếp tục dùng những chữ vô-nghĩa.

Chính Phủ Tổng-Thống cũng đã bỏ câu «*Luật Lành mạnh hóa xã-hội*» mà đặt lại là «*Luật Bảo-vệ Luân-lý*». Chúng tôi mong ước bao giờ mới có một «*Luật Bảo-vệ Tiếng Nói Việt Nam*»?

✧ **Hai bức thư kính gửi Bộ Giáo-Dục.**

1.— Chúng tôi có nhận được bức thư của một nhóm cựu Giáo sinh trường Quốc-gia Sư-phạm Saigon và Vĩnh-Long, mới tốt nghiệp khóa vừa rồi, trân trọng xin Bộ Giáo-dục bỏ dụng họ, vì hiện giờ họ vẫn còn nằm nhà, thất nghiệp.

2.— Bức thư thứ hai của một nhóm Phụ-huynh học sinh lớp Tiểu-học trường Mộ-Đức, Quảng-Ngãi, than phiền cô giáo lớp ấy «*đem bài thi về nhà chấm*», và «*chấm bắt công*», khiến một số học giỏi mà thi rớt. Phụ-huynh học-sinh đến hỏi, cô trả lời rằng «*Bộ ra luật mới*» như thế.

● Vì báo hết chỗ, nên chúng tôi xin tóm tắt hai bức thư trên, đề nhà Thăm-quyền tùy nghi xử dụng.

**Đã phát hành VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 71**

Nội-dung phong-phú dày 186 trang giá 12\$

**ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC**

**BA SINH HƯƠNG LỬA**

Tuyên đời : **DOÃN-QUỐC-SỸ**, trình bày **NGỌC-DŨNG, DUY-THANH**

Sách quý loại A : 200\$, sách quý loại B : 150\$

Xin liên lạc tại địa-chỉ : **Ô. DOÃN-QUỐC-SỸ**

338/60B, Thành-Thái — **CHOLON**



**ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG**

★ **DIỆU-HUYỀN**

✧ **Ông H.H.T. Giáo-sư Huế**

Chữ *Tài-xế*, là do hai chữ Nho : *Đà-công*, người lái thuyền, theo lời ông Lê ngọc Trụ, Thư-viện Quốc-gia. Nhưng theo chúng tôi thì có lẽ do chữ Anh *Driver*, (người lái xe hơi).

✧ **Bà Ngô đình Dư, Phú-nhượng**

«*Tứ đồ tường*» = bốn bức tường. (Hai chữ ghép *Đồ* và *Tường* cùng một nghĩa). Rượu, phiện, cờ-bạc, đi-điêm, là 4 bức tường giam-hãm con người trong u-ám và tội-lỗi.

✧ **Bạn Ánh-Tuyết, Cam-phú, Quảng-Trị**

Ngày 25-1-Tân-Vị = 13-3-1931.

✧ **Bạn Lý-v. Khoách, Phan-thanh-Giản, Sa-đéc**

Mày câu kết-thúc trong đoạn chót của «*Mồ hôi Nước Mắt*» đã đề cho chúng ta hiểu rằng cô Ánh đã hoàn-toàn ưng thuận kết hôn với Ông Ngọc-Minh. Chỉ hai tiếng «*... của anh*» do Ánh đáp lại tiếng gọi âu-yêm của người yêu, là tất cả kết câu của quyển truyện. «*Của anh*» tức là «*thuộc hẳn về anh*» rồi thì còn «*dài giòng văn tự*» làm chi nữa. Còn bà Minh-Tú tác giả cũng không muốn nói đến nữa, vì nàng chỉ là em của Ngọc-Minh. Anh muốn cưới vợ, dù cô em gái sẽ phản đối, hay tán thành sự ấy đâu có quan-hệ. Và lại, chúng ta còn nhớ có một lần, hôm trước Tết, Ngọc-Minh đã trả lời Ánh : «*việc gia-đình Minh-Tú không thành văn-đế, chúng ta sẽ dàn-xếp êm-đẹp cả*». Chắc chắn là Ánh đã tin-trưởng nơi lời nói của ông giáo-sư Ngọc-Minh.

✧ **Bạn Nguyễn-thế-Điều, Qui-nhơn**

● sẽ có thư riêng.

✧ **Bạn Hoa-Nam, Nha-Trang.**

— Cũng như tất cả các báo chí, *Phở-Thông* đăng một số quảng-cáo thuốc, sách, kỹ-nghệ, v.v... là do các nhà buôn *thuê đăng*. Tòa soạn hoàn-toàn không liên-can gì đến các quảng-cáo và không có trách nhiệm gì vào đây.

— 20-5 Mậu Dần (Âm-lịch) = 17-6-1938.

— Tháng 10-1937 thuộc năm *Dinh-sửu* ; Ngày 10 tháng 2-1939 thuộc năm *Mậu-dần* ; 19-2-1939 (mồng 1 Tết) mới qua năm *Kỷ-mão*.

— Năm 1937 là năm *Đinh-Sửu*, chứ không phải năm *Mậu-Dần*. Năm *Đinh-sửu* bắt đầu từ ngày 1 Tết, tức là ngày 11-2-1937, cho đến ngày 29 tháng chạp (Tháng này thiếu), tức là ngày 30-1-1938.

★ **Ô Phan ngọc Châu, KBC 4816.**

*Phu-nhân*, phải giáng là người có chồng. (chứ không phải là người chồng), hoặc là người của chồng, nghĩa là *Vợ*.

— Chữ *Phụ* là đàn-bà, là vợ, viết : 婦

— Chữ *Phụ* là cha, viết : 父

★ **Ông Lê quang-Thanh, Tòa Sơ-Thẩm, Vĩnh-Long**

— *Edit* và *Ordonnance* đều đồng nghĩa là *Dụ*, hay là *Sắc-lệnh*. Chỉ có khác nhau đôi chút về nội-dung pháp-lý mà thôi. Trong *Dictionnaire Encyclopédique*, có ghi rõ : *Droit français*, le mot *Edit* emprunté aux Romains fut employé pour désigner un acte législatif émané des rois, et restreint à une seule matière. Le terme *ordonnance* fut réservé aux lois générales contenant plusieurs dispositions sur des matières différentes.

— Theo *Tiên-Thiên Diệc Số*, thì *Địa-chi tương-hiệp* : Tý-Sửu hiệp, Dần-Hợi hiệp, Mẹo-tuất hiệp, Thìn-Dậu hiệp, Tỵ-Thân hiệp, Ngọ-Mùi hiệp.

*Địa-chi tương xung* : Tý xung Ngọ, Sửu xung Mùi, Dần xung Thân, Mẹo xung Dậu, Thìn xung Tuất, Tỵ xung Hợi.

★ **Cô Hồng Phú, Saigon**

Ngày 10-3 Tân-Tỵ = 6-4-1941 (Ngày chủ nhật).

★ **Bạn Song Nguyễn, Phan-Thiết**

Bệnh-viện Qui-Hòa, Qui-Nhơn, là bệnh viện Hùi (Cùi). Bạn cứ gửi thư cho bạn Bùi-trần-Sơn theo địa-chỉ ấy là được.

★ **Ô Long Sananikone, Savannakhet, Laos**

Đã nhận được bưu phiều 100đ ông đặt mua tập thơ *Hoang-Vu*, bản đặc biệt. Xin cảm ơn.

★ **Ô. Phong-Khê, Phú-Phong, Bình-Khê.**

● Nguyễn Bình Khiêm là một Thi-sĩ yêm-thê, không thể gọi là một nhà triết-học được, vì ông không có đưa ra một hệ-thống triết-lý nào cả. Sự nghiệp văn-chương của ông chỉ gồm trong « *Bạch-Vân-Am thi-tập* » mà thôi.

● **Bài Phong-Kiều Dạ Bạc của Trương-Kê :**

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,*

*Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*

*Cô-tô thành-ngoại Hàn-Sơn tự,*

*Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

Xin tạm dịch :

Trăng lặn, sương mù, tiếng quạ kêu,

Sầu mơ, cây, nước, lửa đuôi hiu.

Cô-tô thấp-thoáng Hàn-Sơn tự

Cầm khách thuyền khuya chuông tịch-liêu !

★ **Bạn T. T. Đà-nẵng.**

Trong việc hôn-nhân, theo phong tục của ta và của Tàu, thường xem tuổi hai bên trai, gái có hợp với nhau không, điều đó, theo chút ít kinh nghiệm học-hỏi riêng của chúng tôi, thường không đúng lắm. Sự xung khắc của các *Địa-Chi* vẫn có ứng-nghiệm một phần nào, nhưng tình-yêu và hoàn-cảnh gia-đình sau khi thành vợ chồng, vẫn có thể vượt qua các trở-lực. Tuổi xung kàc, nhưng vẫn sống chung với nhau được. Trái lại, tuổi tương hợp nhưng vẫn có thể bị chia lìa, vì ngoài tuổi tác của vợ chồng còn có những *yếu-tố ngoại cuộc* ảnh-hưởng đến vận-mệnh của mỗi người không ít. Sự xung-khắc tuổi tác của cha mẹ rất thường được san-bằng nhờ tuổi của người con, hoặc những người con. Trái lại, sự tương hợp tuổi tác cũng rất thường bị tan vỡ vì ảnh-hưởng của một tuổi khác trong thân quyền. Vấn-đề này vô cùng phức-tạp, chứ không quá giản-dị theo thành kiến thông-thường.

★ **Ô. Ng. Quân, KBC 4124**

Về sách Yoga, ông viết thư hỏi mua tại các tiệm sách lớn Saigon, như Khai-Trí, đường Lê-Lợi — Xuân-Thu, đường Tự-do.

★ **Ô. Ng. v. Thương, Phước Thành**

Ngày 16-9-Ất Hợi = 13-10-1935

★ **Ô. Hà-thành-Lợi, Công-An, Nha-Trang**

Người con của ông, không thể khai-sinh lại một lần nữa, vì : — Vợ ông đã không có hôn-thú với ông, mà hiện nay lại có chồng khác, ở nơi khác.

— Đứa con ấy đã có khai-sinh rồi và mang họ khác của người cha khác.

★ **Bạn Đa-Hoài, Đà-nẵng**

Mối tình của bạn với T. trong « *Luật gia-đình* » cảm hẳn. Luân-lý Việt-nam vẫn không cho phép một sự hôn-phối chính thức giữa hai anh em con chú bác ruột.

● **Cô Thùy-Nhiên, Tây-Ninh.**

Theo thường lệ, trong thời kỳ đính hôn, con gái đeo nhẫn một hạt, con trai không đeo. Nhẫn trơn (Alliance) chỉ được đeo từ khi đã làm lễ thành hôn, và cả đôi vợ chồng cùng đeo.

★ **Bạn Lai v. Thái, Saigon**

Bạn có thể đem những số báo ấy đến Tòa-Soạn đòi lấy các số báo thiếu.

★ **Ô. Ya-Uk, Radio Đalat**

Ông Jaya Panrang, cộng sự viên của Phỏ-Thông, chính là người Chăm, và tên đó là tên thật của ông ấy. Nếu ông muốn được quen biết với ông Panrang, xin ông viết thư đến tòa soạn chúng tôi sẽ chuyển giao giúp ông.

★ **Cô P. Yên-Đỗ**

— Con gái thường dưới 12 tuổi chưa có đường kinh, không thể thụ thai được.

— Thiếu nữ chưa mất trinh, cũng không thể thụ thai.

● **Bạn ái-Việt Đalat.**

Cứ gửi bài chúng tôi xem. Đăng được hay không, chúng tôi không thể trả lời trước.

**Công - Ty Bảo - Hiểm**

« **LE SECOURS** »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - hoai : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghị thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

**AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC**

**HEPATIC**

**Ai đau gan?**

**NÊN DÙNG THUỐC**

**HEPATIC**

**CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AÙ MỸ**

**HEPATIC**

**Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu**

Số Kiểm nhận 38/Q.C.D.P./B.Y.T. ngày 22-7-60

# XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT

Hàng tuần vé số Kiến-Thiết  
phát-hành 3.000.000 vé :


- 1.000.000 vé mang mẫu tự A,B,C v.v...
  - 1.000.000 vé mang mẫu tự AA,BB,CC v.v..
  - 1.000.000 vé mang mẫu tự AAA,BBB,CCC v.v...
- đều được ghi số như sau từ 000.000 đến 999.999.

NGÀY MỞ SỐ :

**THỨ BA HÀNG TUẦN**

## TỔNG SỐ CÁC LỖ TRÚNG :

3 lô trúng độc đặc mỗi lô 1.000.000\$			
15	—	—	100.000\$
15	—	—	50.000\$
180	—	—	10.000\$
600	—	—	5.000\$
3.000	—	—	1.000\$
3.000	—	—	500\$
30.000	—	—	100\$
165	—	an ủi	2.000\$



**POLYVIT C**  
TÉVÉTÔ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON ĐÓ  
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-OT, CHẠM MỘC RÀNG  
**THUỐC ĐỠ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**  
CÓ BẠN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỮ AU-DÚC



**BILAXIANE**  
*Chẩn  
nhuận trường*

BAN KHAP NH. THUOC AU TM

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN  
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Phở - Thông số sau: **91**  
1-11-1962

Kỷ niệm ĐỆ-TỬ CHU-NIÊN

★ Những bài của:

HOÀNG-XUÂN-HÂN (Paris)

NGUYỄN-VĂN-CỒN ( > )

LÊ-THỊ-ĐÌNH (Suisse)

NÔNG-BĂNG-GIANG (Tokyo)

PHÙNG-LÊ-ÁNH (Manille)

SANDRANA (New Delhi)

CHRISTA ABEL (Hamburg)

NGUYỄN-TRIỆU — THIẾU-SON —  
TẾ-XUYÊN

ĐẶNG-CÔNG-THẮNG — MỸ-KHANH

THÂM-THỆ-HÀ — TÂN-PHONG

DIỆU-HUYỀN — NGUYỄN-VỸ

v.v. ....

★

THÂN TẶNG BẠN ĐỌC:

★ MỤC LỤC TỔNG QUÁT,

đầy đủ tất cả trên 3.000 bài đã đăng trong tạp-chí PHỒ-THÔNG từ số 1 đến số 90, gồm 132 trang, đóng chung trong số kỷ niệm Đệ-Tử Chu-Niên.

★ Nhân dịp kỷ-niệm này, Phở-Thông số 91 dày 264 trang, (gấp hai quyền Phở-Thông thường), vẫn bán giá 10\$

Đặc-biệt phát-hành 30.000 số